

Số 120

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

*Sống giản đơn,
hạnh phúc hơn!*

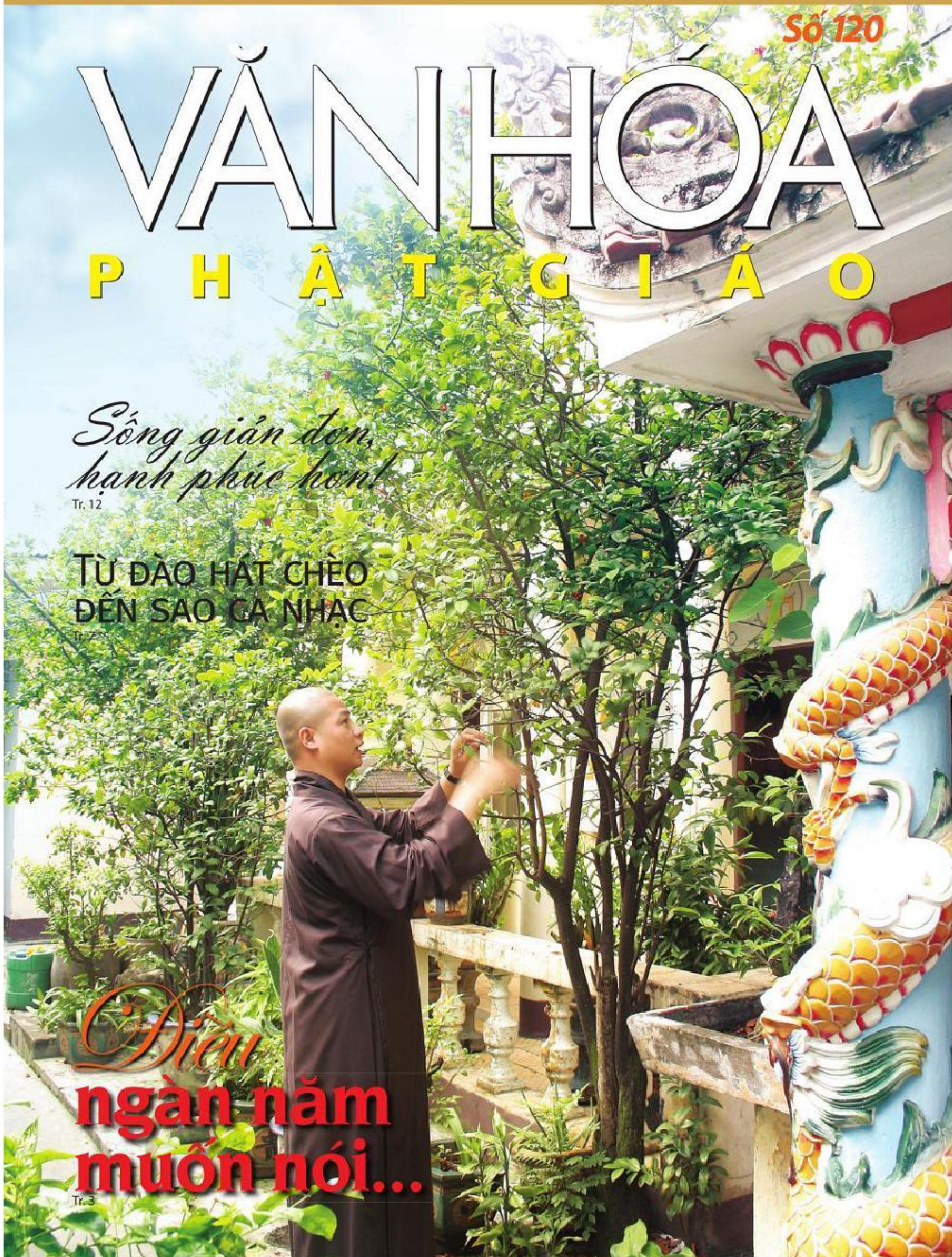
Tr. 12

TỪ ĐÀO HÁT CHÈO
ĐẾN SAO CA NHẠC

Tr. 23

Diễn
**ngàn năm
muốn nói...**

Tr. 3





TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

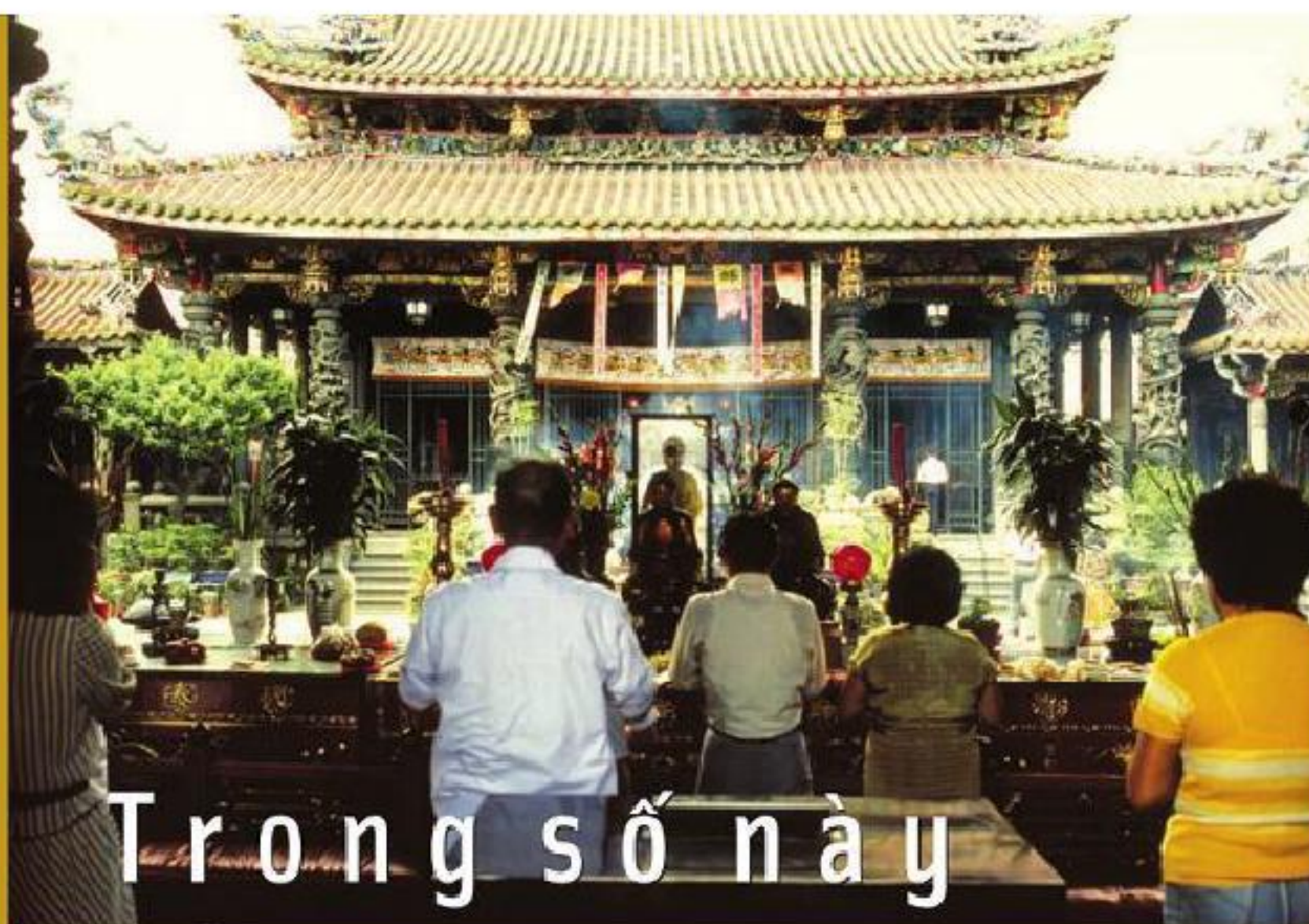
Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương

Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

VPĐD: 215-217 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp.HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Điều ngàn năm muốn nói... (Nguyễn Cẩn)	3
Sương mai	6
Từ đào hát chèo đến sao ca nhạc (Cao Huy Hóa)	7
Kịch bản diễn tả bài thơ <i>Upagupta</i> của Tagore (Hoang Phong)	10
Sống giản đơn, hạnh phúc hơn! (Nguyễn Thy Anh)	12
Chất Phật trong <i>Quốc âm thi tập</i> của Nguyễn Trãi (Thích Hạnh Tuệ)	14
Tìm hiểu văn bia <i>Thái Bình Tự Thạch Bi</i> (Đồng Dương)	16
Phương pháp dứt trừ điều ác (Đồng Thanh)	19
Nghĩ nhiều và nghĩ ít (Tấn Nghĩa)	22
Không ai sung sướng cả (Thiện Tài)	25
Năm thói quen giúp cân bằng cuộc sống (Leo Babauta)	28
Trí tuệ ở ghé bên cạnh (Sylvia Boorstein, Thị Giới dịch)	30
Nhất Phật nhất thần tiên (Thích Phước Đạt)	32
Sống và chết (Võ Văn Lân)	35
Phật hóa gia đình (HT. Thích Thánh Nghiêm, Thích Nữ Viên Thắng dịch)	38
Thất bại (Minh Niệm)	41
Nghĩ về kỹ năng sống (Phan Minh Đức)	44
Ngoại ơi! (Hố Thu)	46
Dấu vân tay (Nguyễn Thị Hải)	48
Một buổi tối cuối tuần lợi lạc (Chu Đăng Giang)	50
Thơ	52
Cặp đá "Trống Mái" (Truyện ngắn của Nguyễn Văn Hoan)	54
Dấu thác vẫn còn (Nguyễn Trọng Hoạt)	57
Hoa so đũa (Hải Trình)	58
Trưa hoang (Hoàng Quy)	59
Lời cảm ơn cuộc sống	60
Món chay: Bánh quai vạc (Hoàng Anh - Phú Xuân)	61

Bìa 1: Chờ Xuân. Ảnh: Kiều Nguyễn.

QUÁN CHAY

pháp uyển

Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần

17/4 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35 035 579

NGỌC HIỂN

QUÀ LƯU NIỆM - TRANG TRÍ
ĐÓ THỜ CÙNG - TƯỢNG PHẬT MẠ VÀNG

158 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP.HCM
ĐT: 38.355.590 - DĐ: 0983 675 570

Ẩm Thực Chay
THIÊN DUYÊN

Phước Đức Vạn Đức Tâm An Lạc

☐ **Rằm:** Buffet món
☐ **Mùng 1:** Buffet thiên nhiên

Địa chỉ:
141 Nguyễn Thị Thập
P. Tân Phú, Quận. 7, TP. HCM

NHÀ MAY Vạn Hạnh

CHUYÊN MAY PHÁP PHỤC TỬ SĨ

+ V. - HẬU - ÁO - TRẦN - NHẬT - BÌNH
+ QUỐC PHỤC - MÃO
+ TƯ VẤN THIẾT KẾ : Y - HẬU - KINH SƯ
+ MAY ĐO TẬN NƠI

NHẬN MAY SỐ LƯỢNG LỚN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

603 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 1, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT: 08.3830 1956 - 08.3504 0672 - DĐ: 0903 343 183
Web: www.van-hanh.coo.vn
(Đẩu ngã 7 - Lên lầu 1 gặp cô Tịnh)

Phân phối: Mặt dây chuyền, Nhẫn, Chuỗi, Tượng Phật từ Jade West - Canada, nơi cung cấp khối đá cho Phật Ngọc Hòa Bình Thế giới.

LIÊN HỆ ĐẶT HÀNG:

VP tại Mỹ: Trung tâm VHPG - Chùa Di Lạc
765 Story Road, Suite 130, San Jose, CA 95122
Phone: 408 888 2062

Đại lý 1: Cty TNHH TM - DV MAI HUY PHÚC
296 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP.HCM
Tel.: 0909 046 674
Website: www.ngocthiennhien.com

Đại lý 2: Hiệu sách NGỌC LINH
380/3 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM
Tel.: 0908 348 697

Đại lý 3: Cửa hàng TÂM THUẬN
82/110 Lý Chính Thắng, Q.3, TP.HCM
Tel.: 0902 404 748

**CÓ GIẤY KIỂM ĐỊNH ĐÁ QUÝ CỦA
CTY TNHH GIÁM ĐỊNH RỒNG VÀNG - SJC.**

Họa Tâm

Café - Trà - CƠM CHAY

wifi free

ĐC: 666/4 đường 3/2, phường 14, Quận 10, TP.HCM

Đặc biệt: Café chia sẻ cảm xúc
ĐT: 012.120.1871 - 08.73012750

Chi phí: 80.000đ/giờ

viet-art

HỌA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HOA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 158/29 Nguyễn Văn Đậu, P. 7, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-3510 8212
Email: vietartsupply@gmail.com

☐ Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO
☐ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Suong**
☐ ĐTDD: **0918 032 040**
☐ Email: **thusuong69@gmail.com**

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tết dương lịch 2011 đã đến. Trong năm qua, Văn Hóa Phật Giáo cũng đã trải qua nhiều vui buồn lẫn lộn trong việc phục vụ độc giả. Tuy vậy, nhìn chung tạp chí cũng đạt một số thành tựu khả quan, tạo niềm hy vọng trong năm mới.

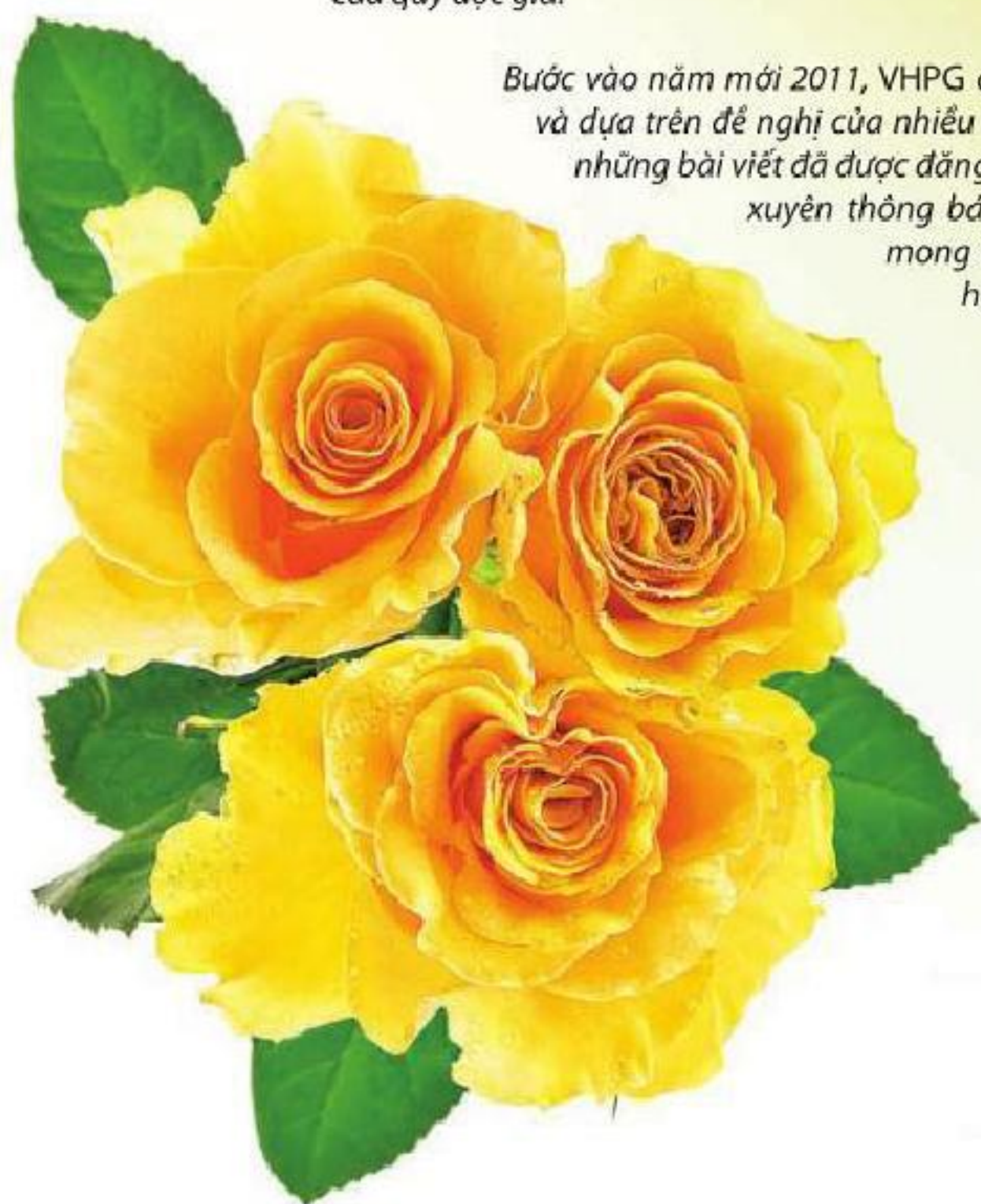
Tiếp theo số báo này, Văn Hóa Phật Giáo sẽ phát hành số Xuân Tân Mão, ra ngày 15-01-2011. Mừng Xuân Tân Mão, VHPG cũng kỷ niệm sáu năm góp mặt trên lĩnh vực truyền thông Phật giáo. Thực hiện hạnh nguyện của người con Phật, VHPG vẫn thường xuyên nhìn lại mình và trân trọng mọi ý kiến của mọi người giúp VHPG tự điều chỉnh. Trong dịp kỷ niệm 6 năm hoạt động, chúng tôi cũng mong mọi quý độc giả tiếp tục giúp VHPG trong việc đánh giá những điều được và chưa được của tạp chí. Trong năm qua, chúng tôi đã thường xuyên nhận được thư góp ý của quý độc giả; tuy vậy, chúng tôi vẫn cảm thấy cần có được nhiều trao đổi hơn để tờ tạp chí của chúng ta ngày càng đáp ứng đúng thẩm thức đang ngày càng trở nên tinh tế hơn của người đọc. Chúng tôi cũng xin sẽ trích đăng một số thư góp ý của độc giả vào số Xuân, được sử dụng như những lời nhắc nhở chúng tôi về việc duy trì và phát triển tờ báo. Thư góp ý với VHPG trong dịp kỷ niệm 6 năm xin gửi về tòa soạn trước ngày 08-01-2011.

VHPG cũng xin nói lên lòng biết ơn đối với quý độc giả về việc sau khi báo tăng giá, đã có nhiều độc giả chia sẻ ủng hộ quyết định ấy. Đã có những độc giả cho rằng tạp chí còn có thể tăng giá cao hơn. Tuy vậy, chúng tôi vẫn nghĩ rằng trong số những người đọc VHPG, còn có nhiều người khó khăn, và chúng tôi cũng có nghĩa vụ thông cảm với những khó khăn ấy. Điều mừng nhất là cho đến nay, số lượng độc giả đặt báo dài hạn đã vượt ngưỡng của nhiều năm qua tại cùng thời điểm, cho thấy VHPG thực sự đang nhận được sự ưu ái của quý độc giả.

Bước vào năm mới 2011, VHPG cũng sẽ tiếp tục có những cải tiến nho nhỏ, và dựa trên đề nghị của nhiều người, sẽ có kế hoạch xuất bản thành sách những bài viết đã được đăng tải ở dạng phổ thông. Chúng tôi sẽ thường xuyên thông báo đến quý độc giả những kế hoạch ấy và mong được quý độc giả ủng hộ. VHPG cũng luôn hoan nghênh những người viết mới. Do vậy, bất cứ vị nào có nhã hứng đóng góp bài vở cho chúng tôi, xin liên lạc với địa chỉ thư điện tử của báo.

Đầu năm 2011, chúng tôi xin chân thành kính chúc quý độc giả một năm mới an khang, thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Điều ngàn năm muốn nói...

NGUYỄN CÁN

Khi Hà Nội từng bùng lễ hội kỷ niệm ngàn năm Thăng Long, người dân đã sống những ngày thật sự có ý nghĩa. Họ nhớ đến lịch sử và những năm tháng hào hùng trong niềm kiêu hãnh của người dân thủ đô, của người con đất Việt. Lễ hội qua đi cũng là lúc người ta xem xét những gì còn lẫn cấn, vướng mắc khiến lễ hội có những điều không như ý: ngoài chuyện giữ xe ‘chém đẹp’, chen chúc mất trật tự... thì phải kể đến thái độ phá hoại công sản như bứt phá cây cảnh, vứt rác xuống hồ Gươm... Có bài báo đã phê phán, “Còn đâu nét thanh lịch?”. Vậy là sao?

Nét đứt gãy của truyền thống

Phải chăng đó là sự đổi mới văn hóa diễn ra một cách không bình thường? Giải thích theo những nhà nghiên cứu xã hội học trong tác phẩm *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập* do Viện Nghiên cứu Văn hóa thực hiện (chủ biên: Ngô Đức Thịnh, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội ấn hành năm 2010) thì ở đây đã “... không có sự kế thừa và phát triển, không có tiếp thu và loại bỏ, mà thường là sự đan xen hỗn loạn giữa cái cũ và cái mới... tạo nên sự hụt hẫng trong đời sống văn hóa và hệ quả là đời sống văn hóa của nhân dân bị suy kiệt và trở nên nghèo nàn”.



Trong tinh thần xác định đầu là những giá trị văn hóa truyền thống đích thực cần bảo tồn, làm giàu và phát huy, ngoài việc tìm hiểu những giá trị truyền thống cả về vật chất và tinh thần mà dân ta còn lưu giữ, các tác giả thuộc Viện Nghiên cứu Văn hóa đã tiến hành một cuộc khảo sát rộng rãi; và kết quả là cung cấp được cho người đọc một bức tranh toàn cảnh khá cụ thể về thực trạng của những giá trị văn hóa.

Những thói tật phản giá trị

Khi khảo sát thực tế trong xã hội, bên cạnh các câu hỏi liên quan đến những giá trị đích thực, các nhà nghiên cứu còn đặt những câu hỏi liên quan đến mặt trái của giá trị, đó là những hiện tượng được coi là phi giá trị, những thói hư tật xấu còn tồn tại hay mới phát sinh gần đây. Trong bảng câu hỏi, các tác giả đưa ra 15 yếu tố được ghi nhận là thói hư tật xấu và đề nghị người được phỏng vấn ghi nhận 5 yếu tố nổi bật nhất với 4 lựa chọn về thời gian: a. từ xưa truyền lại, b. hiện nay mới có, c. vừa có từ xưa vừa xuất hiện ngày nay, và d. thời gian không xác định được.

Danh sách 15 yếu tố phi giá trị được liệt kê ngẫu nhiên gồm: 1. vụ lợi / hám tiền; 2. tò mò; 3. đạo đức hai mặt, giả dối; 4. chuộng ngoại; 5. khoa trương; 6. tự ti; 7. tham vật; 8. thực dụng; 9. cậy thân thế; 10. vô kỷ luật; 11. lười biếng; 12. thích hưởng thụ; 13. thụ động / ít sáng tạo; 14. mê tín dị đoan; và 15. những yếu tố khác.

Theo các tác giả nghiên cứu thì kết quả khảo sát cho thấy có 5 yếu tố được nhận diện là những thói hư tật xấu đáng quan tâm vẫn tồn tại trong xã hội với tỷ lệ ghi nhận được tổng kết như sau:

1. Lối sống vụ lợi / hám tiền	84,4% người trả lời là có thói hư này
2. Đạo đức hai mặt, giả dối	61,4%
3. Cậy thân thế	57,6%
4. Mê tín dị đoan	46,2%
5. Thích hưởng thụ	37,8%

Những yếu tố kế tiếp cũng được coi là thói hư tật xấu có tỷ lệ ghi nhận lần lượt là: lười biếng 30,6%; chuộng ngoại 30,3%; thực dụng 29,2%; vô kỷ luật 28,7%; tham vật 20,7%; tò mò, thóc mách 20%; khoa trương 19,8%; tự ti 13,8%; thụ động 13%; thói hư khác (cụ thể là tham những của quyền...) 3,1%.

Chúng ta thử đi sâu vào phân tích một vài thói hư tật xấu trong danh sách nói trên xem lý do nào mà những người được phỏng vấn lại cho rằng đây là những thói hư hàng đầu của người Việt Nam hôm nay:

a/ Lối sống vụ lợi, hám tiền

Có thể nói rằng đây là thói hư muôn đời của con người chẳng? Như Phật dạy, không ngọn lửa nào nóng hơn lửa tham. Shakespeare cũng diễn tả trong *"Romeo và Juliet"*. Lúc Romeo đi mua thuốc độc, khi gã bán thuốc độc đưa thuốc độc cho Romeo và nói: *"Thuà ngài, thuốc độc đây!"* thì Romeo chỉ vào gói tiền chàng đang

cầm và trả lời, *"Không, đây mới chính là thuốc độc"*.

Cụ Nguyễn Khuyến khi bình về *Truyện Kiều* đã chẳng hóm hỉnh nhận xét:

Có tiền việc ấy mà xong nhỉ?

Đời trước làm quan cũng thế a?"

Nhưng hiện nay ở chúng ta đang có hiện tượng vụ lợi đến mức hoàn toàn bất chấp nhân tình đạo lý và coi thường mọi khái niệm đạo đức. Cũng theo các nhà nghiên cứu thì trong thời chiến tranh thối xấu này không có điều kiện phát triển, thế nhưng vào thập niên 80, *"đêm trước"* của đổi mới, đã có dấu hiệu của lối sống này với những câu hò về như *'Một yêu anh có sen cô / Hai yêu anh có bơ-giô đi làm'*.

Hay những ước mơ kiểu như: *'Tí vi, tử lạnh, Hon da / Có ba thứ ấy mới là người sang'*.

Các nhà nghiên cứu nêu nhận định *"Một số quan chức 'nêu gương' lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của nhà nước lúc giao thời, ra sức vơ vét của công làm giàu cho bản thân, sống phè phỡn trên sự nghèo đói của dân và sự kiệt quệ của Nhà nước"*. Thối xấu ấy bám rễ vào từng ngõ ngách tâm hồn, cuộc sống, làm băng hoại lương tri, hủy hoại mọi mối quan hệ trong cuộc sống.

Các tác giả kết luận *"Với xã hội không chỉ 'đồng tiền là vật định giá' mà nay 'đồng tiền quyết định tất cả', phải chăng chúng ta đang chứng kiến một bức tranh xã hội có phần ánh xạ mặt tiêu cực của xã hội thời kỳ tích lũy ban đầu của tư bản chủ nghĩa thế kỷ XVIII- XIX ở châu Âu!"*. Nơi mà nói như ông trùm xã hội đen Năm Cam *"Cái gì không mua được bằng tiền thì sẽ mua được bằng... rất nhiều tiền"*.

Phải chăng những nhận định và kết luận của các tác giả có phần khoa đại? Có thể thấy thực tế đời sống còn đáng bi quan hơn khi chúng ta thường xuyên tiếp cận những thông tin về các hiện tượng tiêu cực liên quan đến lối sống vụ lợi, hám tiền. Nói như nhà văn Nguyễn Khắc Trường trong *"Mảnh đất lắm người nhiều ma"* thì khi chia đất, thầy phù thủy cũng phải bỏ chạy vì lúc ấy ma nhiều hơn người, cha đâm bổ vào con, vợ đâm bổ vào chồng, anh em đâm bổ vào nhau... không còn chỉ nhân luân, cương thường... Mọi giá trị đều bị đảo lộn... Ngay cả những môi trường trước đây được coi là không thể bị đồng tiền chi phối thì nay cũng bị ô nhiễm nặng nề như giáo dục, y tế, và cả tôn giáo nữa. Người ta chạy trường, chạy bệnh viện, mua bằng, mua chức, mua học vị học hàm, buôn thần, bán thánh... không từ một thứ gì không bị định giá theo mãi lực.

b/ Thái độ sống giả dối, hai mặt

Xã hội tồn tại một cách ổn định khi con người cư xử với nhau có đạo đức và ứng xử một cách chân thật. Một khi con người dùng lời lẽ hoa mỹ thể hiện đạo đức ở chỗ công cộng mà đời sống cá nhân buông thả thì đó là lối sống đạo đức giả, sống hai mặt. Ngày nay, không ít những người có danh phận luôn luôn tìm cách trưng

bày một bộ mặt đạo đức, rao giảng những điều nhân nghĩa nhưng thực tế thì ra sức vơ vét và hưởng thụ một đời sống thác loạn. Có những nhà chính trị chỉ hứa và tuyên bố cho qua nhưng không làm gì để cải thiện tình trạng suy đồi đạo đức hiện tại. Có những quan chức chỉ biết chạy theo các thành tích ảo. Ngay cả những nhà quản lý giáo dục cũng bộc lộ suy đồi nhân cách đáng quan ngại. Những hiện tượng đạo văn, lấy công trình nghiên cứu của người khác làm của mình, sao chép sách của người khác để in ra đứng tên mình... hầu như đã là phổ biến. Đây là tiếng chuông cảnh báo trước nguy cơ chúng ta trở thành một dân tộc thiếu trung thực. Việc xếp lối sống giả dối, hai mặt vào hàng thứ hai trong danh sách những thói xấu của xã hội cũng là một điều không có gì quá đáng.

c/ Lối sống hưởng thụ

Người ta nghĩ gì khi chúng ta phấn đấu đạt mức sản xuất một tỷ lít bia năm nay? Có đáng tự hào không khi khắp nơi đều ăn nhậu tràn lan, cả trong giờ lẫn ngoài giờ làm việc, cả quan và dân đều say sưa, để rồi sau đó là các tệ nạn dính kèm như “tăng hai, tăng ba...?” Riêng trong lãnh vực ăn nhậu đã đủ làm sinh hoạt xã hội xáo trộn vì còn đâu những bữa cơm chiều ấm tình gia đình? Rồi đến những tệ nạn diễn ra gần như công khai. Đi đến một tỉnh nghèo như Bắc Giang, người ta nghe những cụm danh từ như “ngã ba sung sướng”, “phố vầy”, “phố dạng chân”... Chưa bao giờ tâm hồn tuổi trẻ lại bị xâm thực bởi những cơn sóng “đen” của những trang web sex, phim cấp 3 cấp 4 như bây giờ. Đến nỗi các em không còn ngần ngại khi tự thu hình khóa thân của chính mình, hoặc hành hạ bạn mình để tung những clip đen lên mạng. Quả thật, lối sống hưởng thụ thác loạn cũng rất xứng đáng được liệt kê vào hàng đầu của bản danh sách những thói hư tật xấu đang làm băng hoại xã hội.

d/ Một thói xấu cần được bổ sung trong danh sách: giải quyết vấn đề bằng bạo lực

Có một thói xấu chưa được các tác giả nghiên cứu ghi nhận nhưng hết sức nhức nhối hiện nay là việc giải quyết mọi vấn đề bằng bạo lực. Không hiểu từ bao giờ, tình trạng sử dụng bạo lực lại trở nên rộng khắp và lây lan nhanh đến vậy. Người ta đã bắt đưa ra điệp khúc “tàn dư văn hóa đối trụ” hay “ảnh hưởng phim ảnh Tây phương” bởi lẽ tội phạm ở nước ta còn nhiều gấp mấy lần những nước mà chúng ta có một thời “gần” cho họ đủ điều xấu xa.

Có phải vì hội nhập?

Thế nhưng có người lại gọi tất cả thói hưởng thụ, hám tiền, sử dụng bạo lực là *mặt trái của hội nhập* (?) như ông Giám đốc Sở Giáo dục TP.HCM khi trả lời về tình trạng bạo lực học đường. Quý ngài hiểu thế nào là hội nhập?

Khái niệm *hội nhập (integration)* để chỉ một quá



trình mà một thực thể đơn lẻ nào đó tham gia hòa nhập vào một thực thể khác hay một quá trình rộng lớn hơn. Hội nhập văn hóa luôn diễn ra mọi lúc ở cấp độ quốc gia, khu vực và toàn cầu. Kế thừa những giá trị truyền thống và phát huy nó, đồng thời tiếp thu những luồng văn hóa khác là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của bất kỳ quốc gia hay dân tộc nào. Vấn đề là làm thế nào để **“xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc”** (Nghị quyết Trung ương V - 1998), đồng thời xây dựng một thiết chế văn hóa mạnh và tránh tình trạng như nhận xét *“thiết chế hiện nay còn mang nặng tính một chiều nhà nước hóa, vận hành còn nặng tính chính trị hóa và hành chính hóa, chất lượng của đội ngũ cán bộ vận hành còn thiếu năng lực, trách nhiệm và nhiệt tình”*.

Nghĩa là thiết chế phải tạo được sự cân bằng, khiến người dân không chỉ được hưởng thụ những giá trị văn hóa đích thực mà còn được tham gia quá trình sáng tạo văn hóa cộng đồng. Muốn phục hưng những giá trị truyền thống, chúng ta phải huy động nguồn lực không chỉ của nhân dân mà chính tầng lớp quan chức phải thay đổi sâu sắc quan điểm, thái độ đối với văn hóa, giáo dục, và cả tôn giáo, nhất là Phật giáo, vốn đã Việt hóa trở thành “văn hóa hóa”. Một khi trong tâm thức dân gian, ý thức về nhân duyên, nghiệp quả, tu nhân tích đức... trở thành nét chủ đạo, thì giá trị văn hóa cốt lõi sẽ được khôi phục. Dù mất nhiều thời gian, chúng ta cũng phải hết sức cố gắng khôi phục những giá trị ấy nếu không chúng ta sẽ đương đầu với thảm họa khi những thế hệ mai sau đánh mất bản sắc hay bị cuốn theo những triết lý thực dụng vụ lợi, vật chất tầm thường hay hoàn toàn bị cuốn hút bởi các thói xấu được liệt kê ở trên.

Hãy bắt đầu trước khi quá muộn! ■

***Pháp của Ta giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày,
được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố,
tuyên truyền, cho đến trời người.***

Trung A-hàm, Kinh A-lê-tra.





Ảnh: laodong.com.vn

Tù đào hát chèo đến sao ca nhạc

CAO HUY HÓA

C hưa bao giờ như ngày nay, tiếng nhạc lan ra khắp mọi nơi: trong nhà, ngoài phố, miền núi, nông thôn, lễ hội, dịp vui, dịp buồn, quảng cáo,... Thông tin về âm nhạc, về ca sĩ, nhạc sĩ nở rộ trên báo chí, trên tivi và các phương tiện truyền thông. Tôi không phải là người thích thú theo dõi thời sự về công nghệ âm nhạc giải trí, nhưng đôi lúc cảm thấy hay hay khi qua đó thấy được khía cạnh đời thường của xã hội, biết được thị hiếu của thời đại. Nhìn các ca sĩ trẻ, đầy sức sống trên truyền hình, tôi liền tưởng đến gánh hát chèo trong truyện ngắn của Khải Hưng: *Dọc đường gió bụi*.

o o o

Cô đào Mơ, mười tám tuổi, là đào chính của gánh hát chèo bác Hai Truyện, được bác đào luyện từ lúc năm tuổi, rất kỹ lưỡng, nên, bằng *nhân sắc long lanh với đôi mắt hơi xếch, với cặp môi tươi thắm luôn nhếch một nụ cười lẳng lơ, nóng nần, với cái giọng véo von bồng trâm đúng bậc và tấm nhan sắc điểm lệ*¹, Mơ là linh hồn của gánh chèo. Gánh có tất cả mười người, lưu động từ làng này qua làng khác, nơi nào mời thì dừng chân, diễn một, hoặc vài đêm. Khách dĩ nhiên là mê chèo, nhưng cái chính là được xem cô đào Mơ tài sắc vẹn toàn, ca diễn xuất thần.

Tuy thế, khổ cực trần ai vẫn xảy ra cho gánh chèo, nhất là khi những ngày xuân sắp qua, những ngày hội sắp tàn. Bước chân lê đi, bụng đói mà không nơi nào vấy lại. Đoàn lên đôi nghỉ, ăn lót dạ nắm cơm muối vừng, nhân tiện quan sát làng xóm phía dưới, nhìn nơi nào trù phú để lát nữa đến đó, hòng được mời diễn. May thay, đoàn đã chọn đúng địa điểm, được diện kiến anh thanh niên trưởng ấp tài hoa, yêu thú cầm ca, cầm châu giỏi. Thế là gánh chèo phục vụ gần một tuần. Tất nhiên trai đa tình gặp gái lẳng lơ như lửa gần rơm. Trang thanh niên trưởng ấp chết mệt vì Mơ, còn cô đào thì không chỉ lẳng trong tuồng mà cả với con người thực là ông trưởng ấp.

Đêm trước khi đoàn rời ấp, Mơ bí mật lên ra ngoài, vui vầy hạnh phúc với trưởng ấp, còn trưởng ấp thì nhờ người đưa một số tiền và bức thư với lời nhắn: “Chúc anh em lên đường may mắn. Còn Mơ thì nay đã là vợ tôi rồi”. Đoàn đau đớn cất bước ra đi mà như thiếu linh hồn, lang thang qua xóm kế cận, may được mời vào. Đêm khuya, tỉnh giấc nồng, Mơ nghe tiếng trống chèo văng vẳng bên tai, càng lúc càng thúc giục, như mắng trách, như mời gọi.

Lẳng lẳng, se se Mơ ngồi dậy. Tinh nhân của Mơ ngủ vẫn mê man. (...) Mơ nhẹ nhàng lướt như cái bóng, lên bước ra đi. Khi đến gần gánh hát, Mơ thờ dãi, dừng bước đứng lại. Giữa lúc ấy, Tư Thiệp thổi khúc địch sâu thẳm trong bản chèo Hạng Vũ bị vây nơi Cai Hạ. Tiếng địch véo von, rền rĩ làm rung động lòng Mơ, làm tiêu tan cả ái tình mới mẻ. Ngồi xẹp xuống đất Mơ bụng mặt khóc hối hận.

Tiếng địch vẫn sang sảng, khi lên bổng lúc xuống trầm như mỉa mai, như chế giễu kẻ lia phùng phản bạn. Mơ đứng phắt dậy lau nước mắt, hốt hoảng chạy một mạch vào trong rạp.

Bản chèo vừa tan, gánh hát bác Hai đã vội vã lên đường, tuy bấy giờ mới gà gáy sáng. Rồi mặt trời mọc trên đỉnh đồi lại chiếu ánh nắng xuống mười người lang thang trên con đường cát trắng, hành lý chứa chất trong bốn chiếc hòm vuông quang dầu, cũ kỹ. Họ đi. Đi theo cái nghề mà hạnh phúc của ái tình, mãnh lực của kim tiền đều không thắng nổi.

o o o

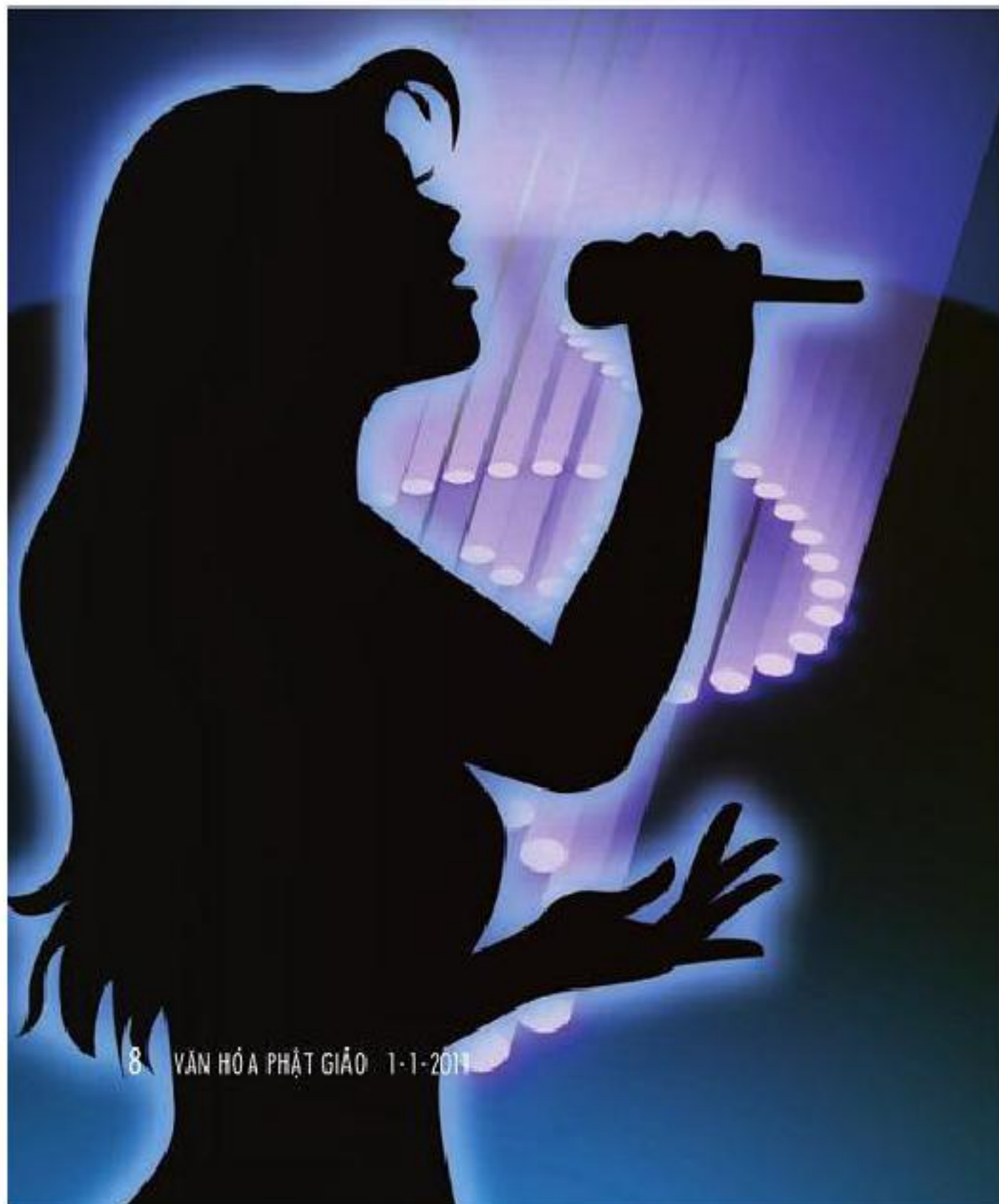
Trong xã hội khép kín sau lũy tre làng, gánh chèo đã đem lại nguồn giải trí sáng khoái và truyền cảm nghệ thuật dân tộc cho mọi tầng lớp, kể cả những người bình dân thất học, trong những ngày hội mùa xuân. Những cô đào Mơ, những anh kép Thiệp là thần tượng của thanh thiếu niên địa phương, có sức lôi cuốn những con tim, những ánh mắt của những chàng trai, cô gái, để đến khi gánh hát rời khỏi làng thì để lại ngán ngơ nuối tiếc, và không chừng có bước chân nhẹ dạ bỏ nhà đi theo tiếng gọi của cầm ca.

Họ đi. Đi theo cái nghề mà hạnh phúc của ái tình, mãnh lực của kim tiền đều không thắng nổi. Nhưng một ngày không xa, họ không đi nữa, thế hệ tiếp nối họ cũng không có mặt để mà đi. Thời thế đã thay đổi, xã hội đã rộng mở, kịch nói, tân nhạc đã hình thành và phát triển, đáp ứng nhu cầu của xã hội mới, phim ảnh lên ngôi, radio, truyền hình lan tận các thôn xóm, nhạc ngoại quốc du nhập, phương tiện nghe nhìn hiện đại,... còn đâu nữa những bước chân lẳng mạn của nghệ thuật chèo!

Những tài năng, hương sắc trong các hình thức nghệ thuật mới đã có điều kiện lan tỏa đến mọi miền, trong đó, các ngôi sao ca nhạc có vai trò nổi bật. “Hữu xạ tự nhiên hương”, nguyên tắc đó đúng nhưng không thể đủ, ngày nay cả một công nghệ lăng-xê tên tuổi nghệ sĩ, diễn viên. Thị trường của công nghệ giải trí thật là đồ sộ, từ giới nhà giàu thường thức ca nhạc trong các phòng trà sang trọng cho đến thanh niên nam nữ vùng sâu, vùng xa. Thị trường đồ sộ như thế nào thì sinh ra thần tượng cũng hoành tráng như thế ấy. Tất nhiên có thần tượng vì có đông đảo người ái mộ, những fan, và khi thần tượng biểu diễn ở đâu, thì nhất hô bá ứng các fan tung hô nồng nhiệt, tặng hoa tưng bừng.

Nghề đàn ca xướng hát đổi đời thấy rõ. Quá xa rồi cái nhìn kỳ thị: “xướng ca vô loại”, đã không còn nữa thân phận rày đây mai đó, “con tầm đến thác vẫn còn vương tơ”.

Nghệ sĩ bây giờ biết lo cho bản thân và gia đình, mua nhà, mua xe hơi, và ý thức được đời ca diễn không kéo dài lâu nên khi đã giàu thì biết đầu tư cho tương lai bằng cách mở nhà hàng, buôn bán bất động sản, quán ăn, thời trang, đào tạo người mẫu, ca sĩ, mở công ty, cho con học trường chọn, trường quốc tế hoặc xuất ngoại



du học,... Những sao ca nhạc, những thần tượng được ái mộ hàng đầu đã trở thành nổi bật trong giới nhà giàu bằng những biệt thự tại những khu sang trọng, thiết kế nội thất, xe hơi loại đắt giá, đến nổi giới nhà báo phải ngẩn ngơ thán phục, *siêu sao* mình cũng đáng mặt anh hào với siêu sao quốc tế đầy chức, điển hình như một nam ca sĩ nổi tiếng hàng đầu trong làng nhạc giải trí mua một số căn hộ cao cấp tại khu đô thị hiện đại bậc nhất tại TP. HCM, trong đó có căn hộ giá 5 triệu USD với thiết kế sang trọng độc đáo, một nữ ca sĩ nổi tiếng hát nhạc âm hưởng dân ca miền Nam cũng mua căn hộ sang trọng tại khu đô thị này với giá 1 triệu USD.

Vì sao có những sao thành danh và giàu có nổi bật như thế? Trước hết, đó là do năng khiếu trời cho: giọng ca hay, ngoại hình hấp dẫn, lại không chịu chấp nhận số phận ru rú ở địa phương để biết đi tìm đường tiến thân, chấp nhận gian lao, cay đắng, và khi có điểm tựa thì trì chí luyện tập, học hỏi và nhất là có đủ thông minh để chiều theo thị hiếu và lấy lòng giới truyền thông. Khi *sao* đã sáng rồi, thì giàu sang từ ca diễn đã đành, *sao* còn được giàu thêm nhờ cho hình ảnh quảng cáo sản phẩm, và *sao* còn thuận lợi hơn khi chính mình dùng tên tuổi để dựng bảng hiệu cho cửa hàng của mình. Một yếu tố không kém phần quan trọng là công nghệ trình diễn từ nhà đầu tư, người bảo trợ nắm bắt thị hiếu của quần chúng, đạo diễn, nhạc sĩ, nhạc công, vũ đạo... đến thiết kế sân khấu, âm thanh, rồi quảng cáo, tiếp thị, bao gồm báo chí và các phương tiện truyền thông, tất cả hỗ trợ cho *sao* ca hát, nhún nhảy trong từng màn kéo dài năm, bảy phút trên sân khấu.

Nhưng trên tất cả, một công nghệ giải trí được phát đạt, *sao* được phát lên là nhờ... quần chúng nhân dân, đúng hơn là tầng lớp dân thị thành có tiền. Trong cuộc sống hối hả, nhộn nhịp, trong cơn lốc của kinh tế thị trường, trong cảnh ngột ngạt của cuộc sống đô thị, con người – nhất là thanh thiếu niên – tìm thú vui trong ca nhạc thời trang, hiểu động theo giai điệu dễ nghe, ca từ đời thường, nhịp điệu quay cuồng, âm thanh dồn dập. Ở đây, đối tượng thụ hưởng không cốt nghe mà nghe-nhìn, phần nhìn lấn át phần nghe, và người diễn cùng khán giả cộng hưởng trong không khí quay cuồng của nhịp điệu và âm thanh. Ở đây, không có sự lắng đọng tâm hồn, không có sự tinh tế trong thưởng thức nghệ thuật, ở đây chỉ là mua vui nhiều hơn chốc lát mà chẳng cần suy nghĩ sâu xa. Thị hiếu này đáp ứng yêu cầu giải trí của thanh niên, và trong thời đại hội nhập thế giới, thị hiếu này cũng có tính toàn cầu và chịu ảnh hưởng của công nghệ giải trí, ca nhạc thời trang và công nghệ truyền thông đồ sộ của các nước phát triển, nhất là Mỹ. Vì vậy, ca nhạc giải trí thời thượng Việt Nam du nhập dễ dàng nào là từ Mỹ, châu Âu, Trung Hoa, Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan,... và quá nhiều nghi vấn râm ran trên dư luận về chuyện đạo nhạc hay vay mượn giai điệu từ Tàu, Thái, Hàn.

Nhìn trên bề mặt hoạt động của ca nhạc giải trí, ta dễ

nhận ra xã hội Việt Nam, nhất là các thành phố lớn, đã giàu thấy rõ. *Nước có lên*, thể hiện ở dân giàu, dân có tiền mới mua vé ca nhạc từ vài trăm ngàn đến bạc triệu, có vé xem live show lên đến 2,5 triệu (một ca sĩ hải ngoại nổi tiếng tại TP.HCM tháng 10/2010), thì *thuyền* ca nhạc mới *lên*, ca sĩ và các giới liên quan trong công nghệ giải trí ca nhạc mới phất lên làm giàu. Không cần để ý mục đích tiêu tiền của dân thành thị, chỉ cần biết họ đã nuôi phòng trà, nuôi công nghệ giải trí, nuôi bóng đá, nuôi nhà hàng, nuôi shop, nuôi thời trang, nuôi lễ hội, nuôi đấu giá,... để thấy mừng là dân đã tiêu xài nhiều, để thấy của cải xã hội không phải là ít. Nhưng hiện tượng giàu thêm sẽ có ý nghĩa lớn hơn nếu dòng chảy của cải này được thấm nhiều hơn đến những con người phục vụ giáo dục, y tế, đến những nông dân và thị dân nghèo, những công nhân tăng ca mặt mày hốc hác, đến những gia đình vất vả trăm bề nuôi con ăn học. Thật oái oăm thay, họ là nền móng của xã hội!

Chính giới ca nhạc cũng suy nghĩ như thế, cho nên họ đã hưởng ứng hoặc chủ động tổ chức những hoạt động xã hội và từ thiện rất nhiệt thành. Những đêm ca nhạc lấy quỹ giúp người nghèo, người bị thiên tai, bệnh nhân, người neo đơn, học sinh nghèo hiếu học... những chuyến đi thăm tặng quà cho những người bất hạnh của giới ca nhạc đã làm vui đi những hoàn cảnh khổ đau, làm cho chính giới ca nhạc ý thức thêm trách nhiệm xã hội và khơi dậy tình thương; hơn nữa, qua hoạt động này, hình ảnh của họ đã tô đậm trong lòng người mến mộ.

Lịch sử ca hát từ gánh chèo, gánh cải lương cho đến *sao* ca nhạc giải trí ngày nay đã qua nhiều biến chuyển sâu sắc, nhưng vẫn có một cái gì chung nhất: đó là *‘máu nghệ sĩ’* trong từng người ca diễn. Vì thế, cô đào Mơ trong *Độc đường gió bụi* đã lại ra đi theo tiếng gọi của tiếng trống chầu như vọng về từ trong sâu thẳm của trái tim, thay vì ở lại hưởng lạc thú tình yêu và no ấm. Cũng vì thế, rất nhiều ca sĩ ngày nay chọn nghề hát đầu bước đầu không gặp thuận lợi từ phía gia đình và hoàn cảnh, có ca sĩ đi tìm đất sống tại TP.HCM bước đầu rất gian nan mà vẫn không nản chí.

Thật là éo le khi ngày xưa, con đường đi của gánh hát là vô định, rày đây mai đó, tương lai bấp bênh; nhưng mặt khác, con đường đó thật lành mạnh, hấp dẫn, để cô đào Mơ nhất quyết đi theo. Ca sĩ thời nay không còn éo le đó nữa dẫu mang trong mình dòng máu nghệ sĩ, nhưng trước sau, người nghệ sĩ vẫn rất đẹp nếu đắm mình trong nghệ thuật chân chính – như cô đào Mơ đắm mình trong hát chèo -, từ đó sự nghiệp mình mới thăng hoa và góp phần nâng cao trình độ thưởng ngoạn của quần chúng, hơn là chỉ đáp ứng thị hiếu tầm thường để dễ hưởng vinh hoa phú quý.

Chú thích:

1. Những dòng in nghiêng trong phần này trích từ truyện ngắn *Độc đường gió bụi* của Khái Hưng. ■



Kịch bản diễn tả bài thơ

Upagupta

của Tagore

HOANG PHONG

Hình tượng Ưu-bà-cúc-đa (Upagupta) trong thơ Rabindranath Tagore đã mang lại cảm hứng cho một kịch tác gia Ấn Độ, Padma Rajasekharuni, xây dựng một vở nhạc kịch thường được học sinh Ấn Độ tổ chức trình diễn vào các dịp lễ liên quan đến học đường. Vở kịch gồm 3 màn, mỗi màn có một số cảnh, sử dụng âm thanh, màu sắc, vũ điệu, y trang và những diễn viên sống động để trình bày khái niệm vô thường một cách “rất thực” đi thẳng vào xúc cảm của người xem. Nội dung vở kịch được tóm lược như sau:

Màn 1: Quang cảnh triều đình

Cảnh tiếp kiến của một vị vua Ấn Độ. Nhà vua và mười hai quần thần đang ngồi xem Vasavadatta cùng đoàn vũ nữ múa hát theo một vũ điệu cổ truyền. Vasavadatta đi vào sân khấu, dáng điệu kiêu hãnh; một vài người tớ gái theo hầu xun xoe bên cạnh, thỉnh thoảng họ sửa lại

trang phục và tô điểm thêm cho Vasavadatta. Nhà vua và quần thần liên tiếp ném những đồng tiền vàng và nữ trang cho Vasavadatta. Tiếng nhạc hầu tước rộn rã.

Cảnh Ưu-bà-cúc-đa, đệ tử của Phật, nằm ngủ dưới chân tường thành Mathura. Mọi nhà đều đóng cửa và tắt đèn. Bầu trời tháng Tám tối đen và ảm đạm, tháng Tám là đầu mùa mưa bão ở Ấn Độ.

Cảnh Vasavadatta rời hoàng cung đi trong thành Mathura, đến một chỗ tối, người vũ công nổi tiếng này suýt dẫm lên ngực Ưu-bà-cúc-đa. Chiếc vòng trang sức ở cổ chân nàng mang những chiếc chuông nhỏ phát lên những tiếng kêu leng keng. Một trong những người hầu đưa cho Vasavadatta một chiếc đèn. Ánh sáng làm lấp lánh những nữ trang đeo trên người Vasavadatta và làm hiện lên khuôn mặt tuyệt đẹp của nàng lúc ấy đang mặc một chiếc áo khoác màu xanh nhạt.

Cảnh Vasavadatta hạ thấp ngọn đèn để nhìn thấy gương mặt thanh tú và trang nghiêm của một nhà sư

trẻ. Nàng thốt lên: *"Xin vị tu hành trẻ tuổi hãy thứ lỗi cho tôi, và xin mời về nhà tôi nghỉ một đêm. Mặt đất bụi bặm và dơ bẩn đâu có phải là giường"*. Ưu-bà-cúc-đa đứng lên, quay mặt đi chỗ khác, đưa tay ra hiệu và nói, *"Hỡi người phụ nữ, hãy cứ bước theo con đường đã chọn. Khi thời gian đã chín, lúc đó tôi sẽ đến thăm"*. Bất thần, giữa đêm đen, sấm chớp nổi lên làm cho Vasavadatta và các người hầu run lên vì sợ hãi.

Từ hậu trường vang ra tiếng kể chuyện: *Mùa màng tiếp nối và trôi nhanh, Vasavadatta đâu thoát khỏi sự già nua. Sắc đẹp và tiền của chỉ là những thứ phù du. Khi tài nghệ suy giảm, không còn ai trong thành Mathura chú ý đến những màn trình diễn của Vasavadatta nữa. Trong cảnh nghèo khó, nàng lại bị bệnh đậu mùa làm cho thân xác đau đớn. Chẳng qua đây chỉ là hậu quả của một kiếp sống thiếu đạo hạnh của nàng. Toàn thân nàng lở loét. Đám đông trước kia từng quỳ dưới chân nàng thì nay kéo nàng vút ra khỏi cổng thành Mathura. Ôi, chẳng qua đây chỉ là sự mỉa mai của nghiệp chướng...*

Tiếp nối lời kể chuyện là tiếng nhạc êm nhẹ chuẩn bị cho màn 2.

Màn 2: Cảnh vật mùa xuân

Cảnh mùa xuân đầy cỏ đầy hoa. Cảnh dân chúng nô đùa giữa một lễ hội mùa xuân trong nền nhạc của tiếng sáo nhộn nhịp với những cảnh thể hiện các điệu vũ cổ truyền, cảnh trai gái ném hoa vào nhau, những đôi trai gái múa song đôi theo một vũ điệu dân gian, những cặp nai hoặc công và cu gáy chạy tung tăng trên sân khấu.

Cảnh Vasavadatta bước ra sân khấu, hai tay gãi đầu và gãi khắp người vì ngứa; thỉnh thoảng lại phải lấy tay đuổi bầy ruồi bu đầy trên mặt. Nàng mặc một bộ y phục của phụ nữ Ấn, rách rưới và bạc màu, tóc để xòa và rối bời. Tay, chân, cổ, vai và gương mặt nàng đầy những đốm đen. Nàng cố gắng nhập bọn với đám thanh niên thiếu nữ, nhưng những người trẻ đang múa hát nhìn nàng tỏ vẻ kinh tởm, có người lấy đá ném vào người nàng. Nàng ngã quỵ xuống. Mọi người tàn mác để lại một mình Vasavadatta trên sân khấu.

Ánh sáng mờ dần, đồng thời một điệu nhạc thật buồn trỗi lên.

Màn 3: Quang cảnh một đêm trăng sáng

Trên bầu trời, mặt trăng tròn chiếu ánh sáng xuống một thành phố vắng tanh. Nhà tu khổ hạnh trẻ tuổi đi một mình trên con đường vắng, tiếng những con chim gáy kêu nghe thảm thiết.

Tiếng tụng niệm vang ra từ hậu trường:

*Con xin quy y Phật,
Con xin quy y Pháp,
Con xin quy y Tăng.*

Tiếng tụng niệm cùng tiếng chuông tiếng mõ tiếp tục vang ra từ hậu trường và nhỏ dần.

Ưu-bà-cúc-đa bước vào sân khấu, sau lưng là bốn nhà sư, trong đó một người ôm bình bát và một người khác mang bầu nước. Một người phụ nữ rách rưới bị bệnh đậu mùa hốt hoảng chạy từ trong thành (hậu trường) qua khỏi cổng và ngã quỵ xuống một chỗ tối dưới chân tường thành, bên cạnh chân của Ưu-bà-cúc-đa. Nhà tu hành trẻ tuổi vội ngồi xuống và đỡ đầu người phụ nữ lên đặt lên đầu gối mình rồi lấy khăn thấm đầu xoa lên môi người phụ nữ. Các nhà sư thấp tùng cũng ngồi xuống và phụ giúp Ưu-bà-cúc-đa chăm sóc người phụ nữ.

Người phụ nữ cất lời, *"Thưa người đồ lượng, ngài là ai?"*

Ưu-bà-cúc-đa đáp lại: *"Thời gian đã chín để tôi đến thăm cô"*.

Người phụ nữ ấy, chính là Vasavadatta, ngồi gượng dậy, quỳ gối và chắp tay cúi đầu trước mặt Ưu-bà-cúc-đa. Nhà tu hành trẻ tuổi trao cho Vasavadatta một chiếc áo cà-sa màu vàng nghệ; nàng đưa hai tay để đỡ lấy chiếc áo. Ưu-bà-cúc-đa cất bước ra đi. Người con gái từ từ đi theo, hai tay nàng chiếc áo cà-sa. Bốn nhà sư nối đuôi đi theo phía sau. Tất cả đi hai vòng trên sân khấu trước khi trở vào hậu trường.

Trong khi họ đi vòng quanh sân khấu thì trong hậu trường vang lên tiếng tụng niệm:

Con xin quy y Phật!

Con xin quy y Pháp!

Con xin quy y Tăng!

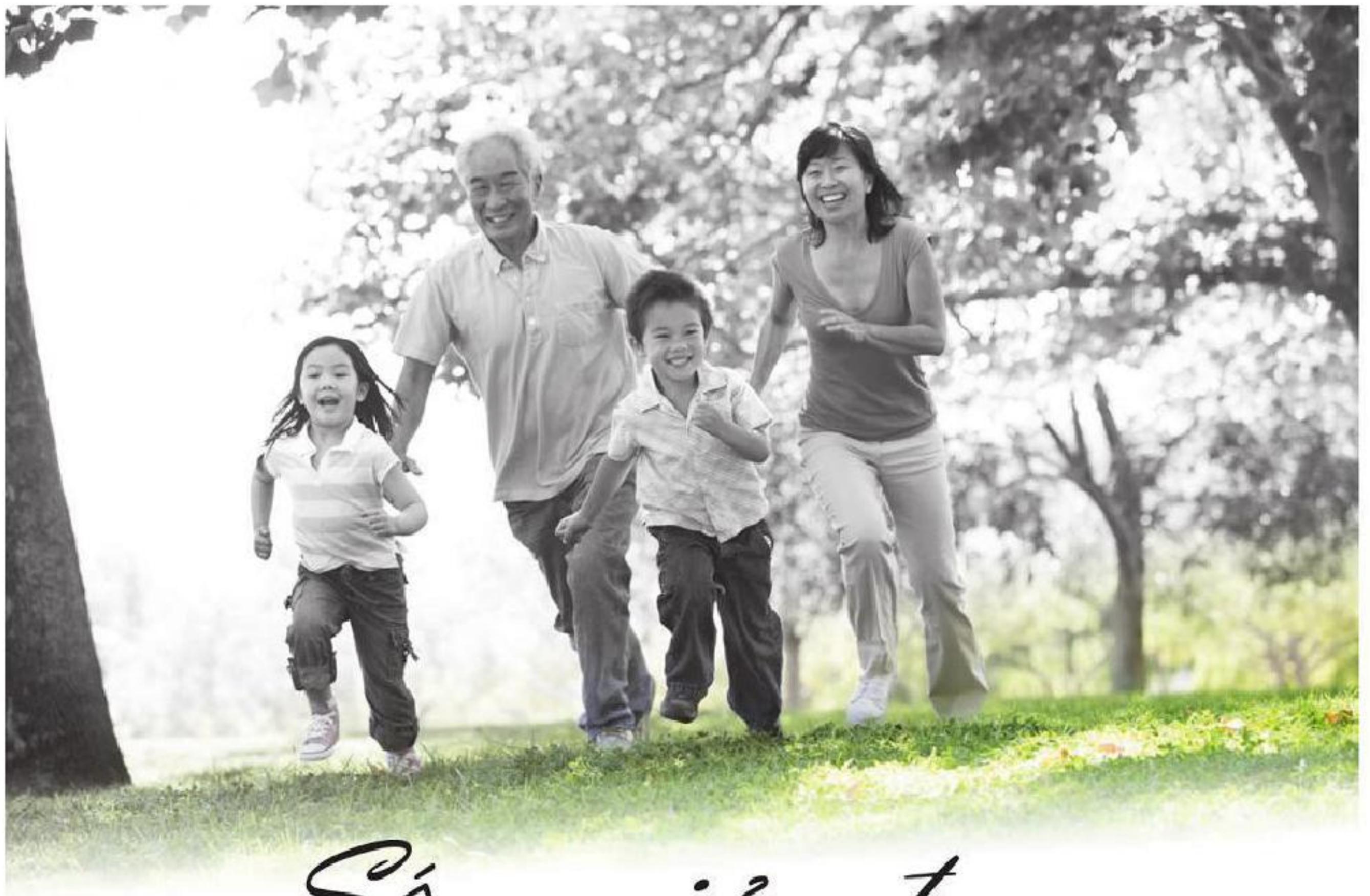
Màn từ từ hạ trong lúc tiếng tụng niệm từ hậu trường vang ra chuyển sang

Kính lạy Phật, hãy mang con từ ảo giác đến hiện thực

Kính lạy Phật, hãy mang con từ mê lầm đến giác ngộ

Kính lạy Phật, hãy mang con từ nơi tối tăm đến cõi Niết-bàn. ■





Sống giản đơn, hạnh phúc hơn!

NGUYỄN THY ANH

“Ước gì tôi không phải làm phòng mạch, tôi sẽ nằm dài nghe nhạc, xem sách và đi ngủ sớm, sáng dậy tập thể dục...”. Anh bạn bác sĩ, đồng nghiệp, thế hệ 5X của tôi vừa đứng lên vừa uống vội ly cà phê rồi xin phép về sớm cho kịp giờ khám bệnh ở phòng mạch. Ra trường năm 1978, nay anh đã là một bác sĩ khá “thành đạt”, chủ sở hữu một ngôi nhà ở quận 3, một ngôi nhà ở quận 7, vài miếng đất dự án ngoại thành, hàng ngày lái xe hơi đi làm... gặp bạn bè, lúc nào anh cũng vội vàng vàng, rất thích bàn chuyện xe hơi, nhà đất và cũng rất hay than vãn, nào là quá bận rộn, không có thời gian học thi lấy thêm bằng này bằng nọ, nào là vẫn chưa đủ tiền để sắm thêm cái này cái nọ... Anh là trưởng khoa của một bệnh viện lớn trong thành phố, làm việc tại bệnh viện từ 7g sáng đến 4g chiều, về nhà lại làm ngay tại phòng mạch đến 9g–10g tối, phòng mạch anh chữa “bá bệnh”, từ chích ngừa uốn ván đến truyền dịch “phục hồi sức khỏe”, từ các bệnh tiêu hóa, bệnh tim mạch đến bệnh tiểu đường...

mặc dù chuyên khoa của anh là bệnh truyền nhiễm, sốt rét! Gần đây, biết anh bị tiểu đường, tôi khuyên anh tập thể dục nhiều hơn, anh phản trần: “Tôi đã mua mấy loại máy tập thể dục để trong nhà nhưng làm việc xong thì mệt nhoài chả còn hơi sức đâu mà tập, chỉ có Chủ nhật, lâu lâu đi đánh tennis một lần, thế thôi!” anh tiếp “mình chỉ ráng làm thêm một thời gian nữa rồi sẽ nghỉ ngơi, sống cho ra sống!”. Tôi tự nhủ, với quỹ thời gian còn lại của những người thuộc thế hệ 5X như anh và tôi, lại mắc thêm bệnh tiểu đường chữa trị không đúng phương pháp, không biết anh còn khả năng để “sống cho ra sống” cho đến lúc quyết định nghỉ ngơi nữa hay không?

Chúng ta đang sống trong thời đại bùng nổ của văn hóa tiêu dùng. Sự cạnh tranh giữa các công ty, các tập đoàn sản xuất, đã làm nảy sinh các chiến dịch quảng cáo rầm rộ, thường không trung thực, liên tục tấn công người tiêu dùng trên tất cả các phương tiện truyền thông, từ trong nhà, nghe radio hoặc xem TV, xem báo... đến ngoài đường phố, với các bảng hiệu quảng cáo khổng lồ

đập vào mắt người đi đường mọi lúc mọi nơi, kết quả đã tạo cho chúng ta một thói quen mua sắm và một nhu cầu giả tạo về các mặt hàng được quảng cáo. Lâu dần, một bộ phận lớn trong dân chúng sẽ tiềm ẩn văn hóa tiêu thụ vật chất, tôn thờ của cải vật chất và sống theo quan điểm “càng có nhiều càng tốt, càng có nhiều càng hạnh phúc”. Người ta mua sắm tích lũy của cải vô tội vạ, từ giấy dép, túi xách, quần áo, điện thoại di động đến các loại xe gắn máy, xe hơi, nhà cửa biệt thự... và luôn cố gắng theo kịp những kiểu dáng, những “đời” mới nhất để được xem là sành điệu, để được kính nể và để được “hơn” những người khác quanh mình.

Quan hệ giữa người với người cũng căn cứ trên cơ sở vật chất của cải mà người ta sở hữu, mà người ta cho tặng nhau. Ai tặng ta nhiều thứ đắt tiền, ta sẽ thích họ, mang ơn họ, ai không đủ khả năng cho ta, ta sẽ coi thường và không muốn tiếp tục quan hệ, quên mất họ cũng là người như chúng ta. Tết năm rồi, khi được tôi lì xì 20 ngàn, đứa cháu của bạn tôi, mới 5 tuổi, tiu nghỉu: “ông lì xì cho cháu ít hơn chú D. nhiều, làm sao đủ tiền mua được cây súng điện tử kiểu mới” rồi bỏ chạy đi không thèm cảm ơn. Cha mẹ cháu chỉ cười xòa, nói “thằng này thông minh, biết xài tiền sớm”.

Quay cuồng trong văn hóa tiêu thụ vật chất, mục tiêu sống của chúng ta sẽ luôn luôn phải là được sở hữu và sở hữu nhiều thứ hơn nữa. Để đủ khả năng mua sắm mọi thứ, chúng ta phải nai lưng ra làm việc, phải phấn đấu, phải ra sức cạnh tranh để đạt được những địa vị, quyền lực ngày càng cao hơn trong xã hội, để có thể gia tăng thu nhập, gia tăng khả năng “kiếm chác”. Chúng ta hy sinh hạnh phúc trong những giây phút hiện tại để miệt mài theo đuổi một viễn cảnh hạnh phúc hơn trong tương lai, nhưng thật kỳ lạ, chúng ta chẳng bao giờ cảm thấy đủ và chẳng bao giờ biết khi nào nên dừng lại. Ăn quá no, ta phải ngưng ăn để khỏi bị bội thực, uống quá nhiều rượu, ta phải ngưng uống để khỏi bị say, làm việc 40 giờ một tuần chưa làm chúng ta thỏa mãn, vậy thì tại sao không làm nhiều hơn để tăng thu nhập? còn trẻ, còn khỏe mà? để về già sẽ nghỉ ngơi cũng chưa muộn. Vô ý thức, chúng ta tự thuyết phục rằng sẽ cảm thấy thỏa mãn khi và chỉ khi các việc mà chúng ta theo đuổi đã hoàn tất, “tôi chưa thể hạnh phúc vào lúc này, ngay bây giờ, vì chưa có thời gian cho chuyện đó”. Đây chính là cách suy nghĩ sẽ làm cho chúng ta cạn kiệt sức lực và bất hạnh suốt đời.

Chúng ta quên mất rằng cuộc đời của chúng ta thật hết sức ngắn ngủi và chẳng có gì là vĩnh hằng, là bất biến. Hoa nở rồi cũng sẽ tàn, trăng tròn rồi trăng lại khuyết, thịnh suy biến đổi vô thường. Người đang giàu có sung túc, gặp bất trắc trở thành trắng tay. Người đang khỏe mạnh, sau một cơn bệnh nan y, phải nằm liệt giường liệt chiếu. Cũng có khi, đang khó khăn nghèo khổ, bỗng gặp may trở nên giàu có, đổi đời. Con người sống hôm nay chẳng thể biết chắc ngày mai sẽ

thế nào, vậy tại sao không tìm cách sống hạnh phúc mỗi ngày, ngay bây giờ?

Chúng ta cũng quên mất rằng, quanh ta còn vô số những người cùng khổ cần nhường cơm sẻ áo, những người mà thu nhập hàng năm chưa bằng thu nhập một tuần của chúng ta, những người phải sống trong những điều kiện vô cùng khó khăn, không điện nước, xăng dầu, không trường học hay trạm y tế... một khi chúng ta gom góp, thu vén cho cá nhân theo triết lý “càng nhiều càng tốt”, chúng ta cũng đã lấy mất đi một phần của những người đáng được hưởng hơn chúng ta. Chúng ta tiêu tốn lãng phí năng lượng, điện nước xăng dầu trong khi thoải mái tiêu dùng, đồng thời, chúng ta cũng thải ra một lượng lớn các chất thải độc hại cho mái nhà chung của chúng ta.

Đã đến lúc chúng ta phải hiểu rằng vật chất sở hữu không phải là nhân tố quyết định hạnh phúc. Thật vậy, tại các nước phát triển, mức thu nhập đầu người không ngừng tăng lên nhưng số thanh thiếu niên tự tử hàng năm lại tăng nhiều hơn trước và chỉ số hạnh phúc quốc gia cũng không tăng theo thu nhập. Trong khi một đất nước Bhutan nhỏ bé, nằm kẹp giữa 2 anh khổng lồ Ấn Độ và Trung Quốc, chỉ có 700.000 dân với lối sống truyền thống cực kỳ giản đơn, tuy có thu nhập đầu người rất khiêm tốn nhưng chỉ số hạnh phúc quốc gia “*gross national happiness*” (GNH) index lại rất cao (*The Washington Post*).

Cạnh tranh, phấn đấu thăng tiến, tích lũy, không hoàn toàn xấu nếu biết thế nào là đủ và dừng lại đúng lúc để tìm cách chia sẻ cho người khác và để có thì giờ hưởng thụ hạnh phúc ngay trong từng giây, từng phút, hiện tại. Muốn được như vậy, chúng ta chỉ còn cách đơn giản hóa cuộc sống hiện tại, loại bỏ bớt những gì không cần thiết, những nhiệm vụ, nhu cầu giả tạo, những thứ không đem lại một hạnh phúc thật sự, hạnh phúc “bên trong” mỗi con người chúng ta. Chúng ta không cần sống vì những lời tặng bốc, vì những của cải dư thừa mà hậu quả sẽ mang theo những rắc rối, lệ thuộc, biến chúng ta trở thành nô lệ của chúng. Triết học phương Đông có câu “người biết thế nào là đủ sẽ là người hạnh phúc”.

Cuộc sống giản đơn sẽ tháo bỏ cho chúng ta những gông cùm trách nhiệm do chính chúng ta tự đeo vào cổ, giúp chúng ta có nhiều thời gian hơn để sống với những người thân yêu, nhiều thời gian hơn để thư giãn và thực hiện những điều mình yêu thích, nhiều thời gian hơn để chia sẻ giúp đỡ người khác. Quan niệm hạnh phúc với lối sống giản đơn không phải là vấn đề mới xuất hiện gần đây. Từ ngàn xưa, trong triết lý của đạo Phật, trong kinh *Cự ược* của Thiên Chúa giáo, của Lão Tử, đã có rất nhiều lời khuyên người ta phải biết sống giản đơn và hạnh phúc không phải do hoàn cảnh, vật chất quyết định mà chia sẻ mới chính là chìa khóa của hạnh phúc.

Chắc chắn, sống giản đơn sẽ hạnh phúc hơn! ■



Chất Phật

trong Quốc Âm Thi Tập của Nguyễn Trãi

THÍCH HẠNH TUỆ

“門前一派曹溪水
洗盡人間劫劫塵

Môn tiền nhất phái Tào Khê thủy

Tẩy tận nhân gian kiếp kiếp trần”.

(Trước cửa một dòng Tào Khê chảy,

Rửa sạch bụi nhơ nhiều kiếp của nhân gian).

Đó là cảm xúc chân thật về giá trị nhân văn cao tột mà tư tưởng Phật giáo đã mang đến cho nhân loại, xuất phát từ trái tim của một vĩ nhân Việt Nam thế kỷ XV – Nguyễn Trãi.

Tào Khê chỉ mạng mạch “Phật tâm tông” của Phật giáo do Lục tổ Huệ Năng xiển dương ở chùa Bảo Lâm, Tào Khê, Trung Hoa vào thế kỷ VII. Tại sao, một nhà đại Nho có sự nghiệp hiển hách như Nguyễn Trãi lại nghĩ rằng chỉ có triết lý Phật giáo mới có thể giải thoát chúng sinh ra khỏi khổ ải của kiếp nhân sinh? Phải chăng, bản thân Nguyễn Trãi đã thể nghiệm sâu sắc triết lý Phật giáo, nhất là triết lý thiên, giúp cho ông vượt qua những chông gai, bạc bẽo của chốn quan trường; những biến ảo của kiếp nhân sinh; những

thăng trầm của thế sự? Nhất là lúc cận kề sinh tử, ông vẫn không tìm thấy được ở bất kỳ đâu một lời giải đáp, kể cả trong Nho học:

“老去狂言休怪我

臨期我亦上乘禪。

Lão khứ cuồng ngôn hưu quái ngã,

Lâm kỳ ngã diệc Thượng thừa thiền.

(Ta già rồi, có nói “cuồng” cũng đừng cho rằng ta là quái lạ,

Lúc “đi”, ta vào cảnh giới thượng thừa của thiền).

Hai câu này, gợi ta nhớ đến cái “cuồng” an vui, tự tại kiểu thiền của Tuệ Trung thượng sĩ đời Trần mà có lẽ Nguyễn Trãi đã kế thừa.

“樂吾兮樂布袋樂

狂吾狂兮普化狂。

Lạc ngô lạc hể Bồ Đại lạc,

Cuồng ngô cuồng hể Phổ Hoá cuồng.

(Ta vui niềm vui của Bồ Đại,

Ta cuồng cái cuồng của Phổ Hóa).

Niềm vui của Hòa thượng Bồ Đại, hiện thân của Bồ-tát Di Lặc, là niềm vui chân thật, xuất phát từ sự giác ngộ giải thoát, không bị cảnh trần trối buộc; nó không phải cái vui nhất thời của lạc thú thế gian; còn cái cuồng của Phổ Hóa là cái cuồng tự tại, vượt ra khỏi mọi sự chấp trước, mà cơ bản là chấp Ngã và chấp Pháp.

Nếu trong *Cư trần lạc đạo phú*, vua Phật Trần Nhân Tông khẳng định:

“Chín Bụt là lòng, xá ướm hỏi đòi cơ Mã tổ; Vong tài đối sắc ắt tìm cho phải thói Bàn công” thì Nguyễn Trãi cũng nhận ra rằng:

“Thân đã hết lụy thân nên nhẹ,

Bụt ấy là lòng Bụt há cầu”

(Quốc âm thi tập, Mạn thuật bài 8)

Chính khi bớt những ràng buộc của quan trường và thế sự, có thời gian chiêm nghiệm Phật pháp, tập thiền định, thì cảm hứng thiền phát lộ thành thơ:

“Trường thiền định, hùm nằm chực,

Trái thời trần, vượn nhọc đem.

Núi lảng giếng, chim bầu bạn,

Mây khách khứa, nguyệt anh tam (em)”

(Quốc âm thi tập, Mạn thuật bài 4)

Hòa mình vào thiên nhiên bao la rộng lớn, có mây, núi, chim trắng bầu bạn, lúc ấy Ước Trai mới thực sự sống với con người thật của mình. Đó cũng là lúc ông cảm nhận được con người mình một cách rõ ràng nhất: “*Cảnh tựa chùa chiền, lòng tựa thấy*”, nên ông chia sẻ cho tha nhân: “*Có thân chớ phải lợi danh vây*”. Nếu vướng vào vòng tranh đua danh lợi, sẽ không thể thoát được việc phải nếm mùi vị “... của quyền nhiều hiểm hóc, cho hay đường lợi cụt quanh co”.

Có lẽ Phật lý đã ăn sâu vào trong tận tâm khảm của tiên sinh Ước Trai, nên điển tích, điển cố về Phật, về thiền xuất hiện trong thơ ông một cách rất tự nhiên, mộc mạc:

“Ánh của trăng mai lấp ló,

Cài song gió trúc nồm nồm.

Đầu non Thiếu Thất đen bằng mực,

Dòng nước Liềm Khê nửa chàm”.

Chùa Thiếu Lâm trên núi Thiếu Thất là Thánh địa của Phật giáo Trung Hoa, nơi hoằng pháp của Tổ Bồ-đề-đạt-ma danh tiếng khắp thiên hạ. Cái đẹp tuyệt vời của ánh trăng chiếu xuống hoa mai rồi in bóng trên cửa và làn gió thổi nhẹ làm cho ngọn trúc đong đưa như là cài song cửa chỉ có thể cảm nhận khi lòng thật tĩnh lặng, không bị ngoại cảnh khuấy động. Khi ấy chính là lúc:

“*Cá trung chân hữu ý,*

Dục ngữ hốt hoàn vương (vong)” [Du Tiên Sơn tự]

(Cảnh trông như có ý,

Muốn nói bỗng quên lời) [Viếng chùa Tiên Sơn]

Vì vậy, Nguyễn Trãi xác định hướng tâm về với tông lâm Phật giáo, làm bạn với sơn tăng để học pháp thanh lọc thân tâm nhằm đạt đến cảnh giới vô tâm:

“Giữ bao nhiêu bụi, bụi lấm,

Giơ tay áo đến tùng lấm.

...

Chủ vô tâm, ý khách vô tâm

Trúc thông hiên vắng trong khi ấy,

Năng mổ sơn tăng làm bạn ngâm”.

Ta có thể thấy Nguyễn Trãi đã tu tập thiền định và tham cứu triết lý Phật giáo một cách thành tâm, nghiêm túc. Sự chiêm nghiệm của ông về các phạm trù sắc, không và thực, ảo bộc lộ qua bài *Mộc cận*:

“Bóng nước hoa in một đóa hồng,

Vẫn như chẳng bén Bụt là lòng.

Chiếu mai nở, chiếu hôm rụng,

Sự lạ cho hay tuyệt sắc không”

(Quốc âm thi tập, bài số 237)

Mộc cận, dân gian thường gọi là “hoa râm bụt” (*Hibiscus rosaiensis*), là sự đọc trại của “*hoa đàng Bụt*”. Chỉ với một câu bảy chữ, mà hình tượng nghệ thuật thật thật ảo ảo của “bóng nước” và “đóa hồng” hiện lên vô cùng sinh động, mang theo trong mình cả một phạm trù triết lý uyên áo, khó diễn tả được của nhà Phật. Đây quả là một hình tượng nghệ thuật đặc địa hiếm thấy. Nhận rõ được thực, ảo; thấu triệt lẽ sắc, không thì mới không bị ngoại cảnh chi phối, tâm không bị vẩn đục, lúc đó chính là Bụt thật, không cần tìm cầu đâu xa. Khi đã nhận ra lòng thanh tịnh là Bụt rồi, sẽ có cái nhìn đạt quan, tự tại với quy luật vô thường vạn vật qua các trạng thái *thành, trụ, hoại, không*, lượng giải, bao dung với tất cả chúng sinh.

Càng đọc kỹ *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, ta càng cảm nhận được chất Phật, chất thiền bàng bạc trong thơ. Thấy được chất Phật, chất thiền trong đó, ta càng thấy thêm một “*cái lớn*” của Nguyễn Trãi. Bởi vì, ông là một nhà đại Nho hiển đạt trong thời kỳ Nho gia hưng thịnh, mà ông vẫn hướng tâm mình theo Phật, hành thiền để tâm mình được:

“Tào Khê rửa, ngàn tám suối,

Sạch chẳng còn, một chút phàm”.



TÌM HIỂU VĂN BIA THÁI BÌNH TỰ THẠCH BI

Bài & ảnh: ĐÔNG DUÔNG

Chùa Thái Bình là một ngôi chùa cổ tại vùng Quảng Nam xưa, nay thuộc vùng Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng. Theo *Ngũ Hành Sơn lục* thì "Dưới thời Hồng Đức, Vua Lê Thánh Tôn đánh Chiêm Thành, đặt đạo Quảng Nam, người Bắc Kỳ đến ở đây. Phía dưới núi có hai chùa Vân Long và Thái Bình (biển chùa ở hai làng Hóa Khuê, Quán Khái)".¹ Như thế, hai chùa Vân Long và Thái Bình được tạo dựng từ rất sớm nhưng qua thời gian đã bị hư hại nhiều. Dưới thời Pháp thuộc,

ông Albert Sallet viết trong tác phẩm *Les montagnes de marbre (Ngũ Hành Sơn)* cũng nói sơ lược về chùa Thái Bình như sau: "Chùa nằm ở phía Nam Thủy Sơn, cũng như chùa Vân Long, đã bị tàn phá". Theo Albert Sallet, chùa còn một tấm bia đá được lưu giữ ở làng Quán Khái Đông, cao 0.70m, rộng 0.46m. Ông không mô tả được nhiều mặc dù chính ông đã dịch bài văn bia công bố trong tác phẩm *Ngũ Hành Sơn* nói trên. Những năm trở lại đây, bản dịch Việt ngữ tác phẩm của Albert Sallet đã được công bố nên

nhiều người sử dụng tư liệu ấy trong việc nghiên cứu lịch sử Phật giáo tại Đà Nẵng². Một ngôi chùa thuộc vùng Ngũ Hành Sơn đã đem bản dịch văn bia trên tạc vào bia đá làm cứ liệu lịch sử về chùa cổ Thái Bình³. Trong quá trình tìm hiểu lịch sử Phật giáo xứ Quảng, chúng tôi đã từng đọc tập sách cùng bài văn bia và mong muốn tìm lại nguyên tác của nó. Tiếc rằng hiện văn bia đã mất tích, đến nay chúng tôi vẫn chưa tiếp xúc được với nguyên bản. Nhân tìm hiểu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chúng tôi phát hiện thạc bản tấm văn bia mang ký hiệu 12621a, 12621b được bỏ vào một túi. Hai thạc bản trùng nhau, nghĩa là chúng được đập ra từ một tấm bia; người sưu tầm đã rất cẩn thận trong việc sao đập các văn bia thành các thạc bản, nhất là các văn bia thuộc loại quý và có xu hướng dễ phai mờ theo thời gian. Tuy không được tận mắt thấy tấm bia nhưng theo chúng tôi văn bia được tạo tác bằng đá sa thạch vì bản in đập chữ rất mờ khó đọc, cho thấy mặt văn bia không được phẳng như các loại đá Non Nước hay đá xứ Thanh. Văn bia có kết cấu 15 hàng, mỗi hàng có số chữ không đồng đều, hàng nhiều chữ nhất gồm 30 chữ, có một số chữ đọc không ra. Trán bia trang trí mặt nhật, hai bên có hình sóng nước. Hai bên lẻ xung quanh và phía dưới không trang trí hoa văn. Lòng bia phần đầu đề tên bia với năm đại tự là “Thái Bình tự thạch bi”. Văn bia có thể được viết bởi Giới tử Nguyễn Phúc An pháp danh Như Minh, vừa là người soạn văn, vừa là người lập thạch; được tạc vào ngày 11 tháng 7 năm Tân Sửu niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 11 (1721), nội dung nêu sơ lược tiểu sử của Thiền sư Đương Cơ Chân Dĩnh và ca ngợi đạo hạnh của ngài. Đây là văn bia cổ có ghi niên hiệu các vua Lê, tương đương với đời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) tại Đàng Trong.

1. Sơ lược hành trạng Thiền sư Đương Cơ Chân Dĩnh

Theo văn bia, sư Chân Dĩnh họ Lưu, người Phúc Kiến, Trung Quốc. Năm 24 tuổi, sư phần chí không mệt, giáo hóa giới tử 3.000 người đều cúi đầu xin quy-y. Sư xây dựng am chùa, gầy dựng Phật pháp. Sư có lối sống thanh nhàn được mọi người tôn xưng vào hàng “Hòa thượng”. Văn bia ca ngợi ngài “... tuổi cao đức trọng, đạo thông Tây Vực”. Ngài thọ 63 tuổi mới viên tịch, được chúa Nguyễn chu phê cấp ruộng thờ tự tại chùa Thái Bình. Có thể nhận thấy sư rất được các chúa Nguyễn ủng hộ trong công việc giáo hóa, xây dựng chùa tháp. Lúc này, chùa Thái Bình trở nên là một “công tự” tức chùa được sự ngoại hộ của các chúa Nguyễn.

Dựa vào phần ghi danh sách ruộng đất của bản tự, ta có thể biết được tông phái của sư Chân Dĩnh. Văn bia ghi: “Lâm Tế chính tông cửu đại đại Hòa thượng Lưu Chân Dĩnh”. Dưới chân núi Ngũ Hành còn có ngôi tháp thờ ngài có bia đề: “Phụng vi khai sơn viện chủ đệ nhất đại thượng Đương hạ Cơ hựu Chân Dĩnh hòa thượng chi đàn vị”. Ngôi tháp được Hòa thượng Phước Thông trụ trì chùa Tam Thai cho lập lại⁴. Có thể văn bia được sao

chép lại từ một tấm bia tháp cổ. Qua đây, chúng ta biết trong vùng Ngũ Hành, ngài được xem là vị Tổ đầu tiên và còn biết thêm một hiệu nữa của ngài là Đương Cơ.

Chúng ta cần lý giải tông phái khi văn bia cho ngài thuộc chính tông dòng Lâm Tế đời thứ chín. Thế thì ngài thuộc pháp phái nào trong tông Lâm Tế? Thông thường, dòng thiền Lâm Tế truyền sang nước ta thuộc hai pháp phái là Thiên Đồng và Trí Bản Đột Không; do đó, ngài có thể thuộc về một trong hai pháp phái này. Cả hai pháp phái vẫn truyền thừa tại các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, và có nhiều vị thiền sư đồng hương đồng tông phái sang hoằng pháp ở nước ta dưới thời Hậu Lê. Lấn theo pháp danh của hai vị xuất hiện trong văn bia là Chân Dĩnh và giới tử Như Minh, chúng ta có thể truy tìm được tông phong của thiền sư. Chữ “Chân” và nối tiếp là chữ “Như” chỉ thấy xuất hiện trong kệ phái Thiền sư Đột Không Trí Bản, Trung Quốc. Kệ phái như sau:

*“Trí tuệ thanh tịnh,
Đạo đức viên minh.
Chân như tính hải,
Tịch chiếu phổ thông...”*

Đối chiếu kệ phái, hai chữ “Chân”, “Như” xuất hiện ở đầu câu thứ ba. Tính từ chữ “Trí” đến chữ “Chân” trong kệ phái thì được chín chữ, tương đương với chín đời truyền thừa. Văn bia nói sư thuộc đời thứ chín dòng Lâm Tế có thể phù hợp với cứ liệu trên, là thuộc đời thứ chín của phái Đột Không Trí Bản trong dòng Lâm Tế. Cách tính thế hệ truyền thừa trong văn bia ở đây là một trường hợp hơi lạ. Thông thường, thế hệ của các vị thiền sư phái Lâm Tế truyền thừa tại Đàng Trong được tính từ vị Sơ tổ phái Lâm Tế là Thiền sư Nghĩa Huyền đến đời của vị kế đăng. Tiêu biểu là Thiền sư Nguyên Thiều tính từ Tổ Nghĩa Huyền thì ngài thuộc đời 33, Tổ Minh Hải Pháp Bảo, Minh Hoàng Tử Dung thuộc đời 34, Tổ Liễu Quán thuộc đời 35... Do có tương quan giữa thiền phái Thiên Đồng và thiền phái Trí Bản Đột Không, chúng ta có thể dựa theo cách tính thế hệ của phái Thiên Đồng để xác định thế hệ của ngài Đương Cơ Chân Dĩnh. Theo thiền sử Trung Quốc, Thiền sư Đột Không Trí Bản thuộc đời thứ 25 phái Lâm Tế. Tính tiếp đến Thiền sư Chân Dĩnh thì sư phải thuộc đời thứ 33, tương đương với Tổ sư Nguyên Thiều (1648-1728).

Sư Chân Dĩnh viên tịch lúc nào thì văn bia không cho biết, chỉ hay khi đó sư thọ 63 tuổi. Chắc chắn, sư phải viên tịch trước năm lập văn bia, nghĩa là trước năm Vĩnh Thịnh thứ 11, để học trò có thể ghi lại sơ lược hành trạng, ca ngợi công đức tu hành cùng ghi chép về số điển thổ của chùa dùng lo hương hỏa cho sư. Ta có thể tạm lấy khoảng năm 1721 làm năm sư viên tịch; suy ra sư phải sinh vào khoảng năm 1657. Như thế, niên đại của sư tương đương với Tổ Nguyên Thiều, có thể tạm kết luận rằng việc suy đoán sư thuộc đời thứ 33 phái Lâm Tế là có cơ sở.

Theo các tư liệu còn được biết, phái Trí Bản Đột Không có sự phát triển mạnh tại Đàng Trong và có sự truyền thừa trước phái Thiên Đồng. Theo *Chuyết Chuyết tổ sư ngữ lục* thì các Thiên sư Chuyết Công và Minh Hành đều có thời gian hành đạo tại Quảng Nam. Quyển một và quyển hai của bộ *Ngũ lục* ghi chép bài thuyết pháp của Chuyết Công tại ngôi chùa Hàm Long thuộc địa phương Quảng Nam. Hiện chưa xác định được vị trí của chùa Hàm Long thuộc địa phận nào trong tỉnh. Cùng hàng với Tổ sư Chuyết Công có hai Thiên sư Đại Thâm Viên Thật, Lục Hồ Viên Cảnh hành đạo tại Triều Phong. Chính Thiên sư Minh Châu Hương Hải người Quảng Nam đã thụ học đạo nghiệp với hai vị sư trên. Pháp phái của hai vị Chuyết Công và Hương Hải lại nở rộ trên đất Bắc Hà nhưng có một giai đoạn pháp phái này ảnh hưởng đến Phật giáo xứ Quảng. Theo các tư liệu thì pháp phái truyền đến chữ “Tĩnh, Hải, Tịch...” mà không thấy truyền thừa tiếp. Có thể pháp phái truyền đến giai đoạn cuối thời các chúa Nguyễn, Tây Sơn thì không có người kế tục.

2. Tình hình ruộng đất và phản ánh địa danh làng xã xưa tại Quảng Nam

Ruộng đất chùa Thái Bình gồm hai loại: ruộng đất công và ruộng đất tư. Ruộng đất công bao gồm diện tích đất do chính các chúa Nguyễn chuẩn cấp, đặc biệt được miễn tô thuế. Trong đó, chúa Hiền (tức chúa Nguyễn Phúc Tần) chuẩn tô thuế 41 mẫu; chúa Nghĩa (tức Nguyễn Phúc Thái) chuẩn thuế 42 mẫu. Ruộng đất do các chúa cấp tất cả 83 mẫu, quá lớn đối với một ngôi chùa. Từ đó suy ra chùa Thái Bình lúc này thịnh đạt và phát triển cực mạnh. Văn bia còn ghi lại đương kim quốc vương tức chúa Nguyễn Phúc Chu cấp cho 27 tiền 13 quan 5 mạch để lo hương hỏa cho Tổ Chân Dĩnh.

Số ruộng đất thuộc về các xã trong bản xứ như sau: “Ruộng xã Mông Lãnh 5 mẫu 6 sào. Ruộng xã Dưỡng Mông 10 mẫu 2 sào. Đất ruộng xã Bãi Hồng tây 3 mẫu 2 sào. Ruộng xã Quán Khái 5 sào. Ruộng thôn Tân An 1 mẫu. Đất xã Vân Quật 5 sào. Ruộng xã Hóa Khuê đông 1 mẫu 7 sào. Hội Thống cúng ruộng xứ Bà Đa 7 mẫu”. Như thế, tổng số ruộng đất lên đến 27 mẫu 27 sào. Đây là ruộng tín cúng tức ruộng tư của chùa. Cả ruộng đất công và tư lên đến 100 mẫu và 27 sào. Diện tích đất đai như thế là khá lớn đối với một ngôi chùa thuộc Đàng Trong.

Trong danh sách số ruộng đất đó, chúng ta bắt gặp các địa danh được ghi lại trong văn bia. Văn bia ghi được sáu xã thôn như Mông Lãnh, Dưỡng Mông, Quán Khái, Hóa Khuê, Vân Quật, Tân An. Trong *Ô Châu cận lục* được biên soạn vào đời Mạc, có ghi tên ba xã Mông Lãnh, Vân Quật, và Hóa Khuê. Có thể sách ghi chép thiếu các xã như Dưỡng Mông, Tân An và Quán Khái vì các xã này tương truyền được lập vào thời vua Lê Thánh Tông. Đến sách *Phủ biên tạp lục*, được biên soạn sau văn bia, Lê Quý Đôn đã ghi lại rõ từng xã thuộc các tổng, huyện, phủ... như xã Quán Khái đông thuộc tổng Hà Khúc; xã Hóa Khuê đông

thuộc tổng Lỗ Giản, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn, các xã Mông Lãnh, Vân Quật thuộc tổng Mông Lãnh huyện Diên Khánh, xã Dưỡng Mông thuộc huyện Duy Xuyên, phủ Thăng Hoa. Riêng xã Bãi Hồng Tây và thôn Tân An chưa xác định thuộc tổng huyện nào. Còn xứ Bà Đa thì thuộc xã Hóa Khuê đông. Đến thời Pháp thuộc, sách *Đồng Khánh dư địa chí*, phần tỉnh Quảng Nam cho biết xã Vân Quật thuộc tổng Mậu Hòa trung; Dưỡng Mông thuộc tổng Tân An huyện Duy Xuyên. Quán Khái xã đông giáp (còn gọi là Quán Khái Đông) thuộc tổng Phú Triêm hạ; Hóa Khuê Đông, thôn Tân An thuộc tổng An Lưu hạ đều về huyện Diên Phước phủ Điện Bàn. Xã Mông Lãnh thuộc tổng Xuân Phú huyện Quế Sơn phủ Thăng Bình. Hiện nay, các xã thời xưa tương đương với các thôn làng bây giờ như Mông Lãnh, Dưỡng Mông thuộc địa phận huyện Quế Sơn; Vân Quật thuộc xã Duy Thành huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam. Hóa Khuê Đông, Quán Khái Đông lại thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng.

Tóm lại, qua việc đi sâu tìm hiểu văn bia chùa Thái Bình, chúng ta đã bóc tách nội dung bài văn bia. Văn bia ghi lại vài nét về Thiên sư Chân Dĩnh, một vị tổ sư đã đến rất sớm, hành đạo tại vùng Ngũ Hành Sơn. Tuy hành trạng đưa ra không nhiều nhưng bổ sung một số cứ liệu về sự truyền thừa dòng phái Đột Không Trí Bản tại Đàng Trong, mở ra cái nhìn về sự truyền thừa đạo Phật tại vùng đất mới. Văn bia ghi chép số đất đai cùng một số địa danh làng xã thuộc xứ Quảng Nam. Đây là cứ liệu để nghiên cứu về địa danh học trong giai đoạn các chúa Nguyễn hoặc có thể truy xa hơn, tạo cơ sở cho các nhà nghiên cứu tiếp xúc đối chiếu với các tư liệu ghi chép về địa dư chí, làm nền móng cho công việc tái hiện tên làng xã tại tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng bây giờ.

Tài liệu tham khảo:

1. Albert Sallet, *Ngũ Hành Sơn*, (bản dịch của Nguyễn Duy Sinh), Nxb Đà Nẵng, 1996.
2. *Ngũ Hành sơn lục*, bản chép tay.
3. *Ô châu cận lục tân dịch hiệu chú* của Dương Văn An, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2001.
4. *Phủ biên tạp lục*, tập 1, trong *Lê Quý Đôn toàn tập* của Lê Quý Đôn, bản dịch của Viện Sử học, Nxb KHXH, H. 1977.
5. *Đồng Khánh dư địa chí*, tỉnh Quảng Nam, bản chép tay, kí hiệu A. 537/18, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
6. Minh Hành biên tập, *Chuyết Chuyết tổ sư ngữ lục*, bản in.
7. Văn bia *Thái Bình tự thạch bi*, kí hiệu 12621a, 12621b thạc bản Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Tham khảo phản ánh trong *Tổng tập khác bản văn khắc Hán Nôm*, tập 13, Nxb Văn Hóa Thông Tin, H. 2005, tr. 626, 627.
8. La Thành Ty, *Lược sử Phật giáo thành phố Đà Nẵng*, Nxb Đà Nẵng, 2009.

Chú thích:

1. *Ngũ Hành sơn lục*, bản chép tay, tờ 3a.
2. Tiêu biểu La Thành Ty, *Lược sử Phật giáo thành phố Đà Nẵng*.
3. Văn bia tiếng việt được lắp gắn tháp Thiên sư Chân Dĩnh.
4. Theo văn bia ghi: “*Tam Thai tự sắc chuẩn trụ trì hiệu Phước Thông trùng lập*”, lạc khoản bên trái đề “*Tuế thứ Kỷ Hợi quý thu cát đán*”. Năm Kỷ Hợi chính là năm làm lại ngôi tháp này. ■



Ảnh: **Chí Giác Thông**

Phương pháp dứt trừ điều ác

ĐỒNG THANH

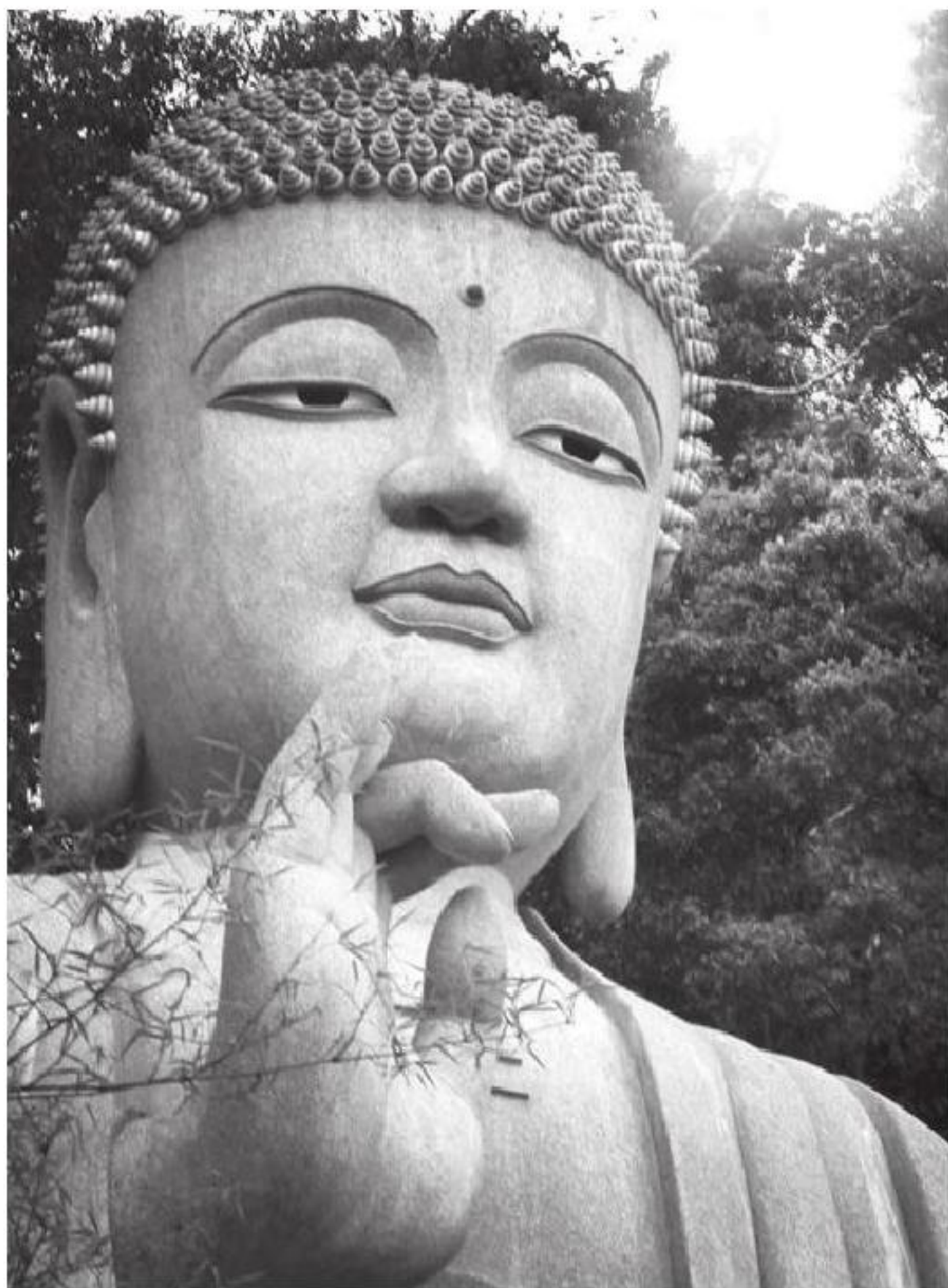
Kinh *Pháp Cú*, kệ số 163, ghi lời Đức Phật nhận xét về một thực trạng rất đáng cho mọi người suy nghĩ:

*“Dễ làm các điều ác,
Dễ làm điều tự hại;
Còn việc lành việc tốt,
Thật tối thượng khó làm”.*

Bài kệ nói cho chúng ta biết giữa hai lẽ thiện và ác, điều thiện thật khó theo mà việc ác thì dễ mắc phải. Đây là nhận xét tinh tế của Đức Phật về khuynh hướng tâm lý khá phổ biến của chúng sinh, cốt yếu nhắc nhở chúng ta phải hết sức cẩn thận trong cuộc sống để tránh rơi vào các việc ác và để nỗ lực làm các việc lành.

Vì sao Phật quan tâm nhắc nhở như vậy? Vì Phật hiểu và thương chúng sinh; do tập khí tham sân si và nghiệp chướng còn nặng nề nên chúng sinh dễ bị lôi cuốn vào con đường ác, khó theo con đường lành. Một lẽ khác

là do tâm lý khá nồng nổi hời hợt của chúng sinh, ít quan tâm xem xét cân nhắc về lẽ thiện ác, không thấy rõ sự nguy hại của điều ác và không nhận ra lợi ích của điều thiện, nên dễ rơi vào con đường ác, bỏ qua con đường lành. Đây cũng có thể xem là tâm lý khá phổ biến của chúng ta ngày nay, hệ quả của lối tư duy chủ quan hời hợt, xem nhẹ đạo lý, không tin nhân quả, bỏ quên hướng giáo dục uốn nắn nội tâm, hậu quả là việc xấu việc ác cứ tiếp tục diễn ra khá thường xuyên và rộng khắp trong đời sống xã hội. Khi con người không tìm thấy đạo lý cao thượng nào để theo và khi pháp luật đang còn trong phạm vi tranh luận hoặc không được thực thi đúng thì việc khắc phục tình trạng xấu ác xảy ra trong đời sống cộng đồng là điều rất khó. Chúng ta đang cố gắng hoàn thiện hệ thống pháp luật; trông chờ nhiều ở trách nhiệm thực thi và chấp hành pháp luật của mọi người như là biện pháp cải thiện các tiêu



cực xã hội. Nhưng luật pháp xã hội cũng chỉ có tính cách hạn chế, răn đe và ngăn chặn các biến tướng hay hiện tượng xấu ác phát sinh, còn gốc rễ của cái xấu ác (tâm ý xấu ác hay tư tưởng bất chánh) thì không thể ngăn ngừa được vì nó không thuộc phạm vi quản lý và thực thi của pháp luật. Không ai biết được người khác suy nghĩ gì trong khi đang thuyết trình hùng hồn về lẽ sống đạo đức.

Để giúp cho việc khắc phục và dứt trừ điều ác có hiệu quả, Đức Phật đề xuất rất nhiều biện pháp khác nhau, cốt yếu lưu nhắc mọi người phải chú tâm xem xét, cân nhắc, nhận rõ tính chất xấu xa nguy hại của các việc ác để kiên quyết từ bỏ. Phải chú tâm xem xét, phản tỉnh và thực tập đúng cách và lâu bền thì cái ác mới được kiểm soát và đẩy lùi. Chẳng hạn, Ngài dạy chúng ta phải biết sinh tâm sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, phải biết quay về xem xét nơi bản thân mình, cân nhắc chín chắn mọi hành vi và việc làm của mình, trước khi làm, trong khi làm và sau khi làm, xem chúng là thiện hay ác để thực hiện hoặc từ bỏ; nếu là thiện thì nên hoan hỷ tinh tấn làm thêm, nếu là ác thì cần phải sinh tâm xấu hổ sợ hãi mà chữa bỏ ngay. Hoặc phải suy nghĩ tìm xem động cơ sâu kín nào thúc thúc xúi giục ta làm điều xấu ác để tập trung loại bỏ cái động cơ gốc rễ ấy, phải biết xấu hổ tự trách mắng mình và lo lắng sợ hãi

người khác sẽ chỉ trích mình về việc vi phạm điều xấu ác, phải biết sợ hãi về quả báo tái sinh khổ đau của việc làm ác, phải thấy rõ sự trói buộc nguy hại khổ đau của ác nghiệp và nhận ra sự tự do lợi lạc của việc từ bỏ ác nghiệp... Tất cả điều này cho thấy Đức Phật hiểu rất rõ căn nguyên khó đoạn trừ của tệ xấu ác và do vậy các giải pháp do Ngài đề xuất là tuyệt đối căn bản và thiết yếu cho việc loại trừ hoàn toàn mọi mầm mống và nguy cơ của lối sống sai lầm xấu ác. Sau đây chúng ta nhằm đọc và suy ngẫm lại những lời dạy hết sức căn bản của Đức Phật, cốt yếu nhấn mạnh về phương pháp hay cách thức dứt trừ gốc rễ các điều ác¹:

"Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhơn những kiết sử nào ta có thể sát sanh, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ của các kiết sử ấy. Nếu ta sát sanh, không những ta tự trách mắng ta vì duyên sát sanh, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên sát sanh; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên sát sanh. Thật là một kiết sử, thật là một triển cái², chính sự sát sanh này. Những lậu hoặc phiền lao nhiệt não nào có thể khởi lên do duyên sát sanh, đối với vị đã từ bỏ sát sanh, những lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa".

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhơn những kiết sử nào ta có thể lấy của không cho, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta lấy của không cho, không những ta tự trách mắng ta vì duyên lấy của không cho, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên lấy của không cho; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên lấy của không cho. Thật là một kiết sử, thật là một triển cái, chính sự lấy của không cho này. Những lậu hoặc phiền lao nhiệt não nào có thể khởi lên do duyên lấy của không cho, đối với vị đã từ bỏ lấy của không cho, những lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa".

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhơn những kiết sử nào ta có thể nói dối, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta nói dối, không những ta tự trách mắng ta vì duyên nói dối, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên nói dối; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên nói dối. Thật là một kiết sử, thật là một triển cái, chính việc nói dối này. Những lậu hoặc phiền lao nhiệt não nào có thể khởi lên do duyên nói dối, đối với vị đã từ bỏ nói dối, những lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa".

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Do nhơn những kiết sử nào ta có thể nói hai lưỡi, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta nói hai lưỡi, không những ta tự trách mắng ta vì duyên nói hai lưỡi, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên nói hai lưỡi; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên nói hai lưỡi. Thật là một kiết sử, thật là một triển cái, chính sự nói hai lưỡi này. Những lậu hoặc phiền lao nhiệt não nào có thể khởi lên do duyên nói hai

lười, đối với vị đã từ bỏ nói hai lưỡi, những lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa”.

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Do như những kiết sử nào ta có thể có tham dục, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta tham dục, không những ta tự trách mắng ta vì duyên tham dục, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên tham dục; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên tham dục. Thật là một kiết sử, thật là một triển cái, chính sự tham dục này. Những lậu hoặc phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên tham dục, đối với vị đã từ bỏ tham dục, các lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa”.

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Do như những kiết sử nào ta có thể hủy báng sân hận, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta hủy báng sân hận, không những ta tự trách mắng ta vì duyên hủy báng sân hận, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên hủy báng sân hận; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên hủy báng sân hận. Thật là một kiết sử, thật là một triển cái, chính sự hủy báng sân hận này. Những lậu hoặc phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên hủy báng sân hận, đối với vị đã từ bỏ hủy báng sân hận, các lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa”.

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Do như những kiết sử nào ta có thể có phần não, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta có phần não, không những ta tự trách mắng ta vì duyên phần não, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên phần não; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên phần não. Thật là một kiết sử, thật là một triển cái, chính sự phần não này. Những lậu hoặc phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên phần não, đối với vị đã từ bỏ phần não, các lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa”.

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Do như những kiết sử nào ta có quá mạn, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta có quá mạn, không những ta tự trách mắng ta vì duyên quá mạn, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên quá mạn; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên quá mạn. Thật là một kiết sử, thật là một triển cái, chính sự quá mạn này. Những lậu hoặc phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên quá mạn, đối với vị đã từ bỏ quá mạn, các lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa”.

Chú thích:

1. Kinh Potaliya, Trung Bộ.
2. Kiết sử: động cơ hay động lực bó buộc, thúc ép, sai sử người ta nghĩ, nói hay làm những gì khiến khổ đau phát sinh.
3. Triển cái: những gì giam hãm ngăn che tâm trí của con người, khiến tâm trí trở nên mê mờ, u ám, điên đảo. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2011

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng bảo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2011, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Ô. Huỳnh Văn Mạnh:	81 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Văn Châm:	34 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga:	33 cuốn/kỳ
GDPT Chánh An và Chơn Hòa:	12 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu:	10 cuốn/kỳ
ĐD. Thích Thiện Minh:	10 cuốn/kỳ
Ô/Bà Hồng Phúc và Xuân An:	6 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa:	4 cuốn/kỳ
Chú Tiến- TP. Hồ Chí Minh:	3 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh:	2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ:	1 cuốn/kỳ
Cô Châu Diệp Anh và Chị Ngân:	1 cuốn/kỳ
Cô Kim:	1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung:	1 cuốn/kỳ
Bà Đặng Nguyên Phương:	1 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh:	1 cuốn/kỳ

Tổng số bảo tặng kỳ này: 201 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng bảo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiaovnn.vn

Ban Biên tập





Nghĩ nhiều và nghĩ ít

TẤN NGHĨA

Chuyện tiền thân Mitacinti (Jataka 426) mà chúng ta tìm hiểu dưới đây nói tới ích lợi của việc biết tìm hiểu hoàn cảnh đúng mực để đem lại kết quả tốt trong cuộc sống. Chuyện kể rằng:

Khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể lại về hai trưởng lão lớn tuổi. Nghe nói: hai trưởng lão ấy, sau khi an cư mùa mưa tại một làng thôn quê, quyết định đi yết kiến bậc đạo sư, chuẩn bị lương thực để lên đường. Nhưng họ trì hoãn ngày này qua ngày khác, cho đến một tháng trôi qua. Rồi họ chuẩn bị lương thực mới, cũng như lần trước, trì hoãn qua tháng khác. Như vậy, vì sự biếng nhác, triu mến trú xứ của họ, ba tháng sau họ mới lên đường đi đến Kỳ Viên. Sau khi cất đặt y bát, họ đến yết kiến bậc Đạo sư.

Hai trưởng lão này biết việc yết kiến Đức Phật mang lại nhiều lợi ích cho họ trong quá trình rèn luyện tự

điều chỉnh. Tuy nhiên, các thói quen sinh hoạt làm cho họ bị ì ra, không thể khởi hành. Chuyện trì hoãn không làm các công việc là thói quen chung của nhiều người. Nhiều việc người ta biết là tốt cho mình nhưng cứ lần lữa không làm. Trạng thái ì lì này diễn ra không phải chỉ với các công việc phức tạp mà xảy ra ngay cả với các công việc đơn giản nhất. Anh X được nhắn tin: “nhớ cám ơn Y. dùm tôi”. X. hứa: “tôi sẽ nhắn”. Nhưng anh không làm ngay, sau đó quên luôn. Chị Z. nhận cầm một lá thư từ New York của B. về cho A. ở Cần Thơ. Khi về đến Sài Gòn, Z. không gửi thư ngay. Một tháng sau, B. về nước gặp A., A. vẫn chưa nhận được thư của B. đã gửi từ một tháng trước. Phụ huynh XZ. cho con đi học thêm, đến kỳ đóng tiền học vẫn lần lữa chưa chịu đi đóng, mặc dù không phải khó khăn về tài chính... Rất nhiều những việc nhỏ xảy ra trong cuộc đời như vậy.

Trên đường, khi các vị rèn luyện khác hỏi vì sao lâu ngày họ không đến hầu Đức Phật và nguyên nhân của sự chậm trễ, họ báo cáo lại về sự biếng nhác của mình.

Việc trì hoãn này làm bản thân áy náy, lo lắng. Khi bị người khác hỏi đến thì thường có tâm lý xấu hổ, có người ngượng quá... quát nạt lại người hỏi. Sách chú giải về Ba Mươi Tám Pháp Hạnh Phúc cho biết một người làm không xong công việc, hay bỏ dở, thường sẽ dẫn đến một hoặc một số tình trạng sau:

- Làm mất thời gian, một chuyện đáng lẽ xong trong một giờ có thể phải làm trong hai ba giờ, có khi vài tháng mới xong hay không bao giờ hoàn thành.

- Làm việc ít, không xứng đáng với đồng lương nhận được.

- Không quan tâm đến công việc.
- Làm công việc một cách miễn cưỡng.
- Ngủ cả ngày.
- Ban đêm không làm việc.
- Say rượu cả ngày.
- Quan hệ tình cảm nam nữ nhiều.
- Lười biếng, ngủ nướng và hay dậy trưa.
- Luôn luôn không làm việc vì cho rằng thời tiết quá nóng, quá lạnh.

Trong khi đó, một người luôn hoàn thành các công việc, có các kết quả sau:

- Yên ổn sung sướng vì có tài sản.
- Yên ổn sung sướng vì có tiền để tiêu dùng.
- Yên ổn sung sướng vì không bị nợ.
- Yên ổn sung sướng vì việc làm không bị lỗi.
- Gia đình và xã hội có thể nương nhờ.
- Tích lũy trữ năng tốt cho tương lai.
- Tự bảo vệ được bản thân.
- Không bị mất sự tự kiểm soát.
- Được những vị có trí tuệ khen ngợi.
- Sẽ tái sinh vào vùng cư trú của các vị trời.
- Có điểm tựa để đạt được những kết quả tu tập.

Bậc đạo sư đến, hỏi về vấn đề đang được bàn luận, và khi được báo cáo vấn đề ấy, bậc đạo sư cho gọi hai vị rèn luyện ấy và hỏi có đúng như vậy không? Khi được họ xác nhận sự thật là như vậy, Ngài nói: này các vị rèn luyện, không phải chỉ nay họ mới biếng nhác. Thuở trước họ cũng biếng nhác và trìu mến trú xứ như vậy rồi.

Câu chuyện cho thấy hai vị rèn luyện này khi đến Kỳ Viên vẫn ngại ngùng chưa gặp Đức Phật vì sự trì hoãn của mình. Đây là tâm lý thông thường của trạng thái lẩn lữa trong các công việc. Khi được người khác kể lại, Đức Phật cho gọi hai vị này lại, kiểm tra độ chính xác của câu chuyện. Rồi để khuyến răn mọi người, Ngài cho biết tính khí trì hoãn công việc này rất nguy hiểm vì nó là loại được... di truyền từ đời này sang đời khác. Nếu không khéo điều chỉnh thì khi đầu thai, từ bé đã có... bệnh lười. Ngài kể lại câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa, khi vua Bramadatta trị vì ở Ba-la-nại, có ba con cá sống ở Ba-la-nại, một con tên Nghĩ nhiều, một con tên

Nghĩ ít, một con tên Nghĩ vừa. Chúng từ rừng đi đến cảnh giới loài người. Tại đấy, Nghĩ vừa nói với hai con cá kia: cảnh giới loài người nguy hiểm và dễ sợ. Các người đánh cá quăng lưới, đặt bẫy, bắt cá. Chúng ta hãy đi về nguồn lại.

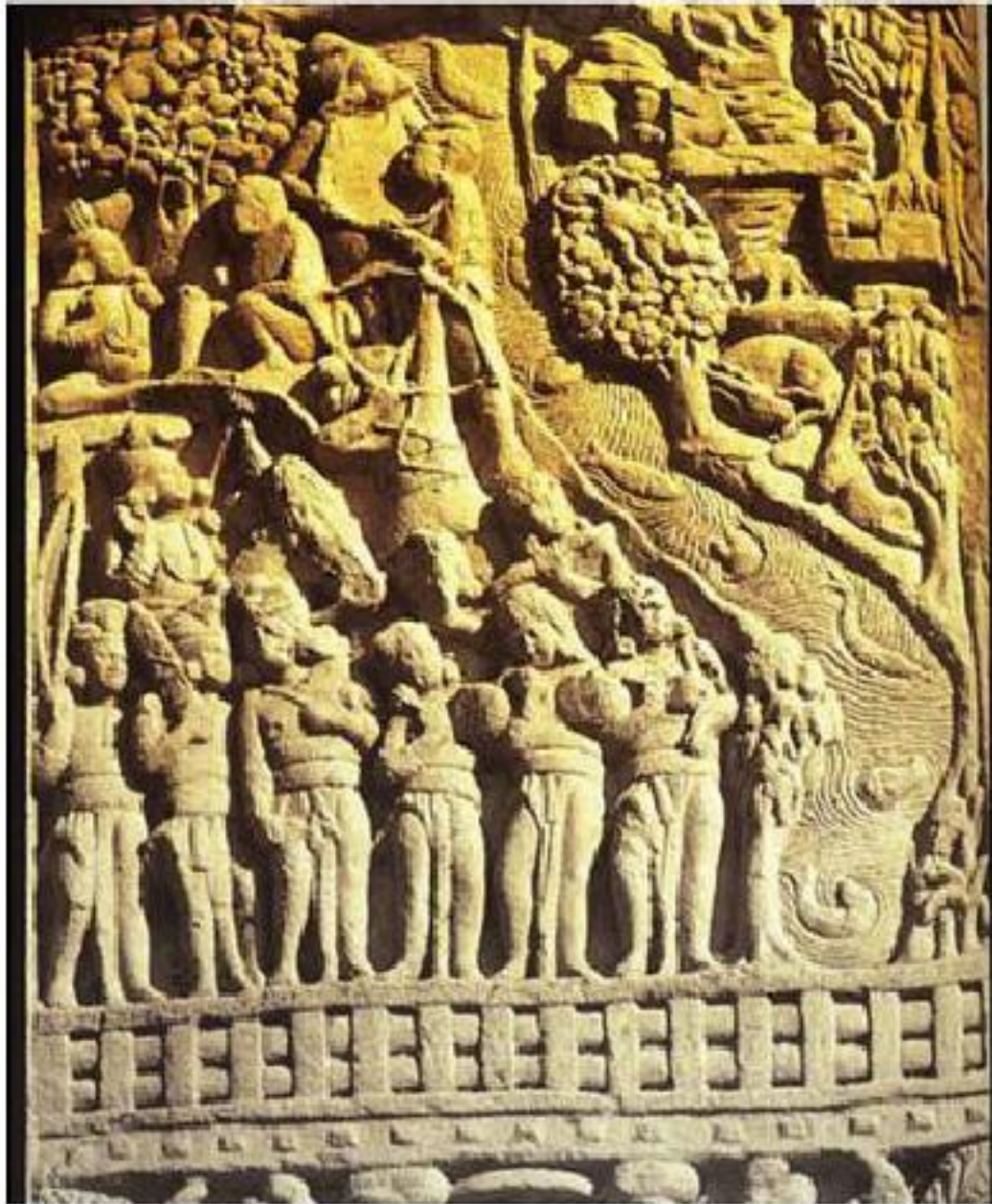
Để khắc phục tâm lý lười biếng vốn có trong mỗi con người, các biện pháp điều chỉnh cần phải được tiến hành. Mỗi việc muốn thực hiện được cần phải có các điểm tựa. Phật học gọi các điểm tựa là "duyên". Việc tạo các điểm tựa trong Phật học có thể gọi là việc "gieo duyên". Các "duyên" chỉ có nếu ta có hành động cụ thể. Khi có một công việc cần làm mà ta lại chưa muốn làm, thì cần phải tạo "duyên" dựa vào đầu ra cuối cùng của công việc (sở duyên duyên): không làm thì có hại gì? làm thì được lợi gì? Con cá Nghĩ vừa thấy sự nguy hiểm ở nơi có loài người sinh sống và muốn tránh xa chỗ đó. Suy nghĩ đó tạo động lực cho việc khởi động công việc.

Hai con cá kia vì biếng nhác, vì tham tài vật, trì hoãn lên đường, cho đến ba tháng trôi qua.

Cách điều chỉnh kế tiếp là tránh những lý do ủng hộ cho việc không khởi sự, nghĩa là tránh gieo các "nghịch duyên". Chẳng hạn con cá Nghĩ ít có sẽ quan tâm đến thức ăn tìm kiếm dễ dàng, vì chỗ sinh sống này đông đảo, ... các lý do này ủng hộ cho việc không rời khỏi chỗ nguy hiểm. Thí dụ như việc cần phải nâng cao trình độ người lao động. Tuy nhiên, một người phải lao động cả ngày, thì sẽ trì hoãn việc đi học bằng một lý do đơn giản: làm cả ngày mệt quá, phải nghỉ ngơi đã, đi... uống bia đi. Nếu muốn công việc có thể khởi sự nên đổi suy nghĩ thành: X. cũng như mình, mà nhờ chịu khó học tập, bây giờ lương cao hơn mình. Mình phải làm việc cả ngày, không học tập được, còn chút thì giờ mình tranh thủ học được chữ nào hay chữ ấy. Tương tự như vậy, tâm lý trì hoãn công việc sẽ mạnh nếu ta nghĩ: mình vừa mới bệnh xong, phải nghỉ ngơi cái đã! Tâm lý này sẽ giảm thiểu nếu ta nghĩ: mình vừa mới bệnh xong, do bệnh công việc kia đã bị trì hoãn, bây giờ mình nên bắt đầu công việc... (xem *Tám căn cứ để biếng nhác và tinh tấn*, kinh Tăng Chi Bộ, phẩm Song đôi, tập 4, tr. 37).

Cách điều chỉnh thứ ba là tìm cách sống trong một môi trường gồm nhiều người siêng năng. Người bạn không siêng năng cũng sẽ tạo "nghịch duyên" cho việc khởi đầu công việc. Có người dự định làm công việc lại bị người không siêng năng nói: làm làm gì cho cực thân, tham công tiếc việc làm gì? Hay dè bủ: Thằng đó nó chỉ biết đến công việc, chẳng biết gì cả. Với các "nghịch duyên" như vậy, công việc tiếp tục bị trì hoãn. Con cá Nghĩ vừa mặc dầu biết sự nguy hiểm, muốn rời khỏi đó, nhưng hai con cá kia không chịu đi. Do đó cả ba con trì hoãn công việc. Con cái muốn học tập tốt, cha mẹ không phải chỉ chọn lựa ngôi trường tốt, thầy giáo giỏi, mà còn phải chú ý đến môi trường đó có nhiều học sinh siêng năng hay không?

Rồi những người đánh cá quăng lưới xuống sông. Nghĩ nhiều và Nghĩ ít tìm mồi đi trước, vì mù quáng ngu si, chúng không để phòng lưới giăng nên đi vào trong mạng lưới. Nghĩ vừa đi sau cẩn trọng để phòng.



Suy nghĩ nhiều quá cũng cản trở quá trình khởi đầu công việc. Anh Y. muốn viết một cuốn sách “để đời”. Anh suy nghĩ tới nội dung, bố cục cuốn sách. Anh nghiền ngẫm rất lâu. Mỗi lần khởi sự viết anh lại thấy nó không đạt được như ý của mình. Thế rồi thời gian trôi qua, cuốn sách vẫn mãi ở dạng... ý tưởng. Cách điều chỉnh sự suy nghĩ quá nhiều là *hiện thực hóa các điểm tựa*, nghĩa là “gieo một duyên trước đã”. Dale Carnegie trong cuốn sách *Quảng gánh lo đi mà vui sống* (Nguyễn Hiến Lê dịch) đề nghị một quy trình như sau:

- Viết rõ ràng lên giấy nỗi lo của mình, trả lời câu hỏi: tôi đang lo điều gì?
- Viết lên giấy những giải pháp có thể theo được, trả lời câu hỏi: làm sao giải quyết được bây giờ.
- Chọn lựa một giải pháp.
- Thi hành ngay giải pháp đó.

Công việc quá phức tạp cũng là một nghịch duyên cho việc khởi sự. Khi được hỏi: “vì sao chưa khởi sự”. Người nghĩ nhiều sẽ nói: “bây giờ chưa đủ điều kiện để làm”. Phương pháp điều chỉnh ở đây là *chia công việc thành nhiều phần nhỏ tương đối độc lập và giải quyết các công việc dễ dàng trước*. Chẳng hạn:

- Để có thể leo lên cao, người ta tạo ra các bậc thang. Nhờ đó, có thể bước từng bước lên cao.
- Các chương trình giáo dục chia ra làm nhiều cấp lớp. Mỗi cấp lớp có cách kiểm tra đánh giá. Nhờ đó có thể lượng định xem một người đã hoàn thành chương trình đào tạo tới mức nào.
- Để giải quyết một vấn đề, người ta chia vấn đề đó thành nhiều bài toán nhỏ gọi là *bài toán mini*. Tập hợp

các bài toán để giải quyết vấn đề gọi là *phổ các bài toán cụ thể có thể có*. Việc giải quyết vấn đề nên bắt đầu với bài toán mini vì các lý do: a) hệ (cẩn cải tiến) ít thay đổi nên chi phí thấp, b) hệ ít thay đổi nên nguy cơ gây hậu quả xấu không nhiều, d) hệ ít thay đổi nên giải pháp dễ được chấp nhận hơn.

Suy nghĩ ít dẫn đến tình trạng không khởi sự công việc hoặc làm công việc mà không cẩn thận. Trong trường hợp chưa tiến hành công việc, cần phải xem xét cẩn thận, *tiêu chuẩn hóa công việc* để tạo điểm tựa vững chắc cho quá trình tự điều chỉnh tiếp theo, đã được Đức Phật thuyết giảng như sau:

... một con bò cái ngu si, không thông minh, không biết đồng ruộng, không giỏi trong việc đi đến các núi non hiểm trở. Nó suy nghĩ: “Ta hãy đi theo hướng trước kia chưa từng đi, ăn loại cỏ chưa từng ăn và uống loại nước chưa từng uống”. Trước khi đặt bàn chân trước một cách vững chắc, nó đã bước bàn chân sau. Và vì thế nó không thể đi đến nơi trước kia chưa từng đi, không thể ăn loại cỏ chưa từng ăn và không thể uống loại nước chưa từng uống. Ngay tại chỗ mà trước kia nó đặt chân, nó cũng không thể quay trở lại chỗ cũ một cách an toàn. Vì sao? Vì con bò cái ấy sống ở rừng núi, ngu si không thông minh, không biết đồng ruộng, không giỏi trong việc đi đến các núi non hiểm trở...”.
 Trái lại: “một con bò cái hiền trí, thông minh, biết đồng ruộng, giỏi trong việc đi đến các núi non hiểm trở. Nó suy nghĩ: “Ta hãy đi theo hướng trước kia chưa từng đi, ăn loại cỏ chưa từng ăn và uống loại nước chưa từng uống”. Và con bò cái ấy sau khi đặt bàn chân trước một cách vững chắc, nó đã bước bàn chân sau. Và vì thế nó có thể đi đến nơi trước kia chưa từng đi, không thể ăn loại cỏ chưa từng ăn và không thể uống loại nước chưa từng uống. Ngay tại chỗ mà trước kia nó đặt chân, nó cũng có thể quay trở lại chỗ cũ một cách an toàn. Vì sao? Vì con bò cái ấy sống ở rừng núi, hiền trí, thông minh, biết đồng ruộng, giỏi trong việc đi đến các núi non hiểm trở...”

(Kinh Tăng Chi Bộ, tập 4, tr.169)

Sau khi biết được hai con cá kia sa vào mạng lưới, con cá Nghĩ vừa tìm cách cứu hai con cá kia.

Nó bơi ra phía ngoài lưới giăng, làm vùng vẫy mất lưới như đã được thoát, làm tung tóe nước như đã lặn về phía trước lưới. Rồi nó bơi qua vùng gần mạng lưới. Các người đánh cá nghĩ rằng các con cá đã vùng vẫy ra khỏi lưới và đã trốn đi rồi nên chỉ nắm một góc lưới và kéo lên. Hai con cá kia thoát khỏi lưới và lặn xuống nước. Bậc Đạo sư, sau khi kể câu chuyện quá khứ, đọc bài kệ:

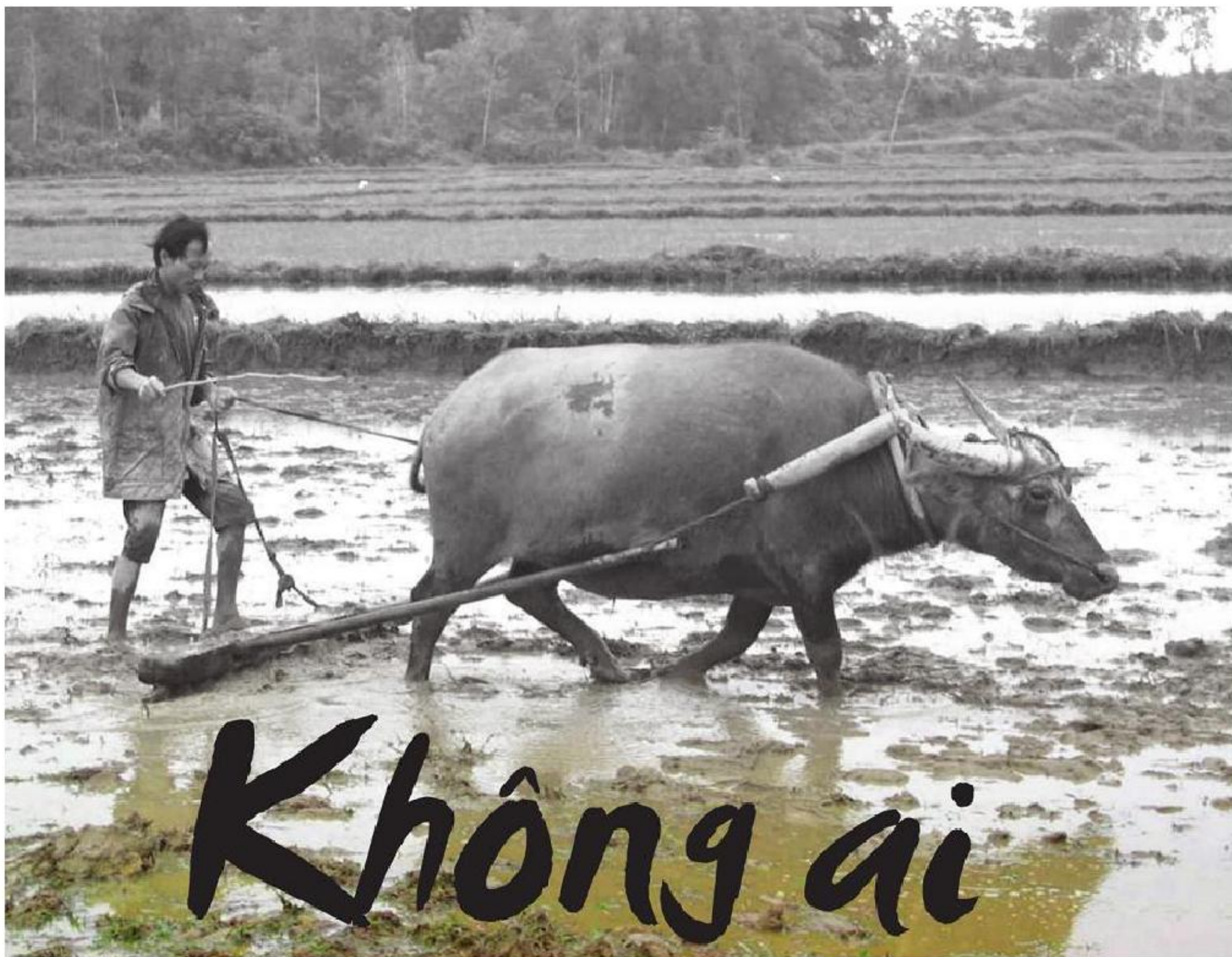
“Nghĩ nhiều” và “Nghĩ ít”

Cả hai đều mắc lưới

Chỉ có “nghĩ đúng mức”

Giải thoát được cho chúng.

Dân gian có câu mang tính “trí tuệ” khôn ngoan “khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ có biết là sống”. Không biết câu chuyện này có giải thích được cho câu nói đó không? ■



Không ai sung sướng cả

THIỆN TÀI

Có một câu chuyện ngụ ngôn khiến người ta suy gẫm:

Hai vợ chồng nhà nọ nuôi một con trâu và một con chó. Con chó được ở trong nhà còn con trâu phải ở riêng ngoài chuồng. Mỗi ngày trâu ra đồng cày bừa từ sáng sớm đến chạng vạng tối mới về, còn chó chỉ việc nằm ở cổng rào canh chừng cửa.

Một hôm nọ trâu đi làm về, thấy chó nằm trước cửa nhà phe phẩy cái đuôi trông thật sướng, đang lúc mệt nhoài nó nổi cáu bảo:

- Không có ai sung sướng bằng mày, chỉ ăn rồi nằm. Thật là đồ vô tích sự!

Con chó nghe con trâu hăm hực nặng nề mình thì

buồn bã trong lòng, nghĩ trâu tuy to xác nhưng không có trí. Nó bèn nói với trâu:

- Anh trâu không hiểu đâu, tôi nào có được sung sướng như anh tưởng. Anh tuy làm lụng nặng nhọc ngoài đồng nhưng có giờ có giấc; sáng ra đồng chiều lại về, tối còn được nghỉ ngơi, cứ lăn ra mà ngủ. Còn tôi, tuy nằm canh cửa giữ nhà trông có vẻ nhàn hạ hơn anh, nhưng thật sự thì mệt cấm canh đâu có ai biết. Nằm lim dim mà trong lòng không yên, phải để tâm canh cửa giữ nhà, không dám lơ là công việc. Nếu ngủ quên hoặc bất cẩn để xảy ra mất trộm thì tôi khó mà sống được. Đêm đêm trong khi mọi người ngon giấc, tôi có được nghỉ ngơi đâu, tôi phải lắng tai nghe ngóng, đưa mắt nhìn trông, hể nghe có động tĩnh gì thì phải sửa

to để cảnh báo. Lúc chủ nhà vui thì tôi còn được ăn no, chứ khi họ có chuyện buồn bực trong lòng thì bỏ mặc tôi đói khát, không ai để mắt quan tâm. Những lúc sân si nổi lên họ còn trút giận lên đầu tôi không thương tiếc, họ đánh họ đá, xua đuổi, chửi mắng tôi. Mỗi khi bạn bè, người thân của họ đến chơi mà tôi không biết, tôi sửa tôi vỗ thì họ đánh tôi, chửi tôi là đồ ngu. Bạn bè họ đến chơi thì không sao, còn bạn bè tôi đến chơi thì bị họ đuổi đi, ném đá đến toạc đầu đổ máu. Ngắm lại coi, anh và tôi ai sướng hơn ai chứ?

Con trâu nghe nói mới hiểu tình cảnh của con chó, nghĩ mà thương nên an ủi:

- Đúng là mày cũng không sung sướng gì. Tao với mày ở chung nhà mà chưa một lần trò chuyện với nhau nên không hiểu nhau. Bây giờ tao đã hiểu nỗi khổ của mày, mày cho tao xin lỗi. Nghe mày nói tao mới biết cả hai chúng ta đều khổ cả.

Đang nói, con trâu bỗng nghe tiếng chim riu rít trên cành cây cao, nó nhìn lên rồi than thở:

- Bọn chim trời cá nước sung sướng làm sao! Chúng có thể tự do tự tại bên ngoài, không bị ai giam cầm quản thúc, không phải làm việc nặng nhọc vất vả, không phải chịu nỗi khổ của kiếp tôi đòi. Giá mà chúng ta có được cuộc sống vui vẻ như thế.

Khi ấy một chú chim nghe thấy lời trâu, bèn đáp lên lưng trâu nói:

- Anh trâu ơi, anh không biết đâu, tôi cũng không sung sướng hơn các anh đâu. Tuy loài chim chúng tôi không phải giữ nhà, không phải đi cày ruộng, không phải chịu cảnh tù túng bó buộc, nhưng chúng tôi cũng có nỗi khổ của mình. Hiểm họa luôn rình rập chúng tôi, những kẻ thợ săn có thể bắn chết chúng tôi bất cứ lúc nào. Tổ của chúng tôi làm khó khăn vất vả biết bao, chưa chắc ở được lâu vì sự phá hại của con người. Trúng chúng tôi sinh ra chưa kịp nở con thì đã bị con người lấy mất. Loài người biết thương con của mình nhưng nào biết thương con kẻ khác. Các anh chỉ bị hành hạ, còn tôi bị cướp đi mạng sống của mình, chết rồi còn bị nhổ lông, xẻ thịt, nấu nướng, thân thể không vẹn toàn. Loài người ỷ mạnh hiếp yếu, nào biết tôn trọng sự sống muôn loài. Các anh có cái khổ của các anh, chúng tôi cũng có cái khổ của chúng tôi, không có ai sung sướng cả.

Bầy cá đang ở dưới mé nước nghe trâu nói mình sướng cũng không đồng tình:

- Còn loài cá chúng tôi cũng không sung sướng đâu. Nhà cá chúng tôi thường bị loài người đánh bắt, mỗi lần bị sát hại chết đến cả bầy đàn. Không nơi nào là nơi để chúng tôi yên tâm mà sống, đâu đâu cũng có lưới bủa câu giăng, đâu đâu cũng có bàn tay con người truy bắt.

Trâu nghe chim và cá nói thì ngao ngán thở dài náo nuột:

- Hóa ra tụi mày cũng khổ. Hiểu biết của tao hạn hẹp quá nên không biết còn nhiều nỗi khổ trên đời này.

Nói như thế rồi trâu buồn bã đi vào chuồng, nó nằm mông lung suy nghĩ về thân phận của nó và bạn bè. Nó nghĩ, loài nào cũng bị con người hiếp đáp, làm hại. Cuộc đời thật bất công, loài người đối xử tệ bạc với các loài khác mà lại được sung sướng, không phải chịu sự khổ sở nào. Đang lúc đó bỗng trâu nghe tiếng quăng bát ném đĩa trong nhà vọng ra. Nó lắng tai nghe kỹ mới biết ông bà chủ đang gây gỗ. Tiếng ông chủ gào lên:

- Sao tôi khổ đến thế này, không bằng con trâu con chó nữa! Con trâu đi cày còn được nghỉ, còn tôi suốt tháng quanh năm phải bận bịu với nhà cửa, vợ con, cơm áo gạo tiền, làm quần quật đêm ngày không lúc nào rảnh rỗi. Tôi khổ sở như vậy là vì ai? Vậy mà bà vẫn không để cho tôi yên, hề thấy mặt là bà hạch sách, cảm ràm, đay nghiến. Vừa phải thôi, làm quá tôi cho cả nhà ra chuồng trâu mà ở!

Nghe chủ nhà nói thế, trâu bỗng giật mình, bất giác than rằng:

- Hóa ra sống ở trên đời đâu có ai không khổ!

Trong chúng ta, mỗi người có một hoàn cảnh xuất thân, có một hoàn cảnh sống, có thể là vui, có thể là khổ, nhìn chung là như thế, song nếu xét cho kỹ thì không ai hoàn toàn hạnh phúc, chỉ khác nhau là ít, nhiều những nỗi vui, khổ mà thôi. Khổ và vui đan xen, chong chéo nhau như một mạng lưới vô hình giăng bủa cuộc đời chúng ta, không một ai thoát cả. Người trẻ có những cái khổ của người trẻ, người già có những cái khổ của người già; người giàu có cái khổ của người giàu, người nghèo có cái khổ của người nghèo, dù trong hoàn cảnh nào cũng có những điều không như ý, cũng có những nỗi khổ thân, khổ tâm, hoặc cả thân tâm đều khổ. Có ai không lo lắng, không hối tiếc, không trông mong, hy vọng điều gì? Có ai chưa bao giờ buồn phiền, thất vọng, hay bất mãn, chán nản? Có ai hoàn toàn khỏe khoắn, thoải mái cả về thể xác lẫn tinh thần? Chắc hẳn là không có ai. Cũng như Đoàn Như Khuê đã nói trong bài thơ *Bể thâm*:

*"Bể thâm mệnh mông sóng lự trời,
Khách trần chèo một lá thuyền chơi
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió
Gắm lại cùng trong bể thâm thôi".*

Đức Phật đã từng nói: "Nước mắt chúng sinh nhiều hơn nước biển", và khẳng định bản chất cuộc đời là Khổ, một sự thật hiển nhiên (Khổ đế). Bởi vì trong hoàn cảnh nào thì con người cũng không thoát khỏi sự chi phối của định luật vô thường, mà hề vô thường thì khổ. Cụ thể là con người khổ vì sinh, già, bệnh, chết, khổ vì mong cầu không toại nguyện, từ biệt sinh ly, khổ vì oán ghét mà phải gặp nhau, khổ vì ngũ ấm bất hòa, cả thân, tâm đều khổ.

Khi nhận biết cuộc đời là khổ, và cái khổ tác động đến tất cả mọi người cho dù con người có ở hoàn cảnh, địa vị, hay thân phận nào đi chăng nữa; bấy giờ chúng ta sẽ không còn cảm thấy đau khổ vì cho rằng mình



khổ hơn người khác; mình là kẻ bất hạnh, vô phần hơn người khác; cũng như trường hợp con trâu trong câu chuyện ngụ ngôn trên. Khi nhận biết cuộc đời là khổ, chúng ta sẽ bớt tham đắm và chịu hệ lụy bởi cuộc đời, biết tìm cho mình phương cách sống tích cực để có được cuộc sống an vui hạnh phúc; ví dụ, biết sống thiếu dục tri túc, biết xả ly, biết yêu thương san sẻ v.v. Khi nhận biết cuộc đời là khổ, chúng ta mới có nhu cầu thoát khổ, mới có ý muốn, chỉ hướng tu tập tìm con đường giải thoát khổ đau. Đây chính là lý do vì sao Đức Phật nói Khổ đế trước khi dạy các pháp môn tu là phần Đạo đế. Khi chiêm nghiệm về sự khổ ở thế gian,

*"Đường danh nẻo lợi lắm người trông,
Chen chúc làm chi giữa bụi hồng.
Kia bóng nguyệt cầu qua cửa sổ,
Nọ tranh vân cầu có rồi không.
Lỡ cười, lỡ khóc trên sân khấu,
Khi nở, khi tàn mấy cụm bông.
Muốn kiếp phù sinh ra khỏi lụy
Quyển kinh câu kệ chớ nài công."*

Muốn cuộc đời an vui không còn khổ nữa, muốn thoát ra khỏi những triền phược, hệ lụy thì phải cố gắng tu, bởi vì: "Hữu vi là pháp vô thường, sớm còn tối mất vô phương vững bền. Một mai sinh diệt đã không, Niết-bàn an lạc thông dong thảng ngày". Ngày xưa khi còn là thái tử, Đức Phật đã bỏ cung vàng điện ngọc xuất gia đi tu, vua Trần Thái Tông cũng từ bỏ ngôi vua vào núi tu hành. Các Ngài nhận thấy làm vua cũng không sung sướng như người ta tưởng, làm vua cũng

có những cái khổ của một vị vua và những cái khổ chung mà mọi chúng sinh phải chịu.

Trong bài pháp đầu tiên tại vườn Lộc Uyển ở thành Ba-la-nại, Đức Phật đã nói về bản chất của thế gian là bất toàn, vô thường, bất toại nguyện, đau khổ (gọi chung là dukkha). Đức Phật nói nguyên nhân của khổ (Tập đế) là do hành động tạo tác của thân và tâm ý (Nghiệp) dưới sự thúc đẩy của phiền não vô minh và ái dục. Đức Phật cũng nói về hạnh phúc chân thật có được khi khổ đau không còn (Diệt đế), và Ngài chỉ rõ con đường đưa đến hạnh phúc chân thật đó (Đạo đế) là con đường Bát Chánh Đạo: Chánh kiến (thấy biết đúng đắn sự thật của cuộc đời, hiểu rõ pháp Tứ đế), Chánh tư duy (suy nghĩ đúng đắn phù hợp chân lý), Chánh ngữ (lời nói chân chánh), Chánh nghiệp (làm những việc lành có ích cho mình, cho người khác), Chánh mạng (sống bằng nghề chơn chánh, lương thiện), Chánh tinh tấn (siêng năng, chuyên cần theo chiều hướng tiến bộ, tu dưỡng bản thân và tích cực làm lợi ích cho nhân loại chúng sinh), Chánh niệm (luôn ý thức và kiểm soát hành vi của thân, khẩu, ý, luôn nhớ nghĩ các pháp lành, tâm an trú trong thiện pháp), Chánh định (nhiếp phục tâm ý, có định lực, có tuệ quán). Nội dung Bát chánh đạo có thể nói không ngoài bài kệ sau:

*Không làm các việc ác
Siêng làm các việc lành
Giữ tâm ý thanh tịnh
Đó là lời Phật dạy.*

(Pháp Cú 183) ■

Nắm thói quen

giúp cân bằng cuộc sống

LEO BABAUTA
SUONG MAI dịch

Thình thoảng bạn có tự hỏi phải chăng cuộc sống của mình có sự cân bằng? Đó là điều dễ nhận biết nếu bạn vẫn có một cuộc sống cân bằng, vì nếu bạn sống cân bằng thì:

- bạn vẫn tận hưởng từng phút giây hiện tại,
- bạn có thể đương đầu với mọi khó khăn,
- bạn có thể hạnh phúc mà không cần lý do,
- bạn có thể là chính mình và yêu bản thân con người bạn.

Thế giới ngày nay luôn cố ném chúng ta ra khỏi trạng thái cân bằng, và đôi khi cho dù bạn làm gì đi nữa, bạn vẫn cảm thấy cuộc sống của mình đang bị lạc hướng. (Thình thoảng tôi biết mình cảm nhận được điều ấy).

Có vẻ dường như cuộc sống cân bằng là một trong những giới hạn lý thuyết của đời sống mà chẳng mấy ai có thể đem vào áp dụng trong thực tế; nhưng thật ra không gì đơn giản hơn là sống cuộc sống cân bằng.

Để sống cuộc sống cân bằng, bạn đâu có thể đòi hỏi một ít công sức, nhưng một khi vào được dòng và phát hiện được những cách giản dị hơn để hướng cuộc sống theo cách mình muốn, bạn sẽ cảm thấy được tiếp thêm sinh lực. Mỗi ngày sẽ đem đến cho bạn sức sống cùng niềm cảm hứng. Cuộc sống của bạn sẽ đầy sự kiện và những cuộc phiêu lưu thú vị khiến mỗi ngày đều đáng nhớ. Bạn sẽ không còn lãng phí cuộc đời mình chút nào nữa, cũng như không dành thời gian suy gẫm những bất hạnh đã xảy đến với mình.

Có phải cuộc sống là cân bằng khi trong cuộc sống của bạn chỉ có những con người và những sự kiện tích cực sẽ đem lại cho bạn hạnh phúc trong từng giây phút? Chắc chắn không phải vậy.

Cuộc sống cân bằng là khi bạn có thể luôn bù đắp cho những sự kiện tiêu cực bằng những sự kiện tích cực. Điều đó cũng là khi bạn có thể thấy ánh sáng cuối đường hầm. Đời sống cân bằng là khi bạn

có hạnh phúc như nhau trong lúc làm việc cũng như khi vui chơi. Nếu bạn hình dung hạnh phúc và mọi thứ lớn lao trong đời mình như một viên kim cương, thì bất cứ điều gì tiêu cực mà bạn gặp phải cũng chỉ như sự mài giũa để làm viên kim cương sáng lấp lánh hơn mà thôi.

Nếu muốn sống một cuộc sống cân bằng thì có năm thói quen cần thiết mà bạn cần phát triển:

- *Chánh niệm và tỉnh thức.* Tỉnh thức là chìa khóa để có cuộc sống cân bằng bởi vì nó giúp bạn nhận biết được từng khoảnh khắc của đời mình và trân trọng từng khoảnh khắc đó. Một người có chánh niệm luôn sống trong hiện tại và không bị ám ảnh bởi tương lai hay quá khứ. Có kế hoạch cho tương lai và biết rút kinh nghiệm trong quá khứ là điều quan trọng, nhưng đánh giá đúng con người mình ngay lúc này và tìm thấy niềm vui trong tình trạng hiện tại lại càng quan trọng hơn. Khi nhận thức được phút giây hiện tại, bạn sẽ điềm tĩnh và không đưa ra những quyết định khiến bạn hối hận sau này. Khi có chánh niệm, bạn trở nên hòa hợp với vũ trụ.

- *Hiểu rõ giá trị thân xác bạn.* Ở đây tôi muốn nói đến việc chăm sóc cơ thể bạn. Nếu bạn biết ơn về món quà đầu tiên mà bạn nhận được trong đời, đó chính là thân xác của bạn, thì bạn phải chăm sóc nó. Điều đó có



nghĩa là bạn hãy có những lựa chọn lành mạnh trong cuộc sống, tập thể dục và năng động, ăn uống điều độ; khi mệt mỏi thì hãy để thân xác của bạn được nghỉ ngơi và thỉnh thoảng hãy nuông chiều nó. Cơ thể bạn là công cụ để bạn trải nghiệm những phút giây tuyệt vời trong đời, vì thế bạn cần phải nỗ lực hết sức khi chăm sóc nó. Rõ ràng là không thể nào có cuộc sống cân bằng nếu không có một cơ thể cân bằng.

- *Sáng tạo.* Mỗi ngày chúng ta phải đương đầu với nhiều thử thách và lựa chọn trong đời. Một vài thử thách có thể dễ dàng trong khi những thử thách khác khó khăn hơn. Nếu bạn tiếp cận với mỗi thách thức bằng sự sáng tạo, thì cuộc sống của bạn sẽ tràn ngập những chuyến phiêu lưu. Ngược lại, nếu bạn bỏ qua sự sáng tạo, cuộc sống của bạn sẽ biến thành đau khổ. Sự sáng tạo là công cụ tuyệt vời cho phép chúng ta biến giấc mơ thành hiện thực, biến trò chơi thành công việc và công việc thành trò chơi; và cho chúng ta tận hưởng cuộc sống ngay cả khi cuộc sống có vẻ vô nghĩa. Những người sáng tạo là những người có thể khéo léo mài giũa cho viên kim cương của cuộc đời họ thêm đẹp.

- *Kiên nhẫn.* Với sự kiên nhẫn, chúng ta có thể vượt qua hầu hết mọi chuyện, trong khi thiếu nó, chúng ta có thể làm hỏng mọi chuyện. Kiên nhẫn có thể giúp chúng ta biến giấc mơ thành hiện thực (giảm cân, khởi nghiệp hay viết blog). Nó có thể giúp chúng ta hoàn thiện hơn trong vai trò của những bậc cha mẹ, vợ chồng, bạn bè, và kể cả khi chỉ là người xa lạ (đôi khi một nụ cười cảm thông từ một người xa lạ có thể đem lại cho bạn một sự khác biệt rất lớn, nhất là khi bạn đang có chuyện buồn). Nếu bạn kiên nhẫn, bạn không phải lo lắng về những giây phút bị kẹt xe hoặc đứng xếp hàng ở một cửa hàng tạp hóa. Bằng sự kiên nhẫn, bạn có thể thấy kết quả cho những nỗ lực của mình, và bạn không phải bỏ thời gian quý báu của mình để giận dữ hay cáu gắt. Sự kiên nhẫn đưa đến chánh niệm và chánh niệm đem lại cho bạn sự cân bằng.

Đơn giản. Đơn giản có lẽ là yếu tố quan trọng nhất của một đời sống cân bằng. Khi bạn xây dựng đời mình xung quanh sự đơn giản, bạn sẽ giảm được những thứ mất cân bằng phá hỏng cuộc sống hạnh phúc của bạn. Khi cân bằng, mọi việc đều đơn giản. Có hai thứ đối nghịch nhau (như trắng và đen) và bạn phải chọn cái ở giữa:

Hãy đơn giản hóa lịch làm việc của bạn để bạn không phải nghĩ về hàng trăm thứ cùng một lúc.

Hãy đơn giản hóa các mối quan hệ của bạn bằng cách chỉ liên lạc với những người bạn thực sự quan tâm và loại bỏ những mối quan hệ không cần thiết.

Hãy đơn giản hóa sự kiêng cử của bạn bằng cách chọn những thức ăn bổ dưỡng đơn giản vốn là một phần của sự dinh dưỡng cân bằng.

Hãy đơn giản hóa sự tiếp xúc với các phương tiện truyền thông xã hội và tận hưởng cuộc sống thực hơn là lãng phí thời gian trên mạng.

Tính đơn giản làm cho cuộc sống cân bằng thật là đơn giản.

Những thói quen này đã là kim chỉ nam cho tôi trong nhiều năm và tôi không thể tưởng tượng một cuộc sống cân bằng (và hạnh phúc) mà không có những yếu tố này.

Sống cân bằng cũng dễ và đáng tưởng thưởng, vì cuộc sống của bạn sẽ trở thành cuộc sống của niềm vui, hạnh phúc và thanh thản. Nếu bạn dành chút thời gian và nỗ lực chuyển cuộc sống của mình theo hướng cân bằng, thì chắc chắn bạn sẽ sống một đời sống thiên thật sự.

Nguồn: *5 Essential Zen Habits for Balanced Living*

Về tác giả: Leo Babauta, hiện sinh sống tại San Francisco, California, Hoa Kỳ, là người sáng lập trang blog zenhabits, ở đó, ông chia sẻ những kinh nghiệm sống của mình dựa trên những thành tựu sau một thời gian dài tích cực hành thiền. ■

Trí tuệ ở ghế bên cạnh

SYLVIA BOORSTEIN
THỊ GIỚI dịch

Đối với mọi người, đời sống là một cuộc phấn đấu. Buồn phiền dường như vô tận, nhưng vẫn có chỗ cho sự bình an. Lòng từ có thể là một phương thuốc. Còn chuỗi tương quan vô tận và phức tạp của nhân với quả để đưa đến sự hiển lộ của một biến cố thì trùng trùng. Đức Phật nói rằng nghiệp là một trong “những cái vô lượng”. Tôi nghĩ đến sự kết nối bí mật giữa một người học sinh trẻ ở Guadalcanal đi đến trường với số tiến học bổng có nguyên do từ một người trẻ tên Jim chọn gia nhập hải quân thay vì lực quân sáu mươi năm về trước.

Khi còn nhỏ, tôi thường lắng nghe mẹ tôi gọt chuyện với những người xa lạ trên xe điện và để ý thấy rằng họ luôn sẵn sàng trò chuyện. Bà nói chuyện cả với các bạn tôi khi họ đến thăm tôi. Tôi nhớ những người trong gia đình khen bà: “Gladys là một người biết nói chuyện”. Tôi cũng nhớ khi tôi rời nhà để vào đại học, bà khuyên tôi: “Sylvia à, con hãy quan tâm đến người khác. Khi gặp người nào, con hãy hỏi thăm điều gì đó về họ - hỏi họ đang học gì chẳng hạn. Việc này rất quan trọng. Hãy lưu tâm đến họ. Đừng ra về ta đây. Hãy thực sự quan tâm. Người ta sẽ quý mến con”.

Phần quan trọng nhất trong lời khuyên đó, tôi nghĩ, là “Hãy thật sự quan tâm”. Việc kết nối bằng sự quan tâm ấm áp làm cho tôi có cảm giác về một sự trao đổi tình thương. “Chào bạn” chỉ có nghĩa là tôi biết bạn hiện diện ở nơi này. Nhưng “Bạn có khỏe không?” là bước đầu của sự kết nối. Thật sự là bất cứ người nào ngồi bên cạnh tôi trên máy bay hay trên xe buýt hay bất cứ chỗ nào khác, khi có thời gian trò chuyện, đều biết một vài điều gì đó về cách sống một cuộc sống có đầy thách thức - vì đời sống của mỗi người đều là một cuộc phấn đấu.

Từ kinh nghiệm, tôi thấy rằng hầu hết mọi người đều yêu mến tình bạn và trân trọng những phút giây chia sẻ, kết nối. Trong những câu chuyện xưa kể về những hành giả tâm linh, thường có một người du hành trên một con đường dài và đầy khó khăn để tìm một vị hiền

triết có câu trả lời có thể giải quyết mọi sự. Tôi cảm thấy như có tấm phao để nổi khi được nghe một người nói chuyện về họ. Phải chăng những điều được nghe làm cho tâm hồn tôi thăng hoa, hay phút giây kết nối trong việc tìm thấy nhau nâng tâm hồn tôi lên.

Kinh nghiệm cho tôi biết rằng nói chuyện với một người trên xe điện, xe buýt, trên máy bay hay ngay cả khi xếp hàng ở siêu thị thường cho tôi một bài học quý giá, và tôi luôn sẵn sàng để đón nhận những cơ hội như vậy.

Như khi tôi có mặt trên chuyến bay từ San Francisco đi New York. Một giờ sau khi tôi vào ngồi trên một chiếc ghế cạnh cửa sổ gần hàng ghế đầu, một người phụ nữ đến đứng trong lối đi giữa hai hàng ghế đưa mắt nhìn tôi, hỏi: “Thưa bà, tôi có thể đến ngồi trên chiếc ghế trống ở giữa trong nửa tiếng cuối của chuyến bay không? Tôi ngồi tận phía sau kia”.

“Vâng, thưa được,” tôi trả lời và nhìn sang người đàn ông ngồi ở chiếc ghế sát lối đi. Ông ta cũng tỏ vẻ bằng lòng.

“Cảm ơn bà”, bà nói. “Tôi sẽ quay trở lại”.

Bốn giờ sau, người phụ nữ quay trở lại. Bà đặt chiếc áo choàng vào hộc hành lý phía trên đầu rồi ngồi vào chiếc ghế giữa. Bà nói lời cảm ơn lần nữa.

“Không có gì, thưa bà”, tôi nói. “Tại sao giờ này bà lại muốn chuyển đến ngồi ở đây, máy bay sắp đến nơi rồi?”.

“Tôi mắc chứng bệnh sợ bị bỏ rơi trong không gian chật hẹp (claustrophobia)”, bà trả lời. “Ở trên máy, bay dù ngồi tận phía sau tôi cũng không sao khi mọi người đều ngồi yên. Nhưng khi mọi người dừng lại ở cửa và đứng đợi để xuống, không di chuyển được, tôi cảm thấy xao xuyến không yên. Vì vậy tôi muốn bước ra ngoài càng sớm càng tốt”.

“Cảm ơn được nghe bà nói”, tôi cười.

“Tôi luôn luôn như vậy”, bà trả lời. “Tôi không có gì phải ngượng. Mỗi người đều có vấn đề của họ. Tôi thì sợ bị bỏ rơi”.

“Bà sống ở New York hay chỉ viếng thăm?” tôi hỏi.

“Tôi sống ở San Francisco. Tôi đến tham dự tang lễ của người anh rể. Anh ấy qua đời ngày hôm kia. Anh

ấy và chị tôi sống ở New York. Tôi có ba người anh trai cũng sống ở đó. Còn hai chị gái thì sống ở California, gần tôi. Họ ngồi ở phía sau”.

“Chúc mừng bà có một gia đình đông đúc”, tôi nói. “Những lúc như bây giờ rất là quan trọng”.

“Hiện tại chúng tôi có cả thầy bảy anh chị em ruột”, bà nói, “nhưng mẹ tôi có tám người con. Người anh cả của tôi tên Jim chết trong chiến tranh ở Thái Bình Dương khi mới mười bảy tuổi. Anh biết rằng nếu đợi đến mười tám tuổi, anh sẽ bị động viên đi quân dịch, anh lại thích đi hải quân vì anh muốn ngủ trên giường ấm áp. Thật là đẹp để khi nhớ lại việc đó sau nhiều năm. Lúc đó tôi được năm tuổi”.

“Khi anh bà mất, người nào đau khổ hơn, mẹ hay cha của bà?”

“Cả hai đều rất đau khổ. Tôi nghĩ việc đó không bao giờ có thể xóa nhòa trong tâm khảm họ”. Im lặng một lúc, bà tiếp tục: “Khi chúng tôi trưởng thành, các anh chị tôi và tôi lập một tổ chức giúp đỡ những học sinh giỏi trong một số vùng ở Solomon Islands để họ có thể tiếp tục học lên trung học ở Guadalcanal. Nếu không có sự giúp đỡ, họ không thể nào tiếp tục đến trường. Chúng tôi đã giúp nhiều học sinh học hết chương trình trung học”.

“Chỉ gia đình bà thôi?” tôi hỏi. “Thật là một việc làm đáng trân trọng”.

“Nhưng mà” bà cười, “gia đình chúng tôi không phải là một gia đình nhỏ. Hiện giờ chúng tôi có đến chín mươi sáu người, tính luôn con và cháu. Chúng tôi có khả năng thực hiện việc đó. Chúng ta phải làm việc gì đó khi có một biến cố khủng khiếp xảy ra cho chúng ta. Vài người trong chúng tôi cứ vài năm đến đó một lần để thăm những đứa trẻ của chúng tôi”.

Phi cơ hạ cánh và tiến vào lối ra. Ngay khi đèn báo hiệu nịt dây an toàn tắt, bà liền đứng lên, cảm ơn tôi một lần nữa, vội với tay lấy áo khoác, rồi chen vào trước người đàn ông đang đứng ở lối đi. Bà là một trong những người sẽ xuống trước.

Tôi vui cho bà cũng như cho tôi.

Với người phụ nữ này, cũng như những người xa lạ khác mà tôi đã gặp, tôi kinh nghiệm thấy rằng nếu hỏi một câu hỏi thích hợp, thế giới sẽ mở ra cho tôi những bài học quan trọng.

Đối với mọi người, đời sống là một cuộc phấn đấu. Buồn phiền dường như vô tận, nhưng vẫn có chỗ cho sự bình an. Lòng từ có thể là một phương thuốc. Còn chuỗi tương quan vô tận và phức tạp của nhân với quả để đưa đến sự hiển lộ của một biến cố thì trùng trùng. Đức Phật nói rằng nghiệp là một trong “những cái vô lượng.” Tôi nghĩ đến sự kết nối bí mật giữa một người học sinh trẻ ở Guadalcanal đi đến trường với số tiền học bổng có nguyên do từ một người trẻ tên Jim chọn gia nhập hải quân thay vì lực quân sáu mươi năm về trước.

Nguồn: *Wisdom in the next seat, Shambhala Sun.* ■



Ảnh: *Trần Thanh Vỹ*

Nhất Phật

nhất thần tiên

THÍCH PHƯỚC ĐẠT

Mục đích của Đức Phật ra đời là khai thị ngộ nhập Phật tri kiến cho chúng sinh. Nói một cách khác, Đức Phật thị hiện, thuyết pháp độ sinh với một hoài bão duy nhất là mong muốn mọi chúng sinh được chuyển hóa thành Phật ngay giữa cuộc đời này. Cho nên, ta chẳng ngạc nhiên gì khi vua Lý Nhân Tông nói lên ước nguyện được học Phật và làm Phật của mình trong một câu thơ “*Nhất Phật nhất thần tiên*” (Một Phật một thần tiên) qua bài kệ tán thán Thiền sư Giác Hải và Chân nhân Thông Huyền được ghi trong sách *Thiền uyển tập anh*.

Rõ ràng, thực thi khát vọng được trở thành “Một Phật một thần tiên” là không của riêng ai mà còn cho tất cả Phật tử hiện hữu trên thế gian này.

Ngay từ thuở nhỏ, mỗi người trong chúng ta ai cũng từng thấm thấu lời ru của mẹ hiền qua từng ngày tháng, được nghe mẹ kể chuyện cổ tích thần kỳ khi tuổi còn thơ; những lời ru, những câu chuyện thường thấp thoáng hình bóng ông Bụt. Đêm đêm thấy ông Bụt hiện từ hiện về trong giấc mơ thần tiên, ngày ngày trông chờ ông Bụt xuất hiện như vị thần tiên khi mình gặp rắc rối, bị người lớn, cha mẹ chị em la rầy, ấm ức khóc nhè khi cảm thấy oan ức.

Khi tuổi thơ đi qua, lớn lên cất bước vào đời, ta cứ ngỡ rằng ông Bụt xuất hiện như vị thần tiên trong truyện cổ tích *Tấm Cám*, *Thằng Bờm*, *Cây tre trăm đốt*...

ngày xưa, ngày xưa đã biến mất. Thực ra, ông Bụt vẫn xuất hiện giữa đời khi ta gặp chướng duyên, khi phải khó khăn đối diện với những vấn đề nan giải. Ta vẫn gặp gỡ, tiếp cận những mẫu người hiền như Bụt, sáng suốt như Bụt, can đảm như Bụt trong các mối quan hệ đời thường. Chưa hết, đi tới đâu, làm việc gì, ước muốn gì chỉ cần ta có Phật tâm, thiện tâm thì lập tức cũng có người khác đồng tâm ủng hộ để ta nhanh chóng thành tựu chí nguyện của mình. Và như thế, Phật tâm, thiện tâm thực chất chỉ là một, chỉ cần ta có một Đức Phật trong lòng, ta cũng đủ sống với đời, an trú trong đời mà không bị dòng đời chi phối. Lúc đó, ta có thể có hạnh phúc thật sự và ồ lên: “Thì ra cảnh đời đã hóa thành cảnh Bụt, cảnh trần gian hóa thành cảnh thần tiên trong ý nghĩa *Nhất Phật nhất thần tiên*”.

Xem ra, Bụt đồng nghĩa với thần tiên trong tâm thức người Phật tử giữa đời sống thực là điều hiển nhiên, như trong điều 2 của tác phẩm *Lý hoặc luận* ghi, được Mâu Tử lý giải và khẳng định: “... Phật là nguyên tố của đạo đức, đầu mối của thần minh. Nói Phật nghĩa là giác, biến hóa nhanh chóng, phân thân tán thể, hoặc còn hoặc mất, nhỏ được, lớn được, tròn được, vuông được, già được, trẻ được, ẩn được, hiện được, đập lửa không bỏng, đi dao không đau, ở dơ không bẩn, gặp họa không mắc, muốn đi thì đi, ngồi thì lóe sáng, nên gọi là Phật”. Rõ ràng, một cái nhìn về Phật thể như thế sẽ tác động mạnh mẽ vào tâm thức con người trong chiều hướng thẳng tiến,



được xây dựng trên nền tảng nguyên lý đạo đức của con người, là đầu mối của thần minh, chứ không phải gì khác ở bên ngoài hiện thực con người đang sống. Hay nói cách khác, xuất phát điểm từ con người, vì con người mà sống theo nguyên lý đạo đức của con người thiết lập, mà chuyển hóa thân tâm, sống an nhiên tự tại như Phật, an nhàn tiêu dao như thần tiên.

Thế nên, khi ta sống trong đời với niềm tin và thực thi nếp sống đạo đức hướng thiện thì hóa hiện những phẩm chất cao thượng, sau đó đi đến sự an định trong tâm thức và thăng tiến trí tuệ, đó là Giác. Mỗi khi tính giác hóa hiện thì khả năng sáng tạo vô cùng của mỗi người sẽ xuất hiện lớn hơn và có thể làm nhiều điều kỳ diệu cho chính mình, cho mọi người và cho cả cuộc đời. Do đó, hình ảnh Đức Phật được Mâu Tử ghi nhận là một con người với vẻ đẹp toàn bích của đạo đức và các phẩm chất năng lực siêu việt với cách diễn đạt đầy quyền năng chính là một khát vọng sống. Mục đích là để con người vượt qua những chướng duyên và khó khăn từ trong cuộc đời. Và như thế, Phật cũng trở thành nhân vật lý tưởng, một mục tiêu hướng tới mà bất kỳ người nào sống trên cõi trần này đều có khả năng vươn tới và thành tựu như một phép mầu mà Phật ban cho, thần tiên trao tặng mà dân ta thường suy niệm và phát nguyện trong đời sống hàng ngày.

Thực tế, nguyên ủy của nghĩa Phật là Giác, là tỉnh thức về sự thật con người và thế giới hiện hữu quanh

ta. Có điều, Mâu Tử vào thời đó, ngoài việc nêu Phật là nguyên tổ đạo đức, đầu mối thần linh, còn triển khai ý nghĩa "Giác" qua một số yếu tính khác nữa hết sức quyền năng và thần thông như như thần tiên giáng trần chứng tỏ khả năng vô hạn của con người là có thể khi "trí tuệ bừng khởi" và soi sáng cho đời từ trong hiện thực khổ đau cần phải vượt thoát: *"biến hóa nhanh chóng, phân thân tán thể, hoặc còn hoặc mất, nhỏ được, lớn được, tròn được, vuông được, già được, trẻ được, ẩn được, hiện được, đập lửa không bỏng, đi dao không đau, ở dơ không bẩn, gặp họa không mắc, muốn đi thì đi, ngồi thì lóe sáng"*. Một người Phật tử khi làm được điều này là có nghĩa thực hiện được mục đích cao cả mà Phật giáo thời đó đề ra như điều 1, *Lý hoặc luận* ghi: *"Phật dạy thiên hạ, cứu vớt giải thoát nhân dân"*.

Trở lại câu chuyện mà *Thiên uyển tập anh* ghi: "... Đời vua Lý Nhân Tông, sư Giác Hải thường cùng Thông Huyền chân nhân bị triệu vào nhà hóng mát Liên minh hầu hạ, bỗng có con cắc kè kêu nhau chối tai, đáng ghét. Vua khiến Huyền làm nó dừng kêu. Huyền lâm râm niệm chú, làm rơi trước một con. Huyền cười sư, sư bảo: Đang còn một con, để đó cho Sa môn". Sư chú mục nhìn, trong giây lát, nó cũng rơi theo. Vua lấy làm lạ, làm một bài thơ khen *"Giác Hải tâm như hải, Thông Huyền đạo hữu huyền. Thần thông kiêm biến hóa. Nhất Phật nhất thần tiên"* (Giác Hải lòng như biển, Thông Huyền đạo lại huyền. Thần thông cùng biến hóa,



Một Phật một thần tiên). Từ đó, tiếng tăm sư vang khắp thiên hạ, tăng tục ngưỡng chuyền. Vua thường đối đãi như bậc thầy². Cho nên, Thiền sư Giác Hải cùng Chân nhân Thông Huyền được vua Lý Nhân Tông tán thán như là một vị Phật, một vị thần tiên ở đời là một sự thật hiển nhiên. Cả hai người đều có trí tuệ viên dung, phẩm hạnh cao ngời, khả năng siêu việt “tâm như biển, đạo lại huyền, thần thông biến hóa” là hình ảnh để mọi người tự tin vào mình có khả năng giải thoát khổ đau cho chính mình và góp phần làm cho đời bớt khổ đau.

Trần Thái Tông vị vua đầu tiên nhà Trần, cũng đã từng biến giấc mơ “chỉ muốn cầu làm Phật, chứ không muốn làm gì khác” trở thành hiện thực khi ngài thực thi hạnh nguyện của mình theo lời khuyên của Quốc sư Trúc Lâm “Sơn bản vô Phật, duy tồn hỷ tâm, tâm tịch nhi tri, thị danh chân Phật. Kim bệ hạ nhược ngộ thử tâm đắc lập địa thành Phật, vô khổ ngoại cầu dã” (Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng. Lòng lặng mà hiểu, đó chính là chân Phật. Nay bệ hạ nếu ngộ được tâm ấy thì lập tức thành Phật, không phải nhọc công tìm kiếm bên ngoài). Rõ ràng, Phật không ở đâu xa, Phật luôn hiện hữu ở ngay trong tâm thức, chỉ cần lòng lặng mà biết thì ai cũng trở thành Phật. Nói cách khác, ở đâu có con người, ở đó có sự giác ngộ của chân tâm thường tịnh, có sự thực nghiệm tâm linh, sinh hoạt đạo thiền trong bất kỳ môi trường nào.

Quốc sư Trúc Lâm đã nêu lên quan điểm về Phật thật đơn giản, cụ thể thì đó chính là điều kiện để trở thành Phật, tức trở thành bậc Giác ngộ giữa cuộc đời. Một quan điểm như thế đã tác động chi phối toàn bộ lịch sử tư tưởng Phật giáo Đại Việt bấy giờ, điều đó cũng có nghĩa nó cũng có ảnh hưởng tương tác với lịch sử tư tưởng dân tộc từ đó trở về sau.

Trong bài “Niệm Phật luận”, Trần Thái Tông đã phát biểu một cách dứt khoát “Thân ta tức là thân Phật, không có hai

tướng”. Tuệ Trung Thượng sĩ trong cuốn *Thượng sĩ ngữ lục* cho rằng “Khi mẹ không biết ta là Phật”; Trần Nhân Tông trong *Cư trần lạc đạo phú* thì tuyên bố: “Bụt ở trong nhà, Chẳng phải tìm xa, Nhân khuấy bốn nên ta tìm Bụt, Chỉ mới hay chính Bụt là ta”. Rõ ràng, các thiền gia chúng ngộ đời Trần đã nói rõ Phật và chúng sanh không khác. Con người thật của chúng ta là Phật. Còn con người mà chúng ta tưởng là thật với cái tâm vọng động lại là con người giả. Mỗi người cần trở về với con người thật. Đó chính là giá trị nhân sinh của một tinh thần Thiền học như là lời giải đáp tại sao chúng ta hiện hữu trên cõi đời này.

Tinh thần Thiền tông mà Trần Thái Tông chủ trương sẽ cung cấp cho con người một lý tưởng, một lẽ sống cao quý đủ để tạo một cảm hứng sáng tạo, vươn lên cho đến khi mỗi con người đều trở thành một vị Phật. Khi con người chấp nhận Phật tại tâm thì cũng có thể hiểu việc tìm Phật là tìm lại tấm lòng mình. Một quan điểm về Đức Phật như thế đã tạo ra một cái nhìn mới về bản chất bình đẳng của con người. Mọi người đều bình đẳng, không phân biệt đẳng cấp, nam nữ, sang hèn, giàu nghèo. Sống trong một xã hội, mọi người đều nhận thức được tinh thần này sẽ có tác động vào xã hội, tạo ra những chiều hướng, động lực phát triển khác trên nhiều lĩnh vực. Do đó, mọi người phải biết sống theo tinh thần đạo lý: “Không phân biệt là sống giữa đời hay sống ẩn dật trong rừng, không phân biệt là tại gia hay xuất gia, tăng hay tục, chỉ cốt biện tâm” để cùng nhau tu tập và xử lý các vấn đề cá nhân, quốc gia, dân tộc thật chu toàn, như chủ trương vạch định.

Từ đây, một nếp sống đạo thiền được định hình trong sinh hoạt đời thường. Đã là người, nhất là Phật tử, thì không thể sống tách rời với những người xung quanh. Mọi người phải tham gia, vận động vào các môi trường sinh hoạt thực tiễn, tức sống theo tinh thần Phật giáo thiền. Nói cách khác, đời sống đạo yêu cầu con người tự nguyện xả bỏ những ham muốn cá nhân, không hề lụy bất cứ cái gì, ngay cả cái thân ngũ uẩn giả tạm này. Thế nên việc thực hành sự biện tâm thông qua sự trải nghiệm hành trì sám hối sáu căn đối sáu thời, niệm Phật, tụng kinh, hành thiền để tâm trở nên vắng lặng, thanh tịnh mà hiểu biết mà thành Phật ở đời là điều mà ai cũng có khả năng thực hiện. Làm được vậy, là ta đang sống với Phật, ăn cơm Phật, hành theo Phật, ở nhà Phật, vui thú cảnh Phật cũng là cảnh thần tiên không chỉ trong đời sống bình nhật mà cả mọi không gian và thời gian bất tận.

Chú thích:

1. Lê Mạnh Thát, *Nghiên cứu về Mậu Tử*, tập II, Tu thư Vạn Hạnh, 1982, tr. 510
2. Lê Mạnh Thát, *Nghiên cứu Thiền uyển tập anh*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1999, tr. 232.
3. Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, q. thượng, Nxb. KHXH - Hà Nội, 1989, tr. 27. ■



Ảnh: **Studio Quân**

Sống & chết

VÔ VĂN LÂN

Sinh tự hà lai, tử từng hà khứ? Sinh từ đâu đến, chết theo đâu về? Đó chính là câu hỏi đã làm cho con người băn khoăn từ muôn thuở, cũng là một trong những lý do chính khiến tôn giáo và triết học có mặt, một trong những mục tiêu tìm kiếm của khoa học. Xã hội loài người ngày càng phát triển với những tiến bộ của khoa học kỹ thuật ngày càng hiện đại thực ra vẫn chưa có câu trả lời cho câu hỏi trên mà chỉ khiến con người ngày càng phải đối mặt với cái chết luôn cận kề: một tai nạn bất ngờ, một cơn đột quỵ vì quá căng thẳng trong cuộc sống, và biết bao lý do khác đến từ khủng bố, thiên tai, bệnh tật... luôn đe dọa tính mạng! Trước nỗi sợ chết, có những người hối hả lao vào hưởng thụ sợ không còn kịp trước hạn cuộc ngắn ngủi. Một số người khác, trái lại, ra sức bám víu, tích góp của cải tiền bạc, chạy đua theo danh vọng, quyền lực... đến quên ăn bỏ ngủ (sống), quên cái chết đang rình rập với ảo tưởng cho rằng nếu có được danh vọng quyền

lực hay của cải thì có thể có khả năng che chắn để cái chết đừng đến! Thực tế chứng tỏ mọi thứ trên cõi đời này đều vô thường, giả tạm. Mặt khác, đã không thiếu những bằng chứng cho thấy chết không phải là hết. Như vậy, việc hối hả hưởng thụ hay việc bám víu tích góp đều không phải là thái độ thích hợp.

Thật ra có thể thấy sự sống ngắn ngủi chỉ trong hơi thở. Thở ra mà không hít vào hay hít vào mà không thở ra là sự sống kết thúc! Nhưng theo các nhà minh triết Đông phương, sống đến trăm năm hay nhiều hơn mà khổ đau dài dài cho mình và chẳng có ích gì cho người thì đâu phải là trọn vẹn. Nhưng chỉ vài ba mươi năm sống thanh thoi, biết trân quý từng chút từng chút giá trị của cuộc sống, lại đóng góp tích cực cho sự sống an lạc của người khác, thì cuộc sống ấy đã đủ đáng được gọi là thọ. Vua Trần Thánh Tông, cũng là một vị Thiền sư đời nhà Trần, đã cho rằng:

"Sinh như trước sam/ Tử như thoát khổ / Tự cố chí kim/ Cánh vô dị lộ..."

Tạm dịch: (Sinh như mặc áo/ Chết như cởi quần/ Từ xưa tới nay/ Không con đường nào khác). Người đời chẳng ai không chết, đó là sự thật không ai chối cãi! Sự sống và cái chết luôn song đôi; đã sinh ra, trước hay sau, sớm hay muộn, rồi ai cũng lần lượt trở về. Theo giáo lý đạo Phật, sống chết là hai mặt của một thực tại, là một giai đoạn trong chuỗi tương tục sống chết, chết sống bị tác động bởi duyên sinh duyên khởi. Và sống chết là lẽ vô thường; sinh, trụ, dị, diệt về mặt không gian và thành, trụ, hoại, không xét về thời gian! Để thấy rõ tính tương tục hai mặt của sống và chết ta thử lấy ra một mắt trong chuỗi mắt xích tương tục “sinh tử”. Giả định đời người hiện hữu (sanh) từ lúc có sự thụ thai khi tinh cha (tinh trùng) huyết mẹ (noãn) hòa hợp với nhau, tiếp cận một nghiệp thức tương ứng, hội đủ điều kiện (duyên) tương thích như môi trường, nhiệt độ, ánh sáng... trong tử cung mẹ hay trong ống nghiệm để hình thành một chủng tử; trong mọi trường hợp, cái mầm sống ấy đều phải phát triển trong cơ thể người mẹ nhờ được cung cấp dưỡng chất từ cơ thể của bà mẹ; theo thời gian, hội đủ mọi yếu tố, mầm sống ấy hình thành các cơ cấu vật lý, tâm lý, sinh lý hoàn chỉnh của một thai nhi; đúng thời, thai nhi ra khỏi cơ thể mẹ trở thành một hài nhi để rồi có được sự chăm sóc bú mớm, nuôi dưỡng của cha mẹ, của gia đình và của xã hội, lần lượt trở thành thiếu niên rồi thanh niên, trưởng thành, lập gia đình có vợ có chồng, sinh con đẻ cái rồi bước vào độ trung niên, lão niên trở thành già yếu rồi chết. Đó là *tiến trình một đời người* theo cách hiểu thông thường. Như thế “sự sống” bắt đầu từ lúc thai nhi hình thành trong bụng mẹ hay khi đã lọt lòng mẹ? Thông thường người ta cho rằng cuộc sống bắt đầu từ cất tiếng khóc chào đời. Như vậy, thời gian chín tháng mười ngày được cư mang trong bụng mẹ thuộc về đâu? Câu hỏi đặt ra vẫn chưa có câu trả lời. Người xưa tính tuổi thọ cho một người có cộng thêm “tuổi mẹ”, hẳn không phải là vô cớ.

Theo giáo lý nhà Phật, sống chết là một quá trình tương tục không có khởi đầu và không kết thúc, trừ phi các bậc giác ngộ có khả năng đoạn trừ vòng sinh tử luân hồi. Cũng nên giáo lý ấy khẳng định rằng sinh chỉ là sự hình thành một giả hợp gồm năm thành tố: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; trong đó, sắc hay thể xác chỉ là sự tập hợp có hệ thống của tứ đại đất, nước, gió, lửa. Như vậy, tử chỉ là sự tan rã của các yếu tố cấu thành và các yếu tố này hoàn nguyên đâu vào đấy: thịt, xương, da, lông, móng... trở về đất; máu, đờm, dãi, mồ hôi, nước mắt trở về nước; khí, hơi thở trở về gió; sức nóng hay thân nhiệt trở về lửa. Thọ, tưởng, hành, thức thuộc thân thức, cũng chính là nghiệp thức, khi đó lìa bỏ thân xác cũ chuyển thành thức tái sinh do tác động của *ngiệp lực tương ứng với hợp duyên khi tinh cha kết hợp noãn mẹ* trong một môi trường thích hợp để *hình thành một thực thể mới*. Chết khác nào vất bỏ chiếc áo cũ thay vào chiếc áo

mới, nghĩa là tiếp nhận một thân khác. Khoa học ngày nay chứng tỏ, mỗi mỗi sát-na, các loài sinh vật, đất đá cỏ cây đều thay đổi, biến chuyển không ngừng; mỗi tế bào, mỗi mô mạch của con người vẫn chết đi sống lại trong từng giây từng phút từng sát-na. Nghĩa là cái chết đâu phải xảy ra cái rụp trong khoảnh khắc như ta vẫn nghĩ, mà nó là cả một quá trình. Thực tại giây phút trước không còn là thực tại giây phút sau. Nếu không có sự chết đi của tế bào cũ để phát sinh tế bào mới thay thế làm sao có sự phát triển. Đây là chỗ gặp gỡ giữa khoa học và Phật giáo cũng như các truyền thống văn hóa Đông phương. Vô thường như thế là quy luật tất yếu đưa đến phát triển của vạn hữu. Do đó người sống sâu sắc hiểu rằng cái gì có sinh thì có diệt, có thành ắt sẽ hoại nhưng chẳng có gì mất. Đức Phật đã dạy trong *Bát nhã Tâm kinh* rằng vạn pháp không sinh, không diệt, không tăng, không giảm, không cấu, không tịnh. Ví như cái chén, cái bình... bị vỡ, ta tưởng mất, thật ra dù chỉ mảnh mún, chúng không mất hẳn mà chỉ trở về lại các yếu tố đất, nước, lửa, gió... góp phần hình thành một vật khác. Cũng thế, hạt lúa phải chết đi để cây lúa nảy mầm. Mùa đông tàn tạ báo hiệu mùa xuân tươi đẹp. Nói khác, cái chết đặt mầm mống cho cái sống, đem lại cho cõi đời muôn vàn hương sắc; đồng thời, cái chết giúp con người nhận thức sự phù du của cõi thế, sự mong manh của kiếp người, tính hư ảo của danh lợi. Cái chết còn cho phép ta nhận ra vẻ bi tráng của trần gian, sự mầu nhiệm của cuộc sống!

Nếu không mất, con người nhắm mắt lìa đời sẽ về đâu? Các tôn giáo hữu thần, cho dù nhất thần hay đa thần, đều mặc khải cái chết hoặc sinh về nước Chúa, hoặc đọa vào luyện ngục, đều là những cõi vĩnh hằng vì linh hồn bất tử; nghĩa là trùm cho cái chết ý nghĩa “thường”. Khoa học, trái lại, với tinh thần thực nghiệm, chỉ xác quyết những gì mắt thấy, tai nghe, sờ mó, cân đo đong đếm được, nên quan niệm khi chết thân xác tan rã không còn gì, đã kết luận chết là “đoạn diệt”. Đức Phật giác ngộ chân lý thực tại với quan điểm “*Trung đạo*” cho rằng không *thường* mà cũng không *đoạn*. Thế chết về đâu? Ông bà ta há từng bảo “*Sống gọi thác về!*” Về đâu? Về lại chỗ đã đến! Tức là *tái sinh!* Vậy cái gì tái sinh? Phải chăng chỉ là sự tiếp nối của cái cũ? Quan điểm Trung đạo của nhà Phật trả lời không phải một nhưng chẳng phải khác. Cũng như ngọn đèn cây được thắp lên từ đầu hôm đến nửa đêm, đến hôm sau vẫn còn sáng. Ánh sáng *từng* thời điểm đầu hôm, nửa đêm, sáng hôm sau là một hay khác? Nói một cũng không đúng khi cây đèn đã cháy gần dần, bắc đã lụn; nhưng nói khác cũng không xong vì ngọn đèn vẫn là ngọn đèn đó, có thay đổi gì đâu! Đó là luân hồi của chuỗi sinh diệt, diệt sinh vô cùng tận. Xuyên suốt quá trình này một *tâm thức hiện tồn miên viễn* mà đạo Phật gọi *Phật tính*, là *Bản thể là Như Như hay Như Lai tạng tính*... Đức Thích Ca Như Lai, bậc Đạo sư giác ngộ đã chỉ ra rằng mọi loài chúng sinh không phân biệt *hữu*



tinh, vô tình, nhỏ lớn đều có Phật tính. Tính Phật không tăng không giảm, không thêm không bớt, cũng không bao giờ mất mà bình đẳng trước muôn loài. Phật dạy đó là *thường trong vô thường*.

Do không hiểu lẽ vô thường, nghĩa là có sinh tất có diệt, các bậc vua chúa thời xưa đã khổ công cho người luyện thuốc trường sinh bất tử. Nào ai thành tựu? Khoa học ngày nay, mặc dù đạt nhiều thành tựu trong khám phá vũ trụ, tiếp cận thiên nhiên và con người, vẫn bỏ ngỏ câu trả lời về sinh tử. Đức Phật qua trực nghiệm bằng thiền định đã giác ngộ chân lý thực tại chỉ ra rằng do duyên sinh duyên khởi tương tác chịu tác động bởi nghiệp lực tạo tác từ hành vi của ý, khẩu, thân (Phật giáo gọi là tam nghiệp) dẫn đến tiến trình sống chết, tái sinh. Các bậc Thánh nhân Đông phương liễu nghĩa sinh tử nên sống chết tự tại. Tuệ Trung Thượng sĩ, thiền sư cư sĩ Việt Nam là một điển hình. Theo Thượng sĩ thì "Sinh tử nhàn nhĩ dĩ" sống chết chỉ như chơi. Khi sắp tịch, ông cho đặt giường ngay nhà khách nằm nhắm mắt; thấy thê thiếp, con cháu khóc lóc, ông mở mắt quờ: "Sao không để ta đi yên ổn?". Nói xong, ông sai lấy nước rửa ráy mặt mày tay chân rồi nhắm mắt đi luôn. Lão Tử dạy học trò khi ông qua đời không được khóc lóc mà reo cười. "Sinh ký tử qui" (sống tạm, chết mới trở về) chứ có mất đi đâu mà khóc lóc làm gì cho sầu khổ!

Sống chết tuy là quá trình tự nhiên nhưng lại là điều kỳ diệu khi hiểu rằng sự sống và cái chết luôn song đôi

bên nhau. Đối với chúng ta kẻ phàm phu, chết không hề là vấn đề đơn giản dễ dàng đón nhận. Theo giáo lý Mật tông được ghi trong *Tạng thư sống chết*, thời kỳ hấp hối là giai đoạn cực kỳ nhạy cảm, mọi bộ phận của cơ thể đang dần tan, rút ra khỏi mọi giác quan cho đến cuối cùng rút lui khỏi hạt giống, điểm sâu kín nhất (chủng) mà chúng ta nhận được từ cha mẹ. Sau cùng sự phân hủy tăng dần đến mức rất cao, dẫn đến sự đau đớn thể xác và đau khổ tột cùng về tâm thức. Trong giây phút hiện thực con người là một điểm động, hệ quả của hành động bản thân chịu tác động của môi trường chung quanh, của nhiều kiếp trước có thể có khởi điểm từ bao lâu không rõ. Mặt khác, hành động do mình khởi xướng lại tác động vào thế giới và thế hệ mai sau... Chết là trở về, con người sẽ phải trả lại cho trần gian tất cả những gì đã tạm vay mượn lúc sinh thời: tiền bạc, công danh, phú quý cùng với mọi buồn vui, sướng khổ. Và hành trang duy nhất ta có thể mang theo, và phải mang theo, trên đường trở về cũng chính là những gì ta đã mang vào đời, khi vừa lọt lòng mẹ: Nghiệp! Trên đường trở về đó, hành trang kia sẽ nặng hơn hay nhẹ hơn đều hoàn toàn tùy thuộc vào những hành động ta đã tạo khi còn tại thế. Chính *tác động của hành vi có ý thức*, tạo ra *biệt nghiệp* cho riêng mình, chịu tác động đồng thời tạo ra *cộng nghiệp* chung cho xã hội và loài người. Nghiệp đặt vai trò và vị trí của mỗi cá nhân trong vũ trụ, trong dòng tiến hóa của sinh vật, trong nhân loại trước kia hôm nay và mai sau! Qua hành động mà không ai tránh được - cái "*ngiệp*" ràng buộc theo *qui luật nhân duyên cá nhân với toàn thể loài người, toàn thể sinh vật*.

Ở đây, trước sự sống và cái chết, rõ ràng không hề thấy bóng dáng của bất kỳ một quyền năng tối thượng nào, cho dù với danh xưng là Trời, là Chúa, hay là Thượng đế. Kể cả chư Phật, chư Bồ-tát cũng không thể can dự vào hành trình sống chết. Chỉ có *ngiệp lực*! Sống thế nào thì chết như thế đó! Cái chết an lành chỉ đến với ai đó có đời sống bình an! Thực tập tinh thần vô úy của Phật giáo chính là chuẩn bị cho cái chết ngay khi đang sống. Chuẩn bị những gì? Phật dạy hành Tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) và Lục độ (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, trí tuệ, thiền định) trong mọi lúc, mọi nơi, nhất là khi còn bình thường khỏe mạnh, để huân tập thiện nghiệp, là trang bị tư lương để lên đường vững chãi! Đó là thái độ tỉnh thức của kẻ trí. Đức Phật, bậc Đạo sư giác ngộ đã khai mở chân lý duyên sinh, duyên khởi... với con đường Bát chánh đạo giúp chúng sinh đoạn trừ vòng nhân duyên trôi buộc đưa đến giải thoát sinh tử luân hồi. Mặt khác, trước vô số chúng sinh do vô minh vọng chấp còn tạo nghiệp lực khổ đau, Bồ-tát với tinh thần tự tại vô ngại và đại nguyện từ bi, chủ động trước tiến trình sống chết, chưa chịu nhập Niết-bàn, tự nguyện ở lại cõi trần cứu độ chúng sinh. Đó là *liễu nghĩa sinh tử*, là khả năng *giải thoát sống chết* của con người theo lời Phật dạy! ■



Phật hóa gia đình

HÒA THUỌNG THÍCH THÁNH NGHIỆM
THÍCH NỮ VIÊN THẮNG dịch

Xã hội ngày nay nam nữ bình đẳng, người nữ tuyệt đối không còn lệ thuộc vào người nam, người nam cũng không làm nô lệ cho người nữ. Tổ chức trong gia đình là cả hai cùng phân chia công việc để làm. Vợ chồng ngày nay từ tìm hiểu yêu nhau rồi mới kết hôn. Khi yêu, cả hai người thường biểu lộ những đức tính tốt đẹp, lại

khéo che giấu những khuyết điểm của mình để làm hài lòng người yêu; cho nên, sau khi họ kết hôn, bản tính xấu lộ ra dẫn đến hậu quả không tốt.

Khi hai người quyết định tiến đến hôn nhân, họ cho rằng danh phận của hai người đã được xác định, mối quan hệ vợ chồng đã bị ràng buộc rõ ràng. Vì thế, nếu trước đây cả hai đều cố gắng che giấu những thói hư tật xấu của mình để lấy lòng người yêu thì nay đã thay đổi, nên họ thể hiện hành động tùy tiện bất cứ lúc nào, vì họ cho rằng đã là vợ chồng thì không cần khách sáo, nếu giữ khách sáo là giả tạo bề ngoài. Nhưng mọi người không hiểu giữa vợ chồng điều cần nhất là biết tôn trọng nhau như tôn trọng khách, theo ý nghĩa câu 'tương kính như tân'. Nếu như một trong hai người bạn đời không hiểu được sự quan tâm của người kia mà cứ hờn trách gây ra phiền phức, không khen tánh khiêm tốn tốt đẹp của bạn đời mà chê họ thấp kém, đã không biết tôn trọng lại còn mưu tính khuất phục đối phương phải phục tùng mình. Sống chung lâu ngày, cả hai đều bộc lộ hết những thói hư tật xấu, kết quả sinh ra nhàm chán, họ cảm thấy người bạn đời thật đáng ghét. Đúng như trong kinh *Vô Lượng Thọ*, Đức Phật dạy: "Nhìn vợ thật là chán ghét". Kinh *Ngọc Da Nữ*, cũng nói: "Thấy chồng là không thích". Hai bên chán ghét không thích nhau, do đó tình cảm dần dần rạn nứt, đến nỗi gây ra bi kịch bất hạnh.

Vậy thì vợ chồng làm thế nào để có thể giữ được hạnh phúc suốt đời? Nhất định phải làm theo lời Phật và Bồ-tát dạy. Căn cứ theo những điều Phật và Bồ-tát dạy, có hai điểm cần chú ý để chúng ta sửa đổi cho tốt đẹp:

1. Nói lời dịu dàng, nét mặt tươi vui.

2. Nhẫn nại.

Đức Phật dạy: "Người nói lời dịu dàng, nét mặt tươi vui sẽ không gây bất hòa". Đây là yếu tố quan trọng trong đời sống tinh thần của vợ chồng. Nếu như vợ chồng luôn nói lời dịu dàng, nét mặt thường tươi vui thì tình cảm có xảy ra rạn nứt không? Sự cảm thông là điều rất quan trọng trong đời sống vợ chồng. Nếu như cả hai không có sự cảm thông mà luôn chỉ trích, phê bình lẫn nhau, sắc mặt luôn hiện vẻ giận dữ, thì đó là viên đá ngầm làm rạn nứt tình cảm. Người Thiên Thai có câu ngôn ngữ: "Tai thích nghe lời hay". Phê bình sẽ gây ác cảm cho đối phương, họ nghĩ rằng chúng ta xem thường, cười chê họ; do đó mà họ mĩa mai lại, hoặc tức quá hóa giận. Khi cả hai đều nổi giận, chẳng phải tự chuốc khổ cho sao? Nếu như bạn đời có sai lầm, khi chúng ta góp ý với họ phải tế nhị đừng nói thẳng, nên nhẹ nhàng trao đổi với nhau, đưa ra ý kiến thì họ mới khâm phục. Còn như bạn đời có ưu điểm thì mình phải tán thưởng và khen ngợi một cách chân thành. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, Phật dạy: "Người thường nói lời nhẹ nhàng, dịu dàng, nói lời người nghe thích thú, nói lời hay đi vào lòng người, nói lời tao nhã có phép tắc". Không được nói: "... lời

cộc cằn, lời mỉa mai, cố ý nói làm cho người khác tức giận, lời nói như thiêu đốt lòng người, lời nói tự hại mình và người khác". Khi chúng ta muốn nói điều gì, lúc nào cũng phải suy nghĩ kỹ, điều đáng nói thì nói, điều không đáng nói thì im lặng.

Tu hành là sửa đổi hành vi. Nếu chúng ta quyết tâm tu hành thì điều trước tiên là phải sửa đổi từ lời nói thì mới có thể làm được "nói lời dịu dàng, nét mặt tươi vui". Đây là bước đầu, vợ chồng sống chung với nhau phải thường hâm nóng tình yêu.

Vợ chồng có lúc do sự thay đổi tâm lý hoặc sinh lý, nên tính tình thay đổi bất thường; hoặc do hoàn cảnh xảy ra những điều không hài lòng nên thể hiện lời nói, hành động sơ suất là chuyện bình thường. Nếu như cả hai không giữ được giới hạnh Đức Phật dạy thì cho dù việc nhỏ mà không nhường nhịn nhau cũng dẫn đến tranh cãi, ai cũng muốn người khác làm theo ý mình thì sẽ dễ xảy ra đổ vỡ. Chúng ta làm cho bạn đời tức giận thì bản thân mình cũng không tránh khỏi bức bối; đây là hành động hại mình, hại người. Vì sao chúng ta làm việc ngu xuẩn như thế?

Nếu chúng ta muốn nhẫn nại thì phải tu tập. Khi chồng nổi giận cho dù vợ có lý do chính đáng cũng phải tạm thời nhường chồng, không nên tranh luận; bất đắc dĩ thì tạm lánh ra ngoài, đợi sau khi chồng bình tĩnh rồi, vợ mới dịu dàng nói cho chồng biết vợ nhường nhịn không phải là vì yếu thế khuất phục mà sự thật là muốn cho gia đình yên ổn, đây là nghệ thuật sống trong đời sống vợ chồng giữa cương với nhu.

Người vợ biết sống cảm thông, độ lượng chắc chắn sẽ làm cho chồng cảm động, chân lý "nhu thắng cương" chúng ta ứng dụng rất nhiều trong cuộc sống thường ngày. Lại nữa, khi gặp đối phương tức giận mắng chửi thì chúng ta nhớ đến lời Bồ-tát Thiên Thân dạy: "Có hai loại phê bác: một là thật; hai là không thật. Nếu đối phương nói đúng sự thật thì chúng ta phải biết hổ thẹn sửa đổi; còn đối phương nói không thật thì việc đó chẳng liên quan gì đến ta, giống như tiếng vang, như cơn gió thoảng qua, chẳng tổn hại gì; cho nên phải nhẫn". Chúng ta có thể làm được như thế thì không xảy ra bất hòa. Khi chúng ta thực hành nhẫn là có thể làm cho bạn đời giác ngộ, dễ dàng nhận sự cảm hóa của mình, thì nhất định gia đình được sống hạnh phúc an vui.

Đạo vợ chồng là xây dựng từ nền tảng tình yêu mới có sự gắn bó lâu dài. Người vợ phải biết giữ gìn tình cảm vợ chồng, nó có thể lực tiềm ẩn rất lớn. Cho nên muốn cho tình cảm gia đình hạnh phúc mặn nồng thì người phụ nữ thật sự chiếm một vị trí rất quan trọng. Trách nhiệm của người vợ không nhất thiết phải ra ngoài xã hội làm việc. Nếu như người chồng làm thu nhập thấp thì tất nhiên là muốn vợ có việc làm để phụ giúp kinh tế gia đình. Nhưng điều kiện trước tiên là không trở ngại việc nhà và chăm sóc con cái. Nếu người vợ chỉ



chú trọng việc kiếm tiền mà không quan tâm đến gia đình và chăm sóc con cái thì sẽ lợi bất cập hại. Sống trong hoàn cảnh đầy đủ vật chất, vợ chồng dễ dàng cư xử với nhau. Không may gặp hoàn cảnh khó khăn bị bức bách chuyện cơm, áo, gạo, tiền thì cả hai dễ trách móc với nhau, đặc biệt bản tính người phụ nữ hay than thở, cho nên dễ mắc phải sai lầm về lời nói và hành động, bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra chuyện. Tất nhiên vợ chồng là phải chia sẻ ngọt, nhưng cũng không được quên lúc cùng nhau chịu cay đắng, phải nhớ lời cổ đức dạy:

*"Nếu chẳng một phen sương thấm lạnh
Hoa mai đâu rực sắc hương thơm".*

Cuộc sống càng khó khăn thì chúng ta càng nỗ lực phấn đấu vươn lên làm cho gia đình càng ấm êm hạnh phúc. Vợ chồng từ cảnh cơ hàn phấn đấu làm cho tiền đồ xán lạn thì mới có ý nghĩa.

Có những người vợ tính tình ngang bướng, tự kiêu tự ngạo, ý mình con nhà giàu sang, quyền thế; hoặc có người cho mình xinh đẹp, khi gặp những chuyện trong gia đình có chút không vừa ý thì lớn tiếng la mắng, đánh đập con cái ầm ĩ. Những người vợ như thế là chưa có học qua gia giáo, là không hiểu đạo làm vợ. Người con gái khi về nhà chồng là phải đồng cam chịu khổ. Tại sao ý nhà mình giàu sang, quyền thế mà có thể kiêu

mạn? Đức Phật dạy phải khiêm tốn, chúng ta không thể không chú ý. Người phụ nữ nào tự cho mình xinh đẹp thì hãy nhớ lời Đức Phật dạy nàng Ngọc Nữ: "Người nữ không nên tự cho mình xinh đẹp đoan chánh, kẻ không vâng theo chồng thì không đoan chánh, tâm ngay hạnh chánh là người phụ nữ đoan chánh".

Nếu như gặp chồng không tin theo Phật pháp thì vợ phải khuyên nhủ chồng nghiên cứu Phật pháp, dẫn dắt chồng tin Phật, lại còn khuyến khích chồng học Phật. Người vợ dùng tình yêu chân thành của mình chắc chắn chồng sẽ làm theo; bởi vì, chồng chịu học Phật thì nhất định không có hành vi ngoại tình bên ngoài xã hội.

Còn nếu vợ không tin Phật thì chồng phải khuyên vợ tin theo. Vì khi vợ tin Phật có thể thay đổi tính ganh tỵ, tham, sân trở thành người vợ rộng lượng, dịu dàng, hiền thực. Chúng ta làm được như thế thì gia đình sẽ hạnh phúc vui hòa. Đức Phật dạy người đệ tử nữ: "Người nữ phải chung thủy với chồng, không được ngoại tình, không được xem thường chồng; khi chồng đi xa phải lo toan việc nhà chu đáo, không được thay lòng đổi dạ, bằng lòng cuộc sống sướng khổ hiện tại, hết dạ chung tình với chồng, giữ trọn đạo làm vợ, không chuộng vật chất". Người vợ nào làm đúng lời Phật dạy, thật có phúc cho người chồng. ■



Thất bại

MINH NIÊM

Nếu thấy mình vẫn chưa đủ vững vàng thì đừng vội mong cầu thành công, hãy vui vẻ sống những ngày tháng “chưa thành công” như đón nhận cơ hội để đào luyện sức chịu đựng và chuyển hóa tâm tính của mình.

Ai cũng sợ thất bại

Theo ý nghĩa của mặt chữ thì thất bại là thua, là mất; cho nên, chẳng ai muốn mình là kẻ thất bại, nếu không

muốn nói là ai cũng sợ thất bại. Sự thất bại có thể làm thui chột niềm tin và hy vọng nơi một con người. Tuy nhiên, tùy theo quan niệm sống mà mỗi người sẽ có những phản ứng khác nhau trước sự thất bại của mình; từ đó, có người nhờ thất bại mà gặt hái những thành công lớn hơn, nhưng cũng có những người vì thất bại mà buông xuôi khiến cuộc đời chìm trong nỗi khổ niềm đau.

Có những người chưa quen thất bại, hoặc chưa bao giờ chịu đựng một sự thất bại mà người ấy cảm thấy là



quá nặng nề, sẽ sinh ra lúng túng rồi vội vàng bám víu hết đối tượng này đến đối tượng khác. Một người vừa mất việc thì kiếm ngay việc khác để làm; một người lỡ tay làm hư một tác phẩm kỳ công thì vội vàng bắt tay vào thực hiện một tác phẩm mới; một người vừa bị phụ tình thì mau chóng truy cầu đối tượng khác để được thương yêu. Tiếc rằng những gì ta cố bám víu trong khi đang chịu đựng những cảm xúc tiêu cực của sự thất bại lại đều là sự lẩn tránh đáng tiếc. Sự thật là ta chỉ tìm cách xoa dịu và khóa lấp sự tổn thương của mình, hoặc cố gắng khẳng định giá trị của mình chứ không phải ta đang có sự đầu tư đúng đắn. Bi kịch luôn luôn xảy ra trong những lần cảm xúc bùng vỡ như thế, bởi sự lựa chọn ấy không hề có sự soi sáng của lý trí.

Không ít người vì thất bại bên ngoài nên đã đi “tìm lại cái tôi” ngay nơi con đường tâm linh. Đáng lẽ những phương pháp thực tập chuyển hóa có thể giúp ta chữa trị và hồi phục rất nhanh chóng, nhưng khi vết thương chưa kịp lành thì ta lại vội đặt cho mình những mục tiêu chuyển hóa to tát sớm phải đạt được. Ta lầm tưởng đó là thái độ quyết tâm hướng thượng, nhưng thực chất là ta đang củng cố cái tôi yếu đuối của mình. Ta phải làm một điều gì đó để thấy được sự tồn tại của mình. Trong tình trạng năng lượng cạn kiệt mà ta lại đặt thêm một

tham vọng mới, dù tham vọng ấy được coi là chính đáng, thì thân tâm ta lấy sức đâu để tiếp tục tranh đấu. Và càng cố gắng quyết liệt thì ta càng đốt sạch năng lượng và sẽ thất bại một cách thảm hại. Cũng như cục tuyết lăn từ trên đỉnh núi xuống thường bám chặt vào tuyết trên suốt đoạn đường, nên khi xuống tới chân núi nó trở thành quả cầu tuyết khổng lồ và sức tàn phá của nó rất ghê gớm. Đó là *hiệu ứng quả cầu tuyết*.

Chỉ là chưa thành công

Ta nên biết rằng một sự thành công phải luôn hội tụ vô số điều kiện phù hợp với nó, và không phải lúc nào ta cũng chủ động nắm hết mọi điều kiện vì có thể chúng nằm ngoài tầm tay. Dù điều kiện quyết định sự thành công có khi nằm ngay trong ta và tưởng chừng rất dễ dàng nắm bắt, nhưng nếu thiếu kinh nghiệm và sáng suốt thì ta cũng không biết phải thêm bớt như thế nào để đủ điều kiện cho nó. Đây cũng là lẽ đương nhiên. Bởi nếu ai cũng nắm được mọi bí quyết đưa tới sự thành công thì con người đã không còn là con người và thế gian này đã biến thành cõi thiên đường mất rồi. Như vậy, khi sự việc bất thành thì ta cần phải hiểu rằng những điều kiện đưa tới sự thành công chỉ là chưa hợp lý, có thể dư có thể thiếu, chứ không hẳn là hoàn toàn trống rỗng hay vô nghĩa.

Chữ “thất bại” có thể khiến ta hiểu lầm là ta không được gì cả, trong khi những gì ta đã tạo dựng nên vẫn còn đó chứ có mất đâu. Những kỹ năng tập luyện, những kinh nghiệm và kiến thức tích lũy, cũng như những yếu tố thuận lợi bên ngoài mà ta đã cất công gom lại sẽ được sử dụng một cách xứng đáng trong những công trình kế tiếp. Cho nên khi thành công ta phải hiểu rằng sự thành công này đang đứng trên vai của bao thất bại trong quá khứ. Đó chính là ý nghĩa của câu nói mà ai cũng nằm lòng *“Thất bại là mẹ của thành công”*. Không có sự thành công vững bền nào mà không được làm ra từ những thất bại nho nhỏ ban đầu. Vì vậy từ bây giờ ta nên tập gọi là “chưa thành công” thay vì gọi là thất bại. Cách gọi này sẽ giúp ta không dễ dàng suy sụp tinh thần vì ta ý thức rằng cơ hội vẫn chưa chấm dứt, thua keo này ta vẫn có thể bày keo khác. Bởi không bao giờ có sự tách biệt tuyệt đối giữa cái trước và cái sau.

Thật ra, thất bại là một phần rất quan trọng của cuộc sống. Bởi khi thất bại ta sẽ thu mình lại. Mặc dù bị cảm giác rất khó chịu đè nặng, nhưng đó là cơ hội để ta nhìn lại mình rõ hơn. Ít nhất là tính tự hào, háo thắng hay chủ quan trong ta cũng rơi rụng bớt. Đó là lý do mà những người có nhiều kinh nghiệm luôn rất lo lắng khi thấy những người trẻ gặt hái thành công quá dễ dàng, nhất là sự thành công ấy chủ yếu dựa vào sự may mắn. Họ chưa nếm trải cảm giác khó chịu khi thất bại, cái tôi của họ chưa từng bị bấm dập trong những giai đoạn khốn cùng mà không biết cách xoay xở, và họ cũng chưa kịp kết nối với những phẩm chất quý giá trong tâm hồn như đức từ ái hay tính khiêm cung để tạo ra thế cân đối vững chãi, thì thành công lớn có thể trở thành tai họa cho chính cuộc đời họ và cả mọi người chung quanh. Ta đã từng chứng kiến rất nhiều người trẻ có những thành công vang dội, nhưng sự nghiệp của họ lại mau chóng lụi tàn. Đến mức họ không còn dám ngửa mặt nhìn đời, phải ẩn mình mãi mãi, hay chọn sự kết thúc thật đen tối.

Thực ra, bản năng sinh tồn của con người vốn rất vĩ đại, chỉ khi nào phải đối đầu với những lần thất bại sâu cay thì nguồn lực ấy mới hiện ra một cách trọn vẹn. Đó chính là lúc con người trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Cho nên ta đừng sợ thất bại. Nếu thấy mình vẫn chưa đủ vững vàng thì đừng vội mong cầu thành công, hãy vui vẻ sống những ngày tháng “chưa thành công” như đón nhận cơ hội để đào luyện sức chịu đựng và chuyển hóa tâm tính của mình. Chính vì thế người tài trí thường hay từ khước những điều kiện thuận lợi mà tìm tới những hoàn cảnh khắc nghiệt để phát huy hết năng lực tiềm ẩn. Họ xem nhẹ những thành công chỉ mang lại cảm giác thỏa mãn đơn điệu để chọn cái to tát hơn chính là chiến thắng những bóng tối phiền não trong chính họ. Đó mới là sự thành công đích thực.

Mỉm cười với thất bại

Khi đón nhận sự thất bại, điều mà ta nên làm và cũng khó làm nhất đó chính là nhìn lại phản ứng của mình. Ta phải ghi nhận cái gì đang biểu hiện trong dòng cảm xúc hay tâm thức của mình mà không dùng ý chí để đàn áp hay phủ nhận nó. Cần nắm rõ hiện trạng tâm lý để ta đánh giá chính xác nội lực của mình mà quyết định hứng chịu một mình hay cần đến sự trợ giúp của người thân, thay vì ta cứ cố gắng che đậy để bảo vệ danh dự hay dựa dẫm vào những đối tượng khác để xoa dịu sự tổn thương. Để làm được những điều này ta cần phải có thói quen thường xuyên nhìn lại tâm mình trong mọi tình huống. Nhìn lại mình đã là một bước chuyển hóa đáng nể rồi, nhưng nếu có thể nhìn bằng thái độ không thành kiến thì cái nhìn ấy sẽ đạt tới mức thấu suốt bản chất của mọi vấn đề. Có thể ta sẽ thấy chính những phiền não trong ta mới là nguyên nhân dẫn đến sự thất bại, còn hoàn cảnh chỉ đóng vai trò phụ.

Tham vọng là phiền não mà ta thường phát hiện ra nhiều nhất trong những lần thất bại. Bởi ta luôn bị sự kích động quá lớn của tâm thức xã hội nên thấy ai có cái gì thì ta cũng muốn có cho bằng được, mà thực chất ta không biết rõ mình có cần nó hay không và mình có đủ khả năng để đạt được nó hay không. Tham vọng có thể khiến cho tâm tưởng nhồi nặn ra lòng tự tin một cách vô căn cứ. Và ta thường dễ bị năng lượng ham muốn thành công lấn áp, thay vì tìm kỹ trong kinh nghiệm và kiến thức tích lũy của mình có những chất liệu nào đóng góp nên sự thành công. Nếu chỉ có cái muốn mà ta đã vội vắt kiệt năng lượng ra để đầu tư thì đó là hành động rất non nớt, bị cảm xúc chi phối trầm trọng. Những lần phát hiện ra lòng tham của mình đang vận hành, ta nên nở nụ cười thật tươi để xác nhận rằng ta đã thấy rõ mặt mũi nó, nên nó không thể gạt gẫm ta được nữa. Ta sẽ giúp nó trở về với bản chất vô ngã của nó.

Chấp nhận được thất bại là tâm lý rất quan trọng để kéo ta lại gần với mọi người mọi loài, là điều kiện không thể thiếu trong tiến trình thuần phục và khiến cái tôi trở nên vững chãi. Vượt qua được tâm lý tổn thương và mặc cảm của cái tôi yếu đuối là ta đã vượt qua hơn một nửa nỗi khổ niềm đau vì thất bại. Thỉnh thoảng ta cũng nên tự hỏi mình có cần đeo bám mãi sự thành công hay không, nó có phải là điều kiện tiên quyết cho hạnh phúc của ta trong hiện tại không, để ta thu hồi lại những năng lượng tản mát vốn có thể tạo nên sự mạnh mẽ phi thường trong ta. Đừng bao giờ quên rằng sự thất bại dù lớn lao đến đâu cũng chỉ là một phần của cuộc sống, nó không thể làm phương hại tới những giá trị mẫu nhiệm mà ta đang nắm giữ trong tầm tay.

*Thành bại đã bao lần
Tuổi xuân trôi lặn lữa
Nụ cười trên môi chờ
Bao giờ cho nhau nữa? ■*

Nghĩ về KỸ NĂNG SỐNG

PHAN MINH ĐỨC

Kỹ năng sống" không phải là một khái niệm mới mẻ. Từ lâu ở các nước Âu, Mỹ đã có nhiều chương trình dạy về kỹ năng sống. Ở nước ta, khái niệm này vẫn còn xa lạ, và vấn đề dạy kỹ năng sống chỉ mới bắt đầu được quan tâm khi tình trạng văn hóa, đạo đức của thanh thiếu niên sa sút trầm trọng đến mức báo động và tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng.

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã đưa ra khái niệm về kỹ năng sống như là: "... năng lực cá nhân dùng để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày". Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) lại nêu một khái niệm khác có vẻ cụ thể hơn: "Kỹ năng sống là kỹ năng về giao tiếp để tương tác hiệu quả với người khác, là khả năng thích nghi và giải quyết có hiệu quả những vấn đề, tình huống trong cuộc sống bằng những hành vi tích cực". Còn theo Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) thì kỹ năng sống bao gồm kỹ năng nhận biết để sống với chính mình và kỹ năng nhận biết để sống với người khác.

Kỹ năng sống liên quan đến tri thức, đạo đức, phẩm chất tâm lý, và kinh nghiệm của từng cá nhân, được thể hiện bằng những hành vi giúp cá nhân có thể thích nghi và giải quyết có hiệu quả những vấn đề, tình huống, những yêu cầu và thách thức của cuộc sống, giúp cá nhân vận dụng kiến thức vào thực tế, biến nhận thức hiểu biết thành hành động cụ thể thiết thực một cách hiệu quả, tích cực.

Thật ra ở Việt Nam cũng như các nước có truyền thống Á Đông

khác, từ xưa đã có các khái niệm "Nghệ thuật sống", "Nghệ thuật giao tiếp ứng xử", "Thuật đối nhân xử thế", "Thuật đắc nhân tâm" v.v. Tuy từ ngữ, cách nói có khác nhau nhưng nội dung bao hàm những kỹ năng sống. Những kỹ năng sống này phần lớn dựa trên nền tảng đạo đức và kinh nghiệm giúp con người phát triển tư duy, nhận thức, trau dồi nhân cách, phẩm chất đạo đức, có kinh nghiệm trong quan hệ giao tiếp ứng xử, có khả năng đối phó với các tình huống trong cuộc sống. Người xưa cũng đã biết lồng ghép những giá trị sống, kỹ năng sống vào chương trình giáo dục, vào nội dung bài học. Ở đây, chúng ta không bàn về những hạn chế hay những chỗ thiếu sót, không còn phù hợp của phương pháp giáo dục và nội dung giáo dục của người xưa; vì tất nhiên, mỗi thời đại, con người có những kỹ năng sống khác nhau phù hợp với từng hoàn cảnh xã hội.

Trong thơ văn, trong kho tàng ca dao tục ngữ, trong các sách giáo khoa thư ngày xưa, những lời dạy, những bài học vỡ lòng đều nhằm mục đích giáo dục văn hóa, đạo đức, kinh nghiệm sống cho học sinh, cho người đọc. Về chủ đề gia đình, sách vở xưa đã chú trọng dạy con người về lòng biết ơn, lòng hiếu thảo, bổn phận làm con, cách ứng xử với ông bà cha mẹ, anh chị em, ví dụ như những câu: "Cùng cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Một lòng thờ mẹ kính cha, cho tròn chữ hiếu mới là đạo con",



"Mẹ già ở túp lều tranh, sớm thăm tối viếng mới đành dạ con", "Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi, già gạo cho trắng mà nuôi mẹ già", "Thức khuya dậy sớm cho cần, quạt nóng ấp lạnh giữ phần đạo con", "Làm con phải biết phận con, mến yêu cung kính mới tròn thảo ngay. Việc làm nặng nhẹ đỡ tay, khi sai khi bảo mặt mày hân hoan, lời thưa tiếng nói dịu dàng, cứng đầu, cứng cổ dọc ngang thì đừng"... Dạy anh chị em trong gia đình cư xử với nhau cho phải đạo: "Một giọt máu đào hơn ao nước lã", "Anh em như thể tay chân, bọc đùm lành rách, đỡ đần đỡ hay", "Kính trên, nhường dưới", "Chị ngã em nâng" v.v. Về chủ đề nhà trường, đối với các bậc mô phạm, các nhà giáo dục, học sinh được dạy rằng: "Trọng thầy mới được làm thầy", "Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy", "Muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con hay chữ phải yêu kính thầy", "Nào là những kẻ học trò, phải nghe thầy dạy mà lo sửa mình", "Tiên học lễ, hậu học văn" v.v. Sách cổ cũng không quên những lời dạy khuyên về học tập, rèn luyện, trau dồi: "Học như áo gấm thêu hoa, có văn có chất mới ra con người", "Muốn biết phải hỏi, muốn giỏi phải học", "Học ăn, học nói, học gói, học mở", "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn", "Có chí thì nên", "Có công mài sắt, có ngày nên kim", "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"...; hay những lời dạy về cách giao tiếp ứng xử, đối nhân xử thế: "Kính trên, nhường dưới", "Đi đến nơi, về đến chốn", "Đi thưa về trình", "Gọi dạ, bảo vâng", "Ăn coi nổi, ngồi coi hướng", "Lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau", "Nói lời phải giữ lấy lời, đừng như con bướm đậu rồi lại bay", "Nói chín thì phải làm mười, nói mười làm chín kẻ cười người chê", "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây", "No mất ngon, giận mất khôn", "Thấy người hoạn nạn thì thương, thấy người tàn tật lại càng trông nom. Thấy người già yếu ốm mòn, thuốc thang cứu giúp, cháo cơm đỡ đần..." Dạy về đạo đức, thái độ sống, cách sống ở đời: "Giấy rách phải giữ lấy lề", "Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài", "Đói cho sạch, rách cho thơm", "Một lời nói dối, sám hối bảy ngày", "Càng gian, càng giáo ở đời, lại càng khôn đến nhiều tai ưu sầu. Dù cho giàu có đến đâu, cũng như nước dốc qua hấu tràn đi" v.v.

Sách *Luân lý Giáo khoa thư lớp Đồng Ấu* ngày xưa gồm có ba phần: Phần thứ nhất nói về bốn phận của đứa trẻ trong gia đình, phần thứ hai nói về bốn phận của đứa trẻ ở nhà trường, phần thứ ba nói về cách giao tiếp ứng xử, nêu ra những tính tốt mà đứa trẻ cần nên học tập, rèn luyện, trau dồi và những tính xấu mà đứa trẻ cần phải tránh. Hầu hết các bài học đều có đưa ra những trường hợp điển hình, những câu chuyện mang tính hướng ứng xử minh họa cho bài

học. Xin nêu một số bài tiêu biểu: 1. Kính trọng cha mẹ; 2. Yêu mến cha mẹ; 3. Vâng lời cha mẹ; 4. Biết ơn cha mẹ; 5. Giúp đỡ cha mẹ; 6. Phải thật thà với cha mẹ; 7. Anh em như thể tay chân; 8. Đối với ông bà; 9. Người quen thuộc với nhà mình; 10. Một nhà sum họp; 11. Một nhà hòa hợp; 12. Trường học; 13. Phải yêu mến thầy; 14. Phải tôn kính thầy; 15. Phải vâng lời thầy; 16. Phải biết ơn thầy; 17. Phải thật thà với thầy; 18. Chuyên cần; 19. Đi học phải đúng giờ; 20. Lòng tốt đối với bạn; 21. Bênh vực kẻ yếu; 22. Giúp đỡ lẫn nhau; 23. Nghĩa hợp quần; 24. Chọn bạn mà chơi; 25. Phải sạch sẽ; 26. Có thú tự; 27. Phải làm việc; 28. Phải chăm học; 29. Không có ý tà; 30. Tính ương ngạnh; 31. Tính khoe khoang và hợm mình; 32. Tính nói dối; 33. Tính nói xấu; 34. Tính mách lẻo; 35. Tính ghen tị; 36. Tính tức giận; 37. Tính hung bạo;...

Truyền thống văn hóa, đạo đức của người Việt Nam đã có từ lâu đời, nhưng trong thời đại mở cửa và trong thời đại hội nhập, chúng ta mãi lo phát triển kinh tế, mãi lo làm giàu mà quên đi việc phát huy những giá trị tinh thần vốn là nền tảng vững bền cho xã hội. Con em chúng ta chỉ học vẹt qua loa về những giá trị văn hóa, đạo đức, những kỹ năng sống mà thiếu vận dụng thực tế. Chúng ta không nghĩ rằng, không ai yêu quê hương đất nước của mình nếu như họ không yêu gia đình mình, là nơi họ sinh ra, nếu như họ không có lòng biết ơn đối với những người đã tạo ra mình là ông bà cha mẹ, những người đã dạy dỗ mình nên người là thầy cô giáo. Không biết yêu những người thân của mình thì làm sao yêu tha nhân, nhân loại; Không có tình yêu đối với con người, đối với quê hương, đất nước thì làm gì biết phục vụ, hy sinh, cống hiến. Nếu ai cũng chỉ biết sống vì mình, sống ích kỷ thì xã hội sẽ ra sao? Đó là lý do tại sao nói những giá trị văn hóa, đạo đức là nền tảng vững bền của xã hội.

Hiện nay xã hội đang quan tâm đến việc giáo dục những giá trị sống và kỹ năng sống cho giới trẻ cũng chính là tìm lại những giá trị văn hóa, đạo đức vốn có mà từ lâu bị quên lãng.

Có nhận thức tốt về các giá trị sống, sống có mục đích, lý tưởng, có khả năng xây dựng đời sống cá nhân, xây dựng đời sống xã hội mới thật sự là người hữu ích, làm cho phẩm chất cuộc sống mỗi ngày được nâng cao, xã hội ngày càng phát triển. ■

Ngoại ơi!

HỒ THU

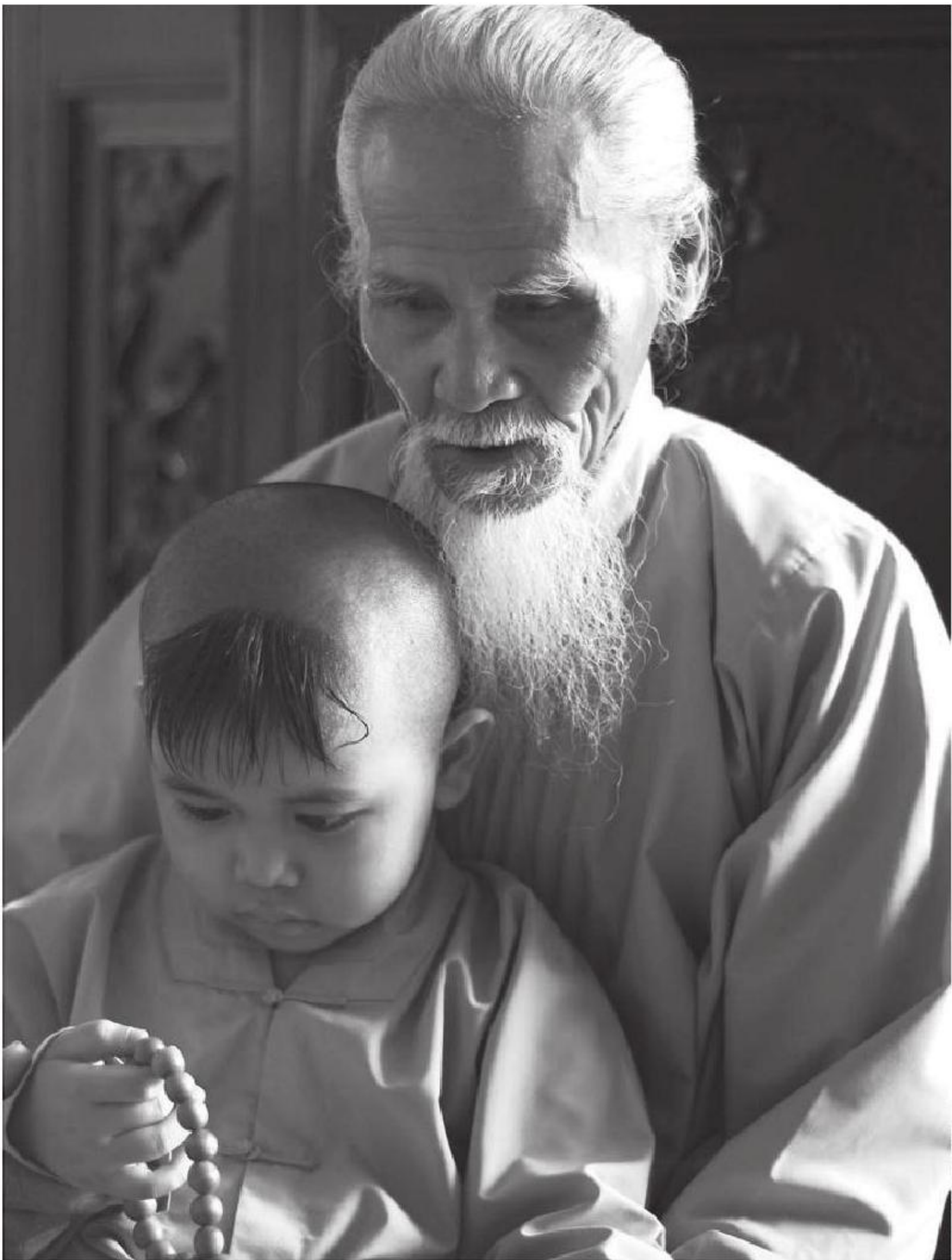
C hieu nay 30 Tết, ngồi bên nồi bánh tét sôi sùng sục và nghi ngút khói, tôi nhớ ngoại quá chừng. Nhớ năm nào ngoại tự tay vớt những cái bánh tét thơm nồng mùi nếp mới, mùi lá chuối xanh mượt và tất bật cùng với con cháu chuẩn bị làm mâm cơm cúng cuối năm họp mặt gia đình. Nhớ ngoại trang hoàng cẩn thận trên bàn thờ ông bà tổ tiên nào bình hoa, mâm ngũ quả, bánh mứt và hương khói trang nghiêm...

Thuở nhỏ tôi ở với ông bà ngoại vì nhà tôi đông anh em mà nhà ngoại không có ai. Mấy dì lấy chồng đều ra ở riêng; ông bà chỉ có duy nhất cậu út mà cậu cũng “hành phương Nam” làm ăn nên nhà cửa vắng hoe. Ngoài một buổi học ở trường làng, suốt ngày tôi chỉ tha thẩn quanh sân quanh vườn, khi thì lượm mấy lá trầu vàng cho bà ngoại, khi thì nhổ cỏ vườn rau với ông ngoại... Thời thơ ấu cứ tung tăng vô tư chạy nhảy chân sáo; Tết đến chạy vụt qua nhà mình mặc áo quần đẹp ngắm nghía chơi đùa với mấy đứa em một lúc rồi lại cũng chạy sang nhà ngoại. Cứ thế mà mỗi khi Tết đến xuân về tôi lại nhớ ngoại đến nao lòng. Nhớ nhất là những đêm giao thừa, ngoại lần giờ quyển vở cất riêng cho tôi rồi viết vào đó mấy lời cầu chúc mà ngoại bảo là “khai bút đầu năm”. Trong tâm trí tôi lúc đó, có cái gì linh thiêng lắm qua lời kể của ngoại và có cái gì tinh nghịch như trò chơi con trẻ ngoại dành cho tôi... Đến tận sau này khi đã lớn, đi học xa nhà rồi đi làm, tôi vẫn gìn giữ nguyên vẹn quyển vở đơn sơ dạo nào của ngoại và xem đó như là “báu vật” của riêng mình.

Ngoại bảo ngày trước cực khổ, ngoại có được đi học đâu. Ngoại đi giữ trâu rồi lên học lóm chúng bạn mấy chữ a, b, c... Mãi rồi cũng biết viết. Chỉ tập viết bằng ngón lau trắng trên bãi cát ven sông mà cũng quen, và ngoại viết chữ đẹp lắm. Không đến trường đến lớp nhưng ngoại đọc thuộc lòng không biết bao nhiêu câu ca dao, hò, vè. Tuổi thơ của tôi suốt ngày cứ líu ríu bên ngoại. Ngoại kê cho tôi chiếc bàn nhỏ ngay bên cửa sổ nhìn ra vườn rau xanh um; đọc bờ rào, ngoại trồng một hàng dừa thẳng tắp. Ngồi trên bàn viết này, tôi được hưởng làn gió mát rượi và tiếng chim hót véo von, thích lắm. Ngoài hiên nhà, ngoại đặt một chiếc chõng tre cũ kỹ để ngồi uống trà với

mấy người hàng xóm. Có lúc tôi nằm bên ngoại, lặng lẽ nghe ngoại kể chuyện hay đọc sách rồi không biết giấc ngủ đến từ bao giờ trong làn hương thơm dịu mát của cây cối quanh vườn. Ngoại bảo sách là người bạn suốt đời đối với những ai suốt đời tự học; vì thế, con phải biết quý sách và thường đọc sách. Như ngoại tự học và tự đọc rồi thành quen, không thì thấy thiếu thiếu một cái gì đó bứt rứt lắm. Những lúc hai ông cháu ra vườn bắt sâu hay chăm tía luống cải, luống ngô, ngoại lại thủ thỉ trò chuyện với tôi như thế.

Tết đến xuân sang, ngoại nhiều việc lắm. Lúc nào cũng thấy ngoại bận tay chăm lại chậu cây kiểng, vun gốc cả vạt hoa vạn thọ trước sân, sửa sang trang hoàng lại ngôi nhà cho tươi tắn hơn... Chưa xong trong nhà, ngoại tất tả sang nhà thờ tộc, ngôi miếu làng... Ngoại bảo, vào dịp Tết cái gì cũng phải gọn ghẽ, khang trang, nhất là nơi thờ tự ông bà tổ tiên. Thấm thoát đã đến chiều ba mươi, nhưng ông ngoại đã chuẩn bị đầu vào đó cả rồi. Đúng giây phút giao thừa, việc trước tiên là ngoại thắp nén nhang lên bàn thờ. Sau đó, trên chiếc bàn đặt giữa nhà, ngoại lấy tờ giấy hồng viết vào bốn chữ “Ngũ phúc lâm môn” bằng chữ Quốc ngữ cách điệu. Trong tư thế ung dung, thanh thản, từng nét chữ của ngoại dần dần hiện lên trên mặt giấy trong mùi nhang thơm phức tỏa khắp nhà. Tôi lặng lẽ nhìn ngoại viết từng nét một; trông mềm mại, thanh thoát làm sao. Rồi ngoại bảo tôi dán ngay trước cổng, nói rằng đây là lời cầu chúc cho gia đình mình năm tới có nhiều điều may mắn, hạnh phúc. Xong rồi, ngoại bảo tôi lấy một quyển vở, rồi ngoại viết vào đó những lời chúc cho riêng tôi. Tiếc rằng trong tâm trí của đứa trẻ ngây ngô của tôi lúc bấy giờ, tôi làm sao hiểu hết những thâm tình mà ngoại dành cho tôi. Ngoại xoa đầu tôi, mỉm cười, cái cười thật hiền hậu làm sao! Đêm khuya tĩnh mịch, đất trời vào xuân nghe như cỏ cây trở mình thay áo mới. Lạ thay, tôi không thể nào say ngủ như những đêm trước mà cứ thao thức về những dòng chữ ngoại viết, cả dòng chữ đã dán trước sân nhà và dòng chữ trong trang vở tôi đã cất cẩn thận. Rồi miên man ao ước trời sáng thật mau, để được mặc quần áo mới và được ngoại “lì xì” đầu tiên...



Ảnh: Chí Giác Thông

Bây giờ, ông bà ngoại đã đi xa. Ngôi nhà vẫn còn nguyên đó với gian thờ, chiếc bàn kê giữa nhà, chiếc chõng tre cũ kỹ ngoài hiên đã lên nước bóng loáng. Theo “sở nguyện”, ngoại và cậu út đã xây một ngôi nhà, chưa hẳn là từ đường, để hương khói ông bà tổ tiên, bên cạnh ngôi nhà để ở. Mỗi dịp Tết đến xuân về, con cháu lại tề tựu sum họp và thắp nén nhang thành kính. Với tôi, mỗi lần về đây, tôi như gặp lại tuổi thơ trong veo của mình, thấy như đang lắng từng tiếng

của ngoại kể chuyện hay đọc sách cho nghe, hay thấy đang cùng ngoại chăm chút cho cây cối trong vườn. Trước sân, cây mai tứ quý vẫn còn đó, hoa nở vàng rực. Tôi càng nhớ hơn những đêm giao thừa, nhớ ngoại mặc tấm áo dài lụa đen, đầu vấn khăn đen đứng vái trước bàn thờ ngan ngát khói hương trầm mặc, rồi khai bút đầu năm. Đọc lại những dòng chữ năm nào giao thừa ngoại dành cho tôi, nước mắt nhớ ngoại, thương ngoại cứ lẫn dài... ■



Dấu vân tay

NGUYỄN THỊ HẢI

Chuyến xe từ thủ đô Hà Nội đi Sơn La khởi hành lúc 10 giờ sáng hôm đó chở chừng ba mươi hành khách, cả người Kinh lẫn người Thượng. Người và hành lý trên xe xem chừng chật chội quá. Đã vậy, bác tài thỉnh thoảng lại đón thêm khách ở dọc đường. Lối giữa xe, khách cũng dần dần ngồi choán cả. May mà ngày lạnh giá nên không thấy bức bối, chỉ phải ráng chịu mùi hôi hám lưu cữu của chiếc xe và mùi áo quần, hành lý bừa bộn của khách tỏa ra. Đường dài, ngồi chen chúc với nhau một hồi dần dần cũng cảm thông, câu chuyện câu trò trao qua đổi lại, văn chuyện thì xoay trở lựa thể ngồi rồi lim dim ngủ. Từ lúc bước vào cung đường hướng lên miền Tây Bắc, con đường bỗng thu nhỏ lại, chạy quanh co giữa đồi núi chập chùng, dân cư thưa vắng. Chiếc xe thì cứ vồng lên vồng xuống một cách bồng bênh.

Tôi cầm sẵn cuốn sổ nhỏ ghi chú lộ trình. Căn cứ vào biển hiệu bên đường và cột cây số mà ghi vào sổ những chữ sơ sài: Hòa Bình, Quốc lộ 6, Xóm Kẽm, Lâm Sơn, Lương Sơn, Mộc Châu 130km, rượu cần, bánh sữa, trứng gà ta, nhà của người Mường, cỏ đốt sắp lớp phơi bên đường...

Xe dừng giữa chặng cho khách nghỉ ngơi. Tôi vào nhà vệ sinh của quán cơm rửa mặt mắt mờ rồi ra gọi

thức ăn. Tôi chỉ kêu một ly cà phê gói và ăn hai chiếc bánh gai, một quả trứng gà để sẵn trên bàn. Phần lớn những người khác thì ăn cơm hoặc phở. Ăn xong, tôi đi ra ngoài, đứng quan sát con đường chạy men theo dải núi. Và rồi tôi chợt nhận ra tiết trời thật đẹp, tuy giá rét nhưng sáng sủa, quang đãng. Trên những ngọn đồi phía xa, ánh nắng trắng xóa lan tỏa như khói. Vẻ đẹp miền núi khiến tôi ý thức một điều là tôi đã đi vào một vùng thời tiết khác. Vài tiếng đồng hồ trôi qua, tôi thực sự đã ra khỏi vùng trời mưa phùn âm u phong tỏa miền sông Hồng, nơi có mái nhà cha mẹ tôi.

Người ngồi cạnh tôi trông có vẻ bảnh bao lắm. Áo trắng chần chu như nhân viên công sở, cặp táp sang trọng đặt trên đùi; tất cả toát ra vẻ ung dung, đường hoàng. Thật đối nghịch với người đàn ông miền núi ngủ say ở hàng ghế giữa, cái đầu bù xù cứ lắc lư va qua va lại, bàn tay đen đúa bám riết lấy cái tay ghế.

Chiếc xe chạy rù rù như ru ngủ trên đường núi dài bất tận. Một lúc nhìn người xung quanh ngủ thiếp mà tôi ngỡ mình đang ở trong một căn phòng kỳ lạ. Căn phòng bé xíu chật ních người, lại toàn người lạ hươ hoắc, được thu gom lại từ nhiều nơi. Họ như trúng phép mê, đóng loạt ngủ im lìm, trong khi căn phòng cứ lao đi vùn vụt, ô cửa kính mở ra những khung cảnh



tươi đẹp, triển miên. Chẳng hiểu vì sao tôi lại thấy lòng lâng lâng ấm áp, thích thú nhẹ nhàng.

Chiếc xe dừng lại đột ngột để đón lên một người khách nữa. Bà khách mặc váy áo dân tộc Mường mà tôi nhìn thấy trên đoạn đường vừa qua. Bà xách theo một cái giỏ to đan bằng những sợi nhựa xanh đỏ pha màu, cái giỏ đeo sau lưng, nhìn giống người buồn chuyến. Bà tháo giỏ ngồi ngay lối cửa lên xuống duy nhất, hình dáng mập mạp, vừa ngồi xuống trượt lọt cùng với hành lý của mình là bà kêu ầm lên chạt này chạt nọ. Những người trên xe bèn châm chọc: “Chạt còn lên làm gì!”, “Thế thì xuống đi!”. Bà đáp lại bằng tiếng cười sảng khoái, tỉnh bơ, giọng Kinh Lơ Lớ: “Xuống liền đây mà! Quá giang mỗi đoạn thôi!”.

Không khí lạnh ùa vào xe lúc bà khách lên, sau đó người phụ xe kéo sầm cánh cửa rồi chiếc xe lại chạy đi, khí lạnh dần dần tan mất, ấm áp trở lại. Người đàn ông ngồi bên tôi đã tỉnh ngủ, anh ta đặt bàn tay lên chiếc cặp, và không ngần ngại ngó mặt sang tôi để nhìn ra bên ngoài. Rồi với cử chỉ đường đột không ngờ, anh ta thò tay qua người tôi để đẩy khít cái cánh cửa kính cho nó khỏi kêu lạch cạch. Tôi vừa tức giận vừa ngượng ngùng, không biết nói sao.

Thế rồi, tôi chợt phát hiện ba dấu vân tay anh ta vô

tình để lại trên cửa kính. Dấu vân tay thì có lạ lùng gì; vậy mà lúc đó tôi lại sửng sốt. Tôi kín đáo liếc sang. Anh ta vẫn thản nhiên như cũ, khuôn mặt có vẻ tự phụ quá.

Tôi hình dung ra điều gì vậy? Trong cõi đời mệnh mỏng này luôn xảy ra những tội lỗi kinh hoàng ở một nơi nào đó. Kẻ thủ ác in dấu vân tay lên những hành động khủng khiếp của anh ta, một cách lộ liễu hay do bất cẩn. Nếu may mắn đào thoát, kẻ đó lại sẽ hòa nhập, trà trộn vào cuộc sống. Kẻ đó có thể là bất cứ ai trong chúng ta. Đôi khi kẻ như vậy còn mang dáng vẻ ung dung, oai nghi hơn người nữa.

Ba dấu vân tay hiện ra trên nền kính trong, mãi không tan nhòa đi, như xoáy vào tôi cái trực cảm rợn rợn, bất an đó. Có lẽ từ ám ảnh này mà tôi nảy sinh mối ngờ vực về nội tâm của người ngồi cạnh. Bên trong hình dáng bảnh bao, tề chỉnh kia không biết có ẩn chứa những tâm tối, khuất tất gì không?

Nhưng rồi ba dấu vân tay như những cánh hoa mờ ảo cùng với hành trình phẳng lặng lần hồi giúp tôi lấy lại được cảm giác bình thường.

Trên chặng đường còn lại, bỗng dưng tôi và anh ta tiến triển thành đôi bạn. Con người đó tự nhiên cởi mở, hào hứng vì một nguyên cớ nào không rõ. Anh ta chỉ cho tôi những chiếc xe tải chạy ngược chiều chạt đầy những cành đào núi. Thời điểm đó là giữa tháng Chạp, sắp sửa đến Tết, hoa đào miền núi theo những chuyến xe ấy tập kết về Hà Nội. Thì ra anh ta là “thổ địa” vùng này, họ Quàng, dân tộc Thái ở Mộc Châu. Anh làm việc ở Trạm thông tin Dẫn đường bay Mộc Châu, thuộc Công ty Bảo đảm hoạt động bay miền Bắc, sân bay Nội Bài. Anh vừa về Hà Nội công tác ba ngày, giờ trở lên lại Mộc Châu. Anh nói với tôi về những đôi hoa mận trắng bên đường, về con đường thông suốt bây giờ so với con đường thời sinh viên anh đi về Hà Nội phải mất hai ngày. Những mẩu đối thoại giữa chúng tôi lưu lại trong tâm trí tôi dư vị dịu ngọt, là kỷ niệm đẹp của một chuyến đi.

Anh lưu lại địa chỉ, email và số phone trong cuốn sổ tay của tôi với lời hẹn sẽ giữ liên lạc. Và tôi cũng cho anh ta email, điện thoại của mình. Sau khi từ giả, anh nhảy xuống xe ở thị trấn Mộc Châu còn tôi đi tiếp đến thành phố Sơn La, rồi theo xe máy bạn tôi về thị trấn Thuận Châu.

Sau chuyến đi Tây Bắc hơn mười ngày, tôi về lại quê đón Tết. Một hôm mở email tôi nhận được lá thư chúc Tết của người bạn đồng hành hôm nào.

Thế nhưng, có một điều mà tôi phải thú nhận là dù đã xem anh ta như một người bạn nhưng tôi vẫn không quên được ám ảnh gợi ra từ ba dấu vân tay hôm đó. Dường như tôi bị mặc định rằng con người lưu lại ba dấu vân tay và người bạn quen biết về sau là hai người hoàn toàn khác biệt. Tôi không cách nào đồng nhất hai con người ấy làm một trong tâm tưởng mình. Nếu với người bạn kia, tôi đã trao tặng nụ cười khi từ biệt thì với con người trước đó, mỗi lần nhớ lại, tôi không khỏi thu mình lại trong nỗi ghê sợ mơ hồ. ■

Một buổi tối cuối tuần lợi lạc

CHU ĐÀNG GIANG



Ngày 18-12-2010, đã 18 giờ, dòng người rộn ràng đổ về tòa soạn Báo Giác Ngộ, số 85 đường Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP.HCM, vẫn không ngớt. Ngay ở tiền sảnh, vài thiếu nữ nhanh nhẹn hướng dẫn khách lên hội trường của tòa báo nằm ở lầu 1. Trước cửa hội trường, một chiếc bàn dài được sử dụng để làm chỗ khách tham dự đăng ký thông tin về mình, có ba bốn thiếu nữ lịch sự phục vụ. Quanh hành lang trước hội trường có trưng bày những quyển sách mang nội dung Phật học được in ấn sang và đẹp, là sản phẩm liên kết sản xuất giữa Công ty Cổ phần Sách Thái Hà với các Nhà xuất bản Tôn Giáo, Nhà xuất bản Phương Đông... Sau khi đăng ký thông tin, khách được mời vào hội trường tham dự buổi tọa đàm có chủ đề "Buông xả phiền não để an lạc từ tâm" do Thái Hà books mượn hội trường của Báo Giác Ngộ tổ chức.

Đây là buổi tọa đàm lần thứ bảy và cũng là buổi cuối cùng trong năm 2010, thuộc chương trình *Phật học ứng dụng* được Thái Hà books khởi xướng từ tháng 6; theo đó, mỗi ngày thứ Bảy giữa tháng, sẽ có những vị thông hiểu Phật pháp và nhiều kinh nghiệm sống chủ trì một buổi trò chuyện thân mật nhằm chia sẻ những hiểu biết về việc ứng dụng lời Phật trong đời sống với những người trẻ, các nhà trí thức trẻ, các doanh nhân đang muốn tìm một giải pháp tâm linh cho cuộc sống tất bật của mình. Các vị khách được mời chia sẻ kinh

nghiệm trong buổi tọa đàm lần này gồm thầy Nguyễn Thế Đăng và cư sĩ Trần Tuấn Mẫn. Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng đóng vai trò người dẫn dắt câu chuyện.

Thầy Nguyễn Thế Đăng là một vị tu sĩ đã thọ Đại giới từ 40 năm qua, hiện trụ trì chùa Phổ Quang ở An Phú Đông, quận 12, một ngôi chùa nhỏ nhắn nằm giữa một khu vườn rộng đầy tiếng chim hót đủ làm lòng người cảm thấy thanh tịnh. Giữ hạnh ẩn tu, thầy ít khi rời chùa, chỉ chuyên nghiên cứu về văn hóa Phật giáo, đã có nhiều tác phẩm được xuất bản, và là một cây bút chủ lực của tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*. Do một cơ duyên đặc biệt, thầy đã hoan hỷ nhận lời mời của Thái Hà books tham dự buổi tọa đàm trong vai trò diễn giả.

Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn vốn là nhà nghiên cứu và giảng dạy Phật học, hiện nay là Ủy viên Thường trực HĐTS GHPGVN, Phó Trưởng ban Văn hóa T.Ư GHPGVN, và là Phó Tổng Biên tập Thường trực kiêm Thư ký tòa soạn Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*. Giữa ông và TGD Thái Hà books đã có một mối giao tình dẫn xuất từ lòng mến mộ Phật pháp của Tiến sĩ Hùng.

Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng là Chủ tịch HĐQT kiêm TGD điều hành Thái Hà books, một công ty sách có định hướng xuất bản những tác phẩm giá trị giúp xây dựng tâm thức con người, trong đó, mảng sách Phật học rất được quan tâm. Ông Hùng là một doanh nhân thành đạt nhưng có lòng mến mộ Phật giáo một cách đặc biệt. Ông đã hướng dẫn cha mẹ mình bước vào tu tập theo Phật giáo (xem bài *Cha mẹ tôi học Phật trên VHPG số 92*), đã tham dự nhiều khóa tu trong ngoài nước, và đã xuất gia làm nhà sư trong 7 ngày. Do cảm nhận được pháp lạc khi dự các khóa tu mà ông Hùng muốn chia sẻ với đồng nghiệp, đồng bào, đặc biệt là các bạn trẻ và những người đang phải lo toan trong việc điều hành hoạt động kinh doanh; việc tổ chức chương trình Phật học ứng dụng là một trong những hoạt động nhằm cụ thể hóa ý định chia sẻ của ông. Từ tháng 6-2010, chương trình Phật học ứng dụng đã khởi động với những vị khách mời của mỗi tháng là các thầy Viên Minh, thầy Quang Định, Sư cô Tâm Tâm, thầy Giác Toàn, thầy Quang Thạnh, thầy Nhật Từ và thầy Trúc Thông Phổ. Để tổ chức được các buổi tọa đàm như trên, ông Hùng và các nhân viên của Thái Hà books thuộc văn phòng đại diện tại TP.HCM đã có nhiều công sức sắp xếp.

Đúng 18g30, đa số người tham dự đã an tọa trong hội trường; cũng tiếc là hội trường không đủ sức chứa



nên vẫn còn khá nhiều người phải đứng bên ngoài. Người xướng ngôn là một cô gái nhỏ nhắn, sau này được biết là cô Thanh Hương, phụ trách tiếp thị của VPĐD Thái Hà books và gần như là một chuyên viên dẫn chương trình của Thái Hà books trong mọi hoạt động của công ty, lễ phép mời các vị diễn giả lên bàn chủ tọa và giới thiệu sơ lược về từng người.

Do đã có sắp xếp từ trước, những người đến tham dự tọa đàm đều hiểu rõ nội dung cuộc trò chuyện; không những thế, đã có khoảng một trăm câu hỏi được các tham dự viên gửi về cho ban tổ chức. Về nội dung, thính chúng đã đưa ra những câu hỏi hết sức căn bản như phiền não là gì, làm thế nào phân biệt khổ với phiền não, an lạc là gì, các mức độ của an lạc và phiền não, người giàu và người nghèo ai phiền não hơn và ai an lạc hơn, làm thế nào ngăn chặn phiền não, thế nào là buông xả, buông xả khác với buông xuôi thế nào... Tùy theo nội dung câu hỏi, Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng khi thì mời thầy Nguyễn Thế Đăng trả lời, khi thì mời cư sĩ Trần Tuấn Mẫn trả lời. Cũng có những vị trong cử tọa tham gia chia sẻ kinh nghiệm của mình. Trong phần giải đáp, các diễn giả đã giải thích sâu về khổ đế, về kiết sử, về triển cái và nêu lên những phương pháp đối trị nhờ vào thực hành thiền định, bát chánh đạo, tứ vô lượng tâm, nhận thức được tính cách vô ngã của vạn pháp, hiểu được tánh Không của đời sống. Mặc dù nội dung hỏi đáp đầy tính chuyên môn, lời đáp sử dụng ngôn ngữ thông thường đôi lúc dí dỏm của các diễn giả đã làm cho không khí buổi tọa đàm hết sức nhẹ nhàng, thỉnh thoảng lại gây được những tràng cười sảng khoái của cử tọa. Đóng góp tích cực vào sự thành công của buổi nói chuyện chính là những nhận xét hóm hỉnh và đúng lúc của Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng. Buổi tọa đàm kéo dài tới ba tiếng đồng hồ nên đã có một khoảng nghỉ giải lao giữa giờ; những người tham dự được mời ra hành lang trước hội trường dùng nước, trái cây, và bánh ngọt. Một

điều đáng chú ý là suốt thời gian diễn ra buổi tọa đàm, ngay cả trong giờ giải lao, có thể nói cả cử tọa, ban tổ chức và các vị diễn giả đều thể hiện tinh thần luôn giữ gìn chánh niệm, vậy mà không khí vẫn cứ tươi vui.

Được biết trong số hơn hai trăm người đến tham dự buổi chia sẻ thân tình nói trên, đa phần là giới trí thức trẻ hoạt động trong lãnh vực kinh doanh; cũng có cả các nhà nghiên cứu, sinh viên, học sinh và một số người lớn tuổi. Đặc biệt là đã có những vị từ các tỉnh xa, như ở Vũng Tàu, hoặc xa hơn nữa, tận Bình Định, Hà Nội, nghe nói về buổi tọa đàm, đăng ký đến dự rồi sau đó lại vội vàng trở về tỉnh nhà, cho thấy hình thức sinh hoạt này đã đáp ứng được nhu cầu tâm linh của nhiều người. Đêm 18-12 là đêm có một trận cầu giữa Việt Nam và Malaysia tranh chung kết cúp Suzuki trên sân Mỹ Đình; trong lúc đông đảo đồng bào các giới đang chăm chú theo dõi trận cầu được truyền hình trực tiếp thì con số trên dưới hai trăm người có mặt trong buổi tọa đàm do Thái Hà books tổ chức rất có ý nghĩa; cho thấy Phật pháp thực sự có sức thu hút đối với những người có duyên.

Buổi tọa đàm kết thúc lúc 21g30. Cử tọa ra về trong niềm luyến tiếc. Ban tổ chức lặng lẽ thu xếp để rời trụ sở Báo Giác Ngộ sau cùng.

Giữa một thành phố luôn căng thẳng với các hoạt động sôi nổi, nhất là các sinh hoạt vui chơi hưởng thụ đến mức thác loạn, ngay giờ cao điểm của một hoạt động thể thao được đánh giá là hấp dẫn nhất hành tinh, đêm thứ Bảy 18-12-2010, tại tòa soạn Báo Giác Ngộ đã tỏa sáng một tinh thần sống đạo giữa nhiều người còn trẻ. Ước mong hình thức sinh hoạt như thế này được lan tỏa ở nhiều nơi, được tiếp nối mãi mãi, để nhạt dần những trần trờn thao thức về tình trạng băng hoại đạo đức của xã hội, để người với người nhìn nhau bằng chánh kiến, nghĩ về nhau bằng chánh tư duy, nuôi sống nhau bằng chánh mạng. Ước mong sao mọi buổi tối cuối tuần của mọi người đều là những buổi tối đầy lợi lạc. ■

Vô đề

TRẦN ĐĂNG HUY

Tiền lộ vô sở tri
quy lai điệp lạc đi
hoàng hôn một thời cửu
hức nhật đình thụ khuy.

Dịch:

Không đề

đường đi tít mù khơi
nẻo về lá rụng đầy
hoàng hôn tắt từ lâu
vùng đông nhú lùm cây.

Cái già của mẹ

Thời gian không làm ngơ
mắt hoài niệm run mờ
thân gầy theo dáng hạc
tóc sầu bạc lơ thơ.

Trắng

Thùng trắng trắng theo ta
rất gần cũng rất xa
khách làm bạn với bóng
nhịp nhàng từng sát-na.

Tri nhân

TRẦN THÁI HIỆP

Như cây cỏ ướt sương mềm
Rong chơi bỏ lại bên thềm dếp đôi
Sớm mai lững thững trên đồi
Chiều hôm lãnh đàng đến ngòi bên sông
Chim trời sải cánh mênh mông
Mưa rơi giọt nhỏ rủ lòng nhẹ tênh.

Thanh tịnh

P.N. THƯỜNG ĐOAN

ta lướt qua người quen
đời không còn có nhau
tiếng chuông chùa sau thanh tịnh
sóng cồn lên rơi vãi khắp cảnh sala

bãi cỏ xanh đầy những dấu chấm hỏi
cong vòng khói a di đà
chiều nay áo già lam nức nở khóc
xác bướm tiền kiếp
khô trên chuỗi bồ đề đạt ma

ta nhờ khói hương người hành hương
tạnh lòng giấy lát
mượn mùi hoa huệ trắng
lấp lờn tham sân si
vay một lời sám hối

ta đi ngược người không lạ
cay gừ một ngọn khói cò
mà đau ảo vàng hoa
ta đi nhanh qua người
dĩ bàn chân lên vết thương không đối trá
dưới hồ kia bao nhiêu rêu không màu?
mà tiếng chuông chùa
kết xâu hai hàng thủy tinh.

Một ngày

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Em hái những cành hoa buổi sáng
trong vườn sương ngàn mắt long lanh
rồi cắm vào một thân cây đồ gãy.
Hoa sẽ tàn và cây sống lại.

Em chúc lành những giọt nước xanh
nơi màu sen – giấc mơ ánh sáng.
Mây sẽ nhuộm thêm hồng tình yêu ấy
và gửi thắm hơi gió bay xa.

Em thấp ngọn đèn trong bóng chiều hôm
nghe lao xao tiếng nói những linh hồn.
Cuộc sinh từ khóc cười không tiếng
mùa ngậm ngùi nở đóa vô ưu.

Thỉnh chuông khuya

ĐÀO PHƯỚC GIAO

Trăng nghiêng
song cửa tỏ mờ
Người ngồi
thinh tiếng chuông...
thơ hút hồn
Thơ bay
qua...
nỗi cô đơn
Xua niềm tục lụy
manh mong
nào phiền
Âm kinh
Vang vọng cửa thiền
Chạm vào
bao nẻo
Hiện tiền trở hoa
Niềm vui thấm thấu bao la
Đi vào cõi lặng an hòa nghiệp thân
Trăm luân mấy kiếp trăm luân?
Bây chừ hiển hiện, nguyệt rằm nguyên trăng.

Về chùa

NGUYỄN TƯỜNG HOÀI

Nợ cha,
Như núi như sông.
Nợ mẹ
Câu hát bẽnh bông ca dao.
Hát ru nôi vồng thươ nào
Theo ta đi suốt
Bê dâu trắng trâm.
Nợ vợ
Đã mấy mươi năm
Đắng cay mặn ngọt
Mưa dầm nắng xiêu.
Nợ con đứa ít đứa nhiều.
Cơm rau đạm bạc
Hắt hiu qua ngày.
Nợ đời vay trả trả vay
Nợ cô cái chữ
Nợ thầy cái tâm.
Nợ hoài
Nợ suốt trăm năm
Về chùa
Voi bớt nợ nần thế gian.

Cuối năm

DẠ TỊNH

cuối năm gió thổi ven đường
thương con sông chở vui buồn tuổi tôi
đò xa trắng lặn lâu rồi
người đi bỏ lại tiếng cười quạnh hiu

em về soi bóng cô liêu
tóc sương khói nhuộm mây chiều thu xưa
cuối năm trời rắc cơn mưa
quay lưng ngắt sợi nắng mùa giêng hai

tôi về sắp sửa bàn tay
loay hoay năm ngón ngón dài miên man
tìm nhau bên chén rượu tàn
hỏi vu vơ chuyện đã tràng đầu đầu

bồng trăm một thuở yêu nhau
lênh đênh khúc hát qua cầu đánh rơi
áo com chan với bụi đời
môi khô cổ thấm miệng cười với xuân.

Cặp đá “Trống Mái”

NGUYỄN VĂN HOAN

Ông gạt chân chống nghiêng của chiếc Honda 82, móc mũ bảo hiểm vào cần gương, khóa xe cẩn thận rồi len lỏi qua cả “thế giới đá”, tiến sâu vào bên trong lán. Một bàn nước đã chiến kê gắn sát một túp lều tạm. Vách lều ghép bằng ván bìa bấp, gỗ cốp pha tuếnh toàng. Cảnh bẽ bộn công trường thật phù hợp với sở thích của những khách giang hồ. Hiệp vội bỏ việc đẩy, giục người thợ bạn dừng tay mời khách. Hòa nhanh nhẩu tiến đến bàn nước, vừa rót nước, vừa đơn đá:



- Mấy hòn đá da báo đẹp quá, bác...

Hiệp nhanh tay đỡ lấy ấm nước, ngăn lại:

- Thôi đưa đây! Cô vào nhà mà ngồi đi.

Ba chén chè bốc hơi nghi ngút, tỏa hương thơm lừng. Hiệp say sưa giới thiệu:

- Hòn "Vọng phu" kia là đá xanh Lạng Sơn chính cống đấy. Nghe thằng bạn em vừa mách, em đánh xe đi ngay. Chỉ chậm một tiếng nữa là mất toi với thằng Đoàn ở Hải Phòng. Còn hòn "Anh hùng tương ngộ" kia là đá Hòa Bình... Bác xem hòn "Xà điều tranh hùng" có dư dôi không?

Ông khách gật gật đầu, lơ đãng nghe, đảo mắt bao quát toàn bộ khu nhà. Nhìn sát con đường mới mở, mảnh đất này đã rũ bùn từ già cuộc đời nông nghiệp của mình, đầu thai làm đất đô thị. Một đại gia nào đó mua để đấy chờ thời. Vài cây chuối, vài cây na được chủ cũ trồng vội để "làm công tác giải phóng mặt bằng" nay còn sót lại như những kẻ sống thừa bên cạnh cái tương lai rực rỡ của nghề đá cảnh. Chúng chẳng có tiền đồ nên sớm trở thành hoang dại. Lá na vàng rơi đầy mặt đất. Lá chuối khô đánh đu vào những thân cây xiêu vẹo xào xạc trước gió đông. Trong lán xếp đầy những tác phẩm đá cảnh đủ loại: Núi non bộ mini, con giống, đá nguyên gốc, đá cuội... Trong cùng là túp lều khiêm tốn nép ở góc lán. Hẳn đây là tổ ấm của cặp vợ chồng có tên là Hiệp-Hòa đến thuê mảnh đất này làm kinh tế. Nếu xếp vào tài sản thì túp lều chỉ là cái rơm mục dưới chân một biệt thự; nhưng để sống với nhau, nó lại là một thiên đường. Sau những giờ làm việc mệt mỏi, người chồng vào trong ấy, nhấp một ly rượu, và vài bát cơm chan với canh cua còn thơm hơi tay người vợ. Rồi những đêm trăng, trong cái không gian thanh vắng này, họ nằm trong ấy, vừa ngủ vừa trông nhà. Đời thật là hạnh phúc. Nghĩ mà thêm.

Cái kiểu phớt đời của ông khách y hệt phong cách của một đại gia nên người thợ bạn bồi thêm:

- Hôm nọ, chúng em có hòn "Tinh mẫu tử" định để chơi, thế mà thằng bạn nó cứ vật nài đòi lấy rồi nó vút cho năm triệu.

Đến đây, ông khách từ bỏ luồng suy tưởng của mình, trở về với đồng đá rậm cối ở ngoài sát đường. Lúc này, chính nó đã hút mắt ông, khiến ông vội dừng xe lại:

- Cho tớ chọn một hòn ở đồng đá rậm cối ngoài kia, được hòn nào tính tiền hòn đấy. "Xong" chưa?

Hai ông chủ chưng hửng, trả lời nhạt thếch:

- Vâng! Mời ông bác.

Ánh mắt của họ đuổi theo ông khách ra tận đồng đá rậm, rồi người thợ bạn bảo:

- Đi xe 82, tiến đầu mà chào mua những tác phẩm này cho mất thì giờ.

- Thế mà cũng đòi chơi đá. Trong nhà ấy hẳn là xếp toàn loại đá rải đường không xong.

- Cũng là một thứ hâm hấp.

Cả hai cùng cười khoái chí. Cười cho bỏ tức vì đã

gặp phải một đại gia rởm.

- Biết đâu đấy! Lão vợ được một cục đem về lòe người khác lại kiếm bạc triệu. Trông người khờ lắm.

- Đã thế, tí nữa thét thật đất cho biết tay.

* * *

Ngồi ở trong lều, Hòa nghe họ bình phẩm về ông khách mà ái ngại cho ông. Cô nhìn qua khe vách, nhìn ông đang hì hục chọn đá. Ông ngồi xổm, nhấc từng hòn từ bên này sang bên kia, cần cù như một công nhân làm đường; thỉnh thoảng lại giơ một hòn lên ngắm nghía. Lúc thì gò lưng bẻ, lúc lại soài trên đồng đá như sắp vỡ được một báu vật. Có lúc ông ngồi thừ ra, lắc đầu chán nản. Rồi ông hăm hở đứng lên ngó góc này, dòm góc kia, cúi xuống như nghiên cứu, ngẩng lên như tư duy. Sau hơn một giờ đồng hồ, ông duỗi tay, lắc đầu thất vọng. Trông ông thật là tội nghiệp. Khi ấy cô mong rằng ông đi luôn đi, đừng trở vào đây. Về tiểu tụy của ông sẽ làm để tài cho bọn này xỏ xiên ông. Ông sẽ đại mặt với chúng. Nhưng không! Ông đứng một lúc tần ngần nhìn đồng đá lần cuối rồi cúi xuống nhặt một hòn đem vào chỗ bàn nước. Hai người thợ đá chẳng buồn đứng dậy tiếp ông nữa. Nâng chén nước lên, ông lại đặt xuống, ngắm nghía hòn đá, nói với chủ nhà:

- Tiếc quá! Hòn này đáng rất đẹp, rất có hồn, đường bệ mà khiêm nhường. Thần tình là mấy đường sọc này đây. Người tài hoa đến đâu cũng không thể kẻ được những đường nét kỳ diệu như thế. Chúng tôn hần đáng vẻ của hòn đá lên. Tiếc là cái mẫu này lại bị sút, đành vút đi. Cụt ngọn rồi, chơi làm sao được nữa!

Ông ngồi thừ ra. Một sự mất mát không bao giờ chuộc lại được. Lát sau, ông lên giọng trách móc:

- Các chú đồ ào ào từ xe ben xuống chứ gì!

- Thì ông bác bảo còn làm thế nào?

- Tớ tưởng làm nghề này, các chú phải biết tiếc của chứ. Phải qua nhiều triệu năm, thiên nhiên mới mài rửa được hòn đá này đây.

Ông thận trọng đặt viên đá vào cạnh chân bàn. Hai người thợ đá bật cười, giọng pha chút mỉa mai:

- Đáng gì đâu ông bác! Loại đá rải đường ấy mà.

Ông đau xót lặng đi. Lát sau, tự nhiên ông phẫn chấn hẳn lên:

- Loại đá này các chú mua ở đâu thế?

Cả hai người gần như đồng thanh:

- Ông bác ơi! Xa lắm.

Giọng ông vừa khản khoản vừa thất vọng:

- Quanh chùa Cao ở Mỹ Đức cũng có loại đá này. Năm kia tớ mất gần hai giờ tìm kiếm mà không được. Cả bọn lên đấy chơi, chúng nó thì ngồi hóng mát, còn mình thì toát cả mồ hôi. Gay thật! Đúng là tìm kim đáy biển!

Đến đây thì tính tò mò của hai người thợ đá bị kích thích:

- Ông bác cần hòn đá như thế nào?

- Chỉ to hơn bàn tay này thôi. Tựa tựa như cái tam giác nhưng để phải thuôn thuôn hình côn. Cái hòn

đục trong cặp trống mái ở Vịnh Hạ Long ấy mà.

* * *

Nghe đến đây, ở trong lều, Hòa sững người. Toàn thân cô nổi hết da gà.

* * *

Khi xuất ngũ khỏi thanh niên xung phong, tuổi xuân của Hòa đã hết nhưng nhan sắc vẫn còn nên cô chấp chới như người chết đuối sắp chìm. Cô cố ngoi lên bằng chút nhan sắc còn lại của mình. Có lẽ đời cô có duyên nợ với đá. Chẳng thế mà, cả thời trẻ trung, cô vui buồn cùng đất đá. Đến lúc tuổi xuân đã xé chiếu, cô lại ngồi bên một người đã có hai con, vợ bỏ, nghe hẳn bình phẩm về đá. Hai người ngồi trước hòn Vọng Phu kia. Anh phả khói thuốc lơ thơ vào không gian, Hòa nghe anh tường như quanh hòn Vọng Phu có tiếng chim hót lạnh lốt, có suối chảy rì rào, rồi tiếng binh khí, tiếng vó ngựa át đi tất cả, và tất cả chìm vào quá vãng, chỉ còn lại tiếng sáo khi bóng khi trầm, ngân nga khúc nhạc dài và hiu hắt cảnh đợi chờ. Hòn Vọng Phu hình như cũng trào nước mắt. Hòa biết, đá chất phác đến lạnh lùng, đá chẳng biết hoa mỹ là gì đâu, có thể nào thì hiện ra như thế mà thôi. Cái diệu kỳ của đá toát ra từ trong cảm lạnh. Chỉ nhờ con người lãng tử này, Hòa mới có thể vui buồn cùng đá. Thế là Hòa ngã vào vòng tay Hiệp. Trai tâm hồn, gái thuyền duyên, còn gì đẹp bằng, Nhưng... quả thật, giá mà cô biết đồng hành cùng giả dối thì đời cô không khổ và cô không đến nỗi thất vọng như thế này. Thất vọng hết như nét mặt của người đàn ông chơi đá ngoài kia.

Một lần, Hiệp mua được một hòn độc sơn ở Xuân Mai, dáng của nó thật lẫm liệt, da của nó thật phong trần. Hiệp mua một triệu nhưng đúng ra là vô giá. Chẳng may khi chuyển từ xe xuống, nó bị gãy ngọn. Hiệp bỏ ăn mấy ngày, chỉ uống rượu. Rồi anh pha được một loại vữa gắn đá vỡ trông như đá nguyên. Nguyên thì nguyên nhưng người chơi đá mà mua phải hòn đá gắn như thế, tốt nhất là vứt đi cho xa, quên đi cho nhanh để đỡ bức mình.

Một hôm có ông khách đến, ưng ý quá, ông trả ngay ba triệu. Lòng Hòa rối bời cả lên. Sướng quá, ba triệu bạc; nhưng mà... Mặc dù vẫn định kể xừ ông khách, cô lại buột miệng:

- Dáng đẹp quá, chỉ phải mỗi một tẹo gắn ở chỗ này.

Thế là hòn độc sơn phải xếp vào góc vườn cho đến bây giờ.

Sau khi khách về rồi, Hiệp gọi

Hòa đến chấn chỉnh. Lúc đầu anh còn nói bóng bẩy:

- Em đúng là con chim họa mi của núi rừng Trường Sơn lạc về đây.

- Nhưng... mình làm thế nào thì bán như thế có được không?

Bấy giờ thì anh phải xằng:

- Được quá đi chứ! Nhưng mình sẽ phải ăn cút cho thiên hạ vì thiên hạ lừa được mình mà mình không lừa được ai.

Từ đấy, anh không bao giờ cho Hòa xen vào chuyện mua bán của mình nữa.

Cách đây mấy năm, một lần cô nhận được một phong thư. Có lẽ thư của một anh lái xe nào đấy từ hồi thanh niên xung phong ở đường Trường Sơn, bây giờ có được tin tức mới gửi thư cho nhau. Đọc thư rồi, Hòa biết vậy, chẳng buồn lần giờ lại kỷ ức xem người đó là ai. Biết mà làm gì. Lúc này, cuộc đời thế là đã xong rồi. Hòa định đốt cả đi nhưng xem lại cái phong bì, thấy cảnh hòn trống mái rất đẹp nên Hòa giữ lại, cất, dán vào quyển lưu niệm. Những lúc phải ngồi một mình trong lán như thế này, dù thích, dù không, Hòa cũng giở ra ngắm. Một lần thu dọn đồ đạc, Hòa nhặt được một hòn rằm cối giống hệt hòn đục trên cái phong bì, thế là cô cọ rửa sạch sẽ, cất đi. Cô nảy ra ý định, sẽ tìm bằng được hòn kia. Ý định đó đem lại nhựa sống cho cô, khiến cô đỡ buồn. Tìm được hòn kia, hòn này sẽ hết cô đơn và như vậy, đời cô cũng bớt cô đơn. Cô tìm mấy năm rồi mà tìm chưa thấy. Bây giờ, rõ ràng cô phải trao hòn đá này cho ông khách ngoài kia.

Nếu không, sẽ chẳng bao giờ xóa được nỗi thất vọng trên nét mặt của ông.

Thấy ông đứng dậy, cô vội lấy giẻ gói cẩn thận hòn đá, bỏ vào túi, rồi vội vàng dắt xe đạp đi ra.

Có bảo Hiệp:

- Anh ở nhà, em đi chợ mua thức ăn đây.

Để cho Hòa ra gần tới đường, Hiệp mới gọi:

- Này, quay lại tôi bảo cái này đã.

Khi Hòa quay lại, anh chỉ vào cái túi đeo ở ghi đông:

- Cô đành đem hòn đá cho ông khách quý ấy chứ gì?

Hòa rất nhanh trí:

- Lấy ông ta bao nhiêu?

- Hòn này không trị giá bằng tiền được đâu. Thôi cô đi đi!

Hòa quay đầu xe, ngóng theo chiếc 82 nhưng chẳng biết ông khách đi đằng nào. Nhìn xuống chiếc xe đạp của mình, cô trào nước mắt. Vậy mà cô vẫn cố leo lên yên để đi tìm cho được người đàn ông mê đá kia. ■



Dầu thác vẫn còn

NGUYỄN TRONG HOẠT

Hồi nhỏ, tôi từng chứng kiến các bạn đồng niên của bác Ba tôi đến nhà chơi rồi cùng đàm đạo cái đẹp trong nghệ thuật thư pháp, thư họa chữ Nho. Theo họ, viết đẹp chữ thánh hiền quý lắm và ai cũng khen bác tôi chữ tốt, tốt trong trường hợp này được hiểu là đẹp. Hẳn vì lẽ đó, ông cụ thường được bà con trong làng nhờ viết văn bia, trướng liễn. Đặc biệt, những văn tự trong đám tang như lá triệu treo trên bàn thờ người quá cố, tờ sớ (bằng chữ Nho) đặt trên quan tài trước khi hạ huyệt... của cả làng, hầu như đều do bác tôi thủ bút. Ông coi đó như việc của mình; nghe nhà nào có người qua đời là ông liền đem bút mực tới và soạn vài giấy ra rồi cặm cụi viết. Thù lao tất nhiên không bao giờ được nhắc đến trong việc này. Thời gian dần qua, người biết chữ Hán cổ trong làng nối nhau thành người thiên cổ; bác tôi cũng không còn đi lại dễ dàng sau vụ tai nạn.

Bữa đó, bác từ đồng về, bị một thanh niên đang tập chạy xe máy tông vào. Tường không qua khỏi nhưng sau hai tháng nằm viện, sức khỏe ông dần bình phục, đầu óc trở lại gần bình thường; nhưng ông chỉ có thể nhúc nhích đi lại trong nhà. Hôm ông vừa từ bệnh viện về, trong làng có một cụ “ra đi”. Thân quyến người mất đến nhờ bác tôi

viết những văn tự quen thuộc nhưng ông đi lại sao được. Nghĩ một lát, ông bảo đem vải, giấy đến nhà để ông viết. Bác gái tôi không đồng ý cho sửa soạn văn vật đám tang ngay tại nhà mình. Nhìn nét mặt lo lắng của bác gái, tôi biết bà sợ việc này sẽ ảnh hưởng không hay đến gia đình, theo quan niệm tâm linh nào đó. Thuyết phục bác gái không được, bác trai buồn rầu: “Việc nhiều người không làm được mà mình làm được. Mình làm được nhưng không làm thì sống khác nào đã chết?!” Thấy chồng ứa nước mắt, bác gái hoảng quá, đành chiều theo ý ông. Cũng từ đấy, trong làng có đám tang, bác tôi ngồi tại nhà viết những văn tự tiễn đưa người quá cố hoặc giúp người khác việc gì đó liên quan đến chữ Hán cổ. Được làm những việc ấy, ông như khỏe ra và còn vui vầy bên con cháu đến đại thọ.

Giờ đây, cò đã xanh trên mộ bác tôi từ lâu; nhưng mỗi khi làng có đám tang hoặc cần người viết văn bia hay dịch gia phả từ Hán cổ ra Quốc ngữ, người ta lại nhắc ông. Họ thường xuýt xoa tiếc nuối: “Giá như ông Ba còn sống...” rồi trân trọng kể những việc tốt đẹp ông từng làm cho chòm xóm, gia tộc. Vậy là, dầu thác nhưng bác tôi vẫn được nhiều người tưởng nhớ. Điều đáng quý ấy đâu phải tự nhiên có được - Anh em tôi thường nhắc nhau như thế mỗi khi nhớ về người bác kính yêu.



Hoa so đũa

HÀI TRÌNH

*Ngày mẹ mất, con không về kịp
So đũa trước nhà nở trắng màu tang*

Quán vắng. Ngồi đếm những giọt cà phê đen ngòm uể oải rơi xuống đáy ly. Tôi nói khẽ với người bạn: “Biết đến khi mô mình mới được về quê ăn Tết hè?”. Bạn vẫn ngồi im lặng suy tư, một thoáng buồn xa xăm hiện lên đôi mắt đã lộ những nếp hằn dấu bể. Dòng sông thì cứ hững hờ trôi, những khóm lục bình hoa tím tím cứ dập dềnh theo sóng nước mà vỗ về đám lau sậy buồn tênh. Đã bao nhiêu năm rồi mà cứ lẫn lữa hên. Rồi vẫn biệt tăm nhàn cá. Tội nghiệp để mẹ già tay che mắt nhắm, thấp thỏm ngóng chờ trong từng cơn lạnh ngọn gió cuối đông.

Rồi một ngày, nghe hung tin. Tôi hối hả trở về trên những chuyến xe “lực bất tòng tâm”. Phải mất hết đến hai, ba ngày đêm bám dập mới nhìn lại được bóng dáng quê nhà. Chân bước dồn vào ngõ vắng. Thoạt trông mấy ngọn đèn heo hắt trên chiếc áo quan lạnh giá, nước mắt đã tuôn trào. Chạy một mạch vào nhà, chưa dám nhìn ai để chào hỏi, tôi muốn ôm chầm xác mẹ, nhưng còn đâu nữa! Chỉ cách mấy phân gỗ mong manh mà âm dương cách trở. Tôi khóc như trẻ thơ,

khóc thay cho lời tạ tội hơn là thương tiếc. Quấn vội vành khăn tang, quỳ trước vong linh mẹ mà chẳng nói được lời nào... Thức với mẹ đêm nay, để gọi là báo đáp ơn nghĩa sinh thành, công lao dưỡng dục. Sáng mai mẹ ra đi rồi! Cư tang mẹ được mười ngày, tôi lại phải trở vào Nam với gánh nặng con đàn cháu đống. Cuộc sống cứ trôi đi bình thản...

Phiên chợ cuối năm vẫn ồn ào náo nức, mà sao tai tôi vẫn còn văng vẳng lời hứa năm nào – Mẹ đừng buồn, con sẽ về với mẹ. Bàn tay khô ráp, dấu tích của những tháng năm thân cò lặn lội nhẹ vuốt lên đầu tôi, mẹ nói trong nước mắt: “Ly hương bất ly tổ, nghe con?”. Con nhớ mà, mẹ nhắc mãi chỉ rửa cho con càng thêm bịn rịn. Khi mô Tết đến con sẽ về với mẹ. Về mà bữa củi bèo tre cho mẹ, mà thức canh nổi bánh với mẹ chứ... Thế là đã mấy mươi năm rồi, mà lời hứa vẫn như nước chảy qua cầu! Mẹ ơi! Món nợ ấy mãi ray rút lòng con như một món nợ quê hương trĩu nặng. Hên từ thuở tóc hãy còn xanh mà bây giờ đã bạc trắng hơn nửa mái đầu. Hên đến lúc mẹ không còn ở trên trần gian nữa. Con cúi xin vong hồn mẹ lượng thứ...

Những cơn gió cuối đông se lạnh lại trở về. Những chùm so đũa lại nở trắng ngoài sân.

TRƯA HOANG

HOÀNG QUY

Buổi trưa. Ngồi trên lưng đèo Le, gió rì rào qua rừng cây bạt ngàn, tiếng suối reo như dòng thời gian chảy dài vô tận, Vài vạt nắng vàng hanh như những tấm thảm di động phía bên kia bờ rừng. Trời đã trưa hoang. Tựa lưng vào vách đá, nhắm mắt lại, nghe dòng sông thời gian lang thang trong nỗi cô đơn tĩnh lặng. Tôi sẽ phải chia sẻ ý niệm thời gian giữa buổi trưa hoang tĩnh mịch trên lưng đèo này như Đình Quân mơ giấc mơ trưa *"Quê nhà đi giấc trưa hoang"*. Thời gian dường như đã trở thành hệ lụy của quá khứ, hiện tại và tương lai... Một buổi trưa quá ngộ, đã như là... Trưa hoang không hề đánh dấu một khoảnh khắc của vạt nắng hanh vàng ngoài ngõ vắng. Một buổi trưa quá ngộ như chờ đợi ngọn gió mát thổi qua cánh rừng lau tịch mịch. Nó như nỗi cô đơn không cùng của kiếp phù sinh. Hàng chục nghìn năm qua, nỗi buồn quanh quẩn ấy cứ chìm khuất trong tâm tưởng con người, tưởng chừng như vô có. Thời gian – trưa hoang ấy không phải nó chia cắt theo giờ đồng hồ thiên niên kỷ, cũng không thể dừng lại trên dòng sông khái niệm về thời gian; mà nó là niềm cảm xúc chìm sâu trong tâm thức và nỗi hoang tàn trên sa mạc của khổ đau. Và đây cũng là phần của cuộc sống. Một *Tý ư dương sanh*, một trưa hoang quá ngộ, thời khắc của động và tĩnh chu toàn trong một quá trình tiến hoá của ngày và đêm mà bao đời qua đã để lại trong tư tưởng của loài người một ước lệ, gần như khó vượt qua sự ràng buộc chính của thời gian.

Nhưng, trưa hoang là khoảng trống mênh mông chứ không hề là định vị của một thời khắc. Nó vượt ra ngoài nỗi đau của thời gian như là... mà thân phận của con người đã chìm sâu trong dòng sông thời gian chia cắt. Thực ra, nỗi cô đơn ấy đã chảy suốt trong dòng hư ảo của tâm thức, nó thuộc về ký ức co giãn, mà nó cũng ẩn tàng trong vô thức, giấu mình dưới lớp sương mờ bao phủ của tâm trí. Lúc nào nó cũng sẵn sàng chờ đợi để trở thành..., để như là những làn sóng lan tỏa, như ngọn gió trưa lang thang ngoài bờ tre mang theo chút nắng hanh vàng trên bãi vắng. Lúc ấy, trưa hoang.

Tôi xa quê nhà đã lâu. Dường như chỉ mới đây thôi. Ngày hôm qua. Trưa hôm ấy. Ở khoảng không gian nào đó, tôi cũng nghe mùi hương quá ngộ trưa hoang. Ngả mình trên chiếc võng đong đưa trong vườn nhãn Bạc Liêu, trưa hoang thoang thoảng thơm mùi hương tóc... và lặng chút buồn thoáng đi qua mà đã một đời tôi không nói hết. Trưa hoang ngoài Bãi Bụt, đôi mắt người xưa như hồi quang, như xuyên quang, như thấu

quang, không không gian, không thời gian, mãi đọng trên ngọn Tiên Sa cơn gió trưa hoang trẻ trảng thổi suốt tháng năm dài... Và ở một nơi, quá ngộ một tàu cau rơi vỡ giấc mơ trưa, xa xăm đến thế. *"Tàu cau rơi vỡ xa xăm"* (*Giấc mơ trưa* – Đình Quân). Cõi hư ảo ấy chìm sâu trong mỗi tấm lòng mà thời gian đã nhuộm tím quá khứ lưu tồn, chuyển dịch như một dòng chảy không khởi đầu và cũng không kết thúc. Phải chăng, đây là ý nghĩa phi thời gian của siêu tâm thức, mở ra cho những cuộc tao phùng. Phải chăng, chúng ta đang lẫn lộn trong quá khứ chống chọi những hình ảnh, phiêu diêu trong những âm thanh, những khổ đau kéo lê thê trong chuỗi thời gian bất tận, và hữu hạn của một đời người chìm nổi bất an. Dù quá khứ có thăng hoa, nó vẫn là nỗi ám ảnh thường trực, chống chọi như những cơn bão của thời gian cuốn đi và để lại: *"Có một thuở trưa buồn biết mấy, Nắng đây trưa, trưa tự bao giờ..."*

Không ai níu lại được thời gian vì, trưa hoang mênh mông quá, cảm giác bao la ấy vượt ra khỏi lớp ngôn từ. Chính đó là sự sống ở trong trạng thái sáng tạo, không có yếu tố của thời gian hạn hẹp, nó vô lượng bất khả tri kiến. Trưa hoang. ■



Lời cảm ơn cuộc sống

Tkita bác Sáu Nghĩa,
Đáng lẽ cháu phải trực tiếp xin lỗi và bày tỏ lòng kính trọng đối với bác, nhưng trong lòng cứ ngại ngại và e thẹn. Thật vậy, cháu cũng như nhiều người khác trong hẻm 280 Huỳnh Văn Bánh P.11, Q. Phú Nhuận cứ bị bác cự nự vì không giữ vệ sinh hẻm; mấy đứa nhỏ con chúng cháu cũng thường bị bác la rầy vì chạy nhảy, la hét, phá phách... Chúng cháu vẫn thương bâu môi nói nhỏ với nhau, "Cái ông già bày chuyện! Hẻm quanh co, đầy lỗ hổng, ổ gà, sạch nổi gì!". Hợp tổ dân phố, bác kêu gọi giữ vệ sinh chung, kêu gọi đóng góp sửa con hẻm. Mọi người chỉ nín thinh hoặc chỉ cười mỉm. Thế rồi tuần trước, bác khệ nệ đặt mấy bao cát, mấy đồng đá ở trước cửa nhà, đường hẻm trở nên chật chội hơn. Chúng cháu lại to nhỏ, "Đấy, cứ bảo người ta phải trật tự, giữ vệ sinh chung. Nay sửa nhà thì chất cả cát đá ra ngoài!". Thế nhưng suốt ba ngày vừa qua, bác cầm cui trộn cát, đá, xi măng lấp đầy các lỗ hổng của con hẻm. Cả con hẻm dài chừng năm chục mét mà đoạn hẻm tì lộ chính vào đến nhà bác chỉ chừng ba chục mét. Trong ba ngày qua, bác đã một mình sửa sang được hơn hai chục mét. Ngày hôm qua, lúc chiều tối cháu đi làm về, lại thấy trước nhà bác một đồng cát đá bằng như đồng cát đá hôm trước. Có nghĩa là bác sẽ tự mình sửa dần con hẻm. Bác đã tận tụy vì mọi người, âm thầm thực hiện thiện chí của mình. Cao đẹp thay tấm lòng của bác. Cháu thật xấu hổ vì đã chế cười bác. Xin bác nhận nơi đây lời tạ lỗi và sự bày tỏ lòng cảm phục của cháu đối với bác.

T.B.: Kính nhờ tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xem thư và mong được đăng tải.

Lê Nguyên Phúc

Vừa được tiếp nhận vào làm việc cho một đơn vị trong thành phố, em đã may mắn xin được tạm trú diện KT3 ở nơi bác ruột em giao cho em một căn phòng riêng sau khi vợ chồng chị con gái độc nhất của bác ra ở riêng. Vì mới vào làm việc, em vẫn phải bỏ túi hồ sơ cá nhân. Sáng thứ ba đầu tháng 12 này, được lãnh đạo đơn vị cho phép về sớm hai tiếng đồng hồ, em chạy vội đến trụ sở ủy ban phường xin chứng thực mấy bản sao những giấy tờ cần thiết. Hồ sơ của em chỉ gồm ba bản chính với mỗi thứ bốn bản sao chụp cần được chứng thực và tám giấy chứng nhận diện tạm trú KT3, tất cả được đặt trong một tấm bìa cứng ràng bằng một sợi dây thun ở yên sau chiếc xe đạp công của bà chị để lại. Đến trước trụ sở ủy ban phường nằm trong một con hẻm rộng ở đường Nguyễn Văn Đậu quận Bình Thạnh, em dừng xe và sững người thấy rằng sợi dây thun ràng xấp hồ sơ của em chỉ dính một đầu trên xe, còn xấp hồ sơ thì rơi mất tự lúc nào. Lo sợ vì mất hết giấy tờ, em đứng tần ngần ngay trước trụ sở ủy ban chưa biết làm thế nào. Bỗng có một em học sinh chừng

mười lăm mười sáu tuổi chạy tới, cầm xấp hồ sơ của em, bảo rằng, em thấy hồ sơ của chị rơi ra, em gọi mà chị không nghe, thấy chị quẹo vào ủy ban phường nên em nhất giúp và mang lại cho chị nè. Chàng vâng vì sợ và mừng, em chỉ kịp nhìn thấy em học sinh mang phù hiệu của trường Phan Đăng Lưu chứ không kịp nhìn thấy tên của em ấy. Giao hồ sơ cho em xong, em học sinh ấy vội vàng bỏ đi, nói là quay lại trường. Qua báo VHPG, em xin nói lên lời cảm ơn về nghĩa cử của em học sinh nọ.

Trần Thị Hoàng Mỹ, Bình Thạnh, TP. HCM



Bánh quai vạc

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Là loại bánh có nhân thập cẩm hoặc nhân đậu xanh, bọc bên ngoài là lớp bột lọc trong veo, gọi là bánh lọc trần. Nhưng khi ta dùng tay bắt xoắn mí bánh lại thì bánh có hình dáng quai của cái vạc nên gọi là bánh quai vạc.

Nguyên liệu:

- Bột lọc tươi: 1 kg (hoặc 800gr bột năng khô)
 - Đậu xanh cà: 500gr
 - Bo-a-rô: 1 cây
 - Ớt trái: vài quả
- Gia vị: muối, tiêu, nước tương và dầu ăn.

Cách làm:

- Đậu xanh: ngâm nước cho nở, đãi vỏ. Nấu chín, đánh mịn. Ướp với muối, tiêu, một muỗng súp dầu phi với bo-a-rô trộn đều.

Vo thành từng viên khoảng viên bi để làm nhân.

- Bột lọc tươi: bóp mịn (nếu dùng bột năng khô thì trộn với nước ấm cho ẩm bột). Chia bột làm hai phần: lấy một nửa vắt thành từng viên bột lớn khoảng nắm tay, đem luộc nhanh trong nồi nước đang sôi. Khi thấy lớp bột bên ngoài hơi trong thì vớt ra nhồi chung với nửa phần bột còn lại cho đến khi bột dẻo lại thành khối.

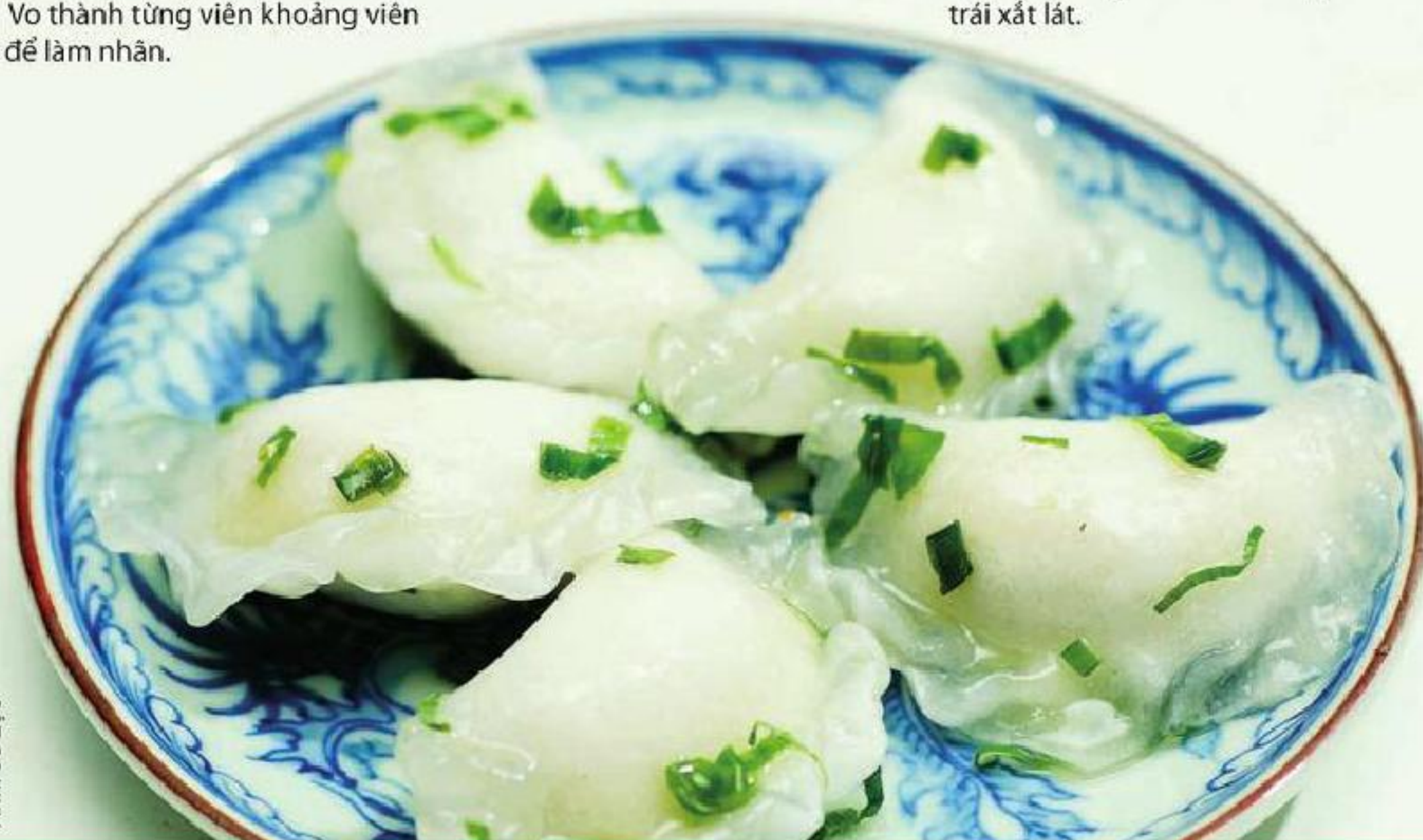
Ngắt bột thành viên trần, khoảng bằng trái chanh. Nắn đẹp,

cho viên nhân đậu xanh vào giữa gấp mí thành hình bán nguyệt. Dùng ngón tay bắt mí xoắn lại như dây thừng.

Bắc nồi với nhiều nước, nấu sôi. Nước sôi già thả bánh vào luộc, khi bánh nổi lên là bánh chín. Vớt bánh qua thau nước lạnh để bột bánh được trong. Đổ bánh ra rổ để ráo, trộn với dầu phi thơm với lá bo-a-rô xắt nhỏ cho bánh khỏi dính với nhau.

Bánh dùng với nước tương và ớt trái xắt lát.

Ảnh: Võ Lọc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN®
 Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp 0768A70A.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659

82 Nguyễn Du - Q.1 ĐT: (08) 22422372

237 Trường Chinh, P. 12, Q. Tân Bình

C1 Đường số 4 Khu Dân cư Tân Trường, Đường Gò Ô Môi, P. Phú Thuận, Q. 7





711 Lê Hồng Phong, Q.10, TP.HCM
ĐỐI DIỆN VIỆT NAM QUỐC TỰ
 Tel: 397 97 128 - 397 97 168

Đến Vajra, Quý vị sẽ được phục vụ miễn phí một tách trà sữa truyền thống Tây Tạng độc đáo, xem tranh nghệ thuật Mật giáo, đọc sách Kim Cương Thừa, thưởng thức những loại thức uống ngon, sử dụng Internet wifi thoải mái... và 100% lợi nhuận của Vajra được cho nhân phát tâm từ thiện.

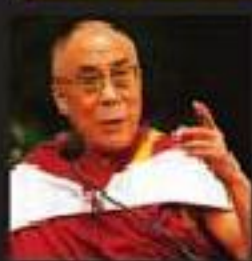


**DU LỊCH TÂM LINH
 NGỌC VIỆT**
 SPIRITUAL TRAVEL
 Tel: 38 48 33 88
 399 77 987
 Khởi hành hàng tháng:

- ĐẤT PHẬT ẤN ĐỘ - NEPAL
- VŨ TRỤ TÂM LINH
- TÂY TANG HUYỀN BÍ
- VƯƠNG QUỐC PHẬT GIÁO BHUTAN
- TỨ ĐẠI PHẬT SƠN TRUNG QUỐC

JOIN & FEEL

TOUR ẤN ĐỘ - NEPAL 11 ngày
 khởi hành từ Hà Nội 10/1/2011 (07/12 ÂL)
 khởi hành từ TP.HCM 13/2/2011 (16/01 ÂL)
TOUR TỨ ĐẠI PHẬT SƠN - TRUNG QUỐC
 khởi hành từ TP.HCM 15/3/2011 (11/02 ÂL)
 khởi hành từ Hà Nội 18/5/2011 (16/04 ÂL)



HÀNH HƯƠNG VỀ ĐẤT PHẬT
 và tham dự Pháp Hội dành cho
 Người Việt Nam của
ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA ĐỐI THỨ 14
 tại Dharamsala, Ấn Độ

VP: **CHÙA VĨNH NGHIÊM**
 339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM
 Tel: 38 48 33 88 Mobile: 0958 807 665

Anh Tấn: 0933 883363 **Anh Quang:** 0938 061952 **C. Thảo:** 0958 807665

VIỆT CHAY

www.vietchay.vn

Tel: 38 48 33 99

Ngày Rằm Buffet RAU
 MỪNG 1 Buffet THIÊN NHIÊN

CHÙA VĨNH NGHIÊM

339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM
 Email: nhahangvietchay@yahoo.com



MANI MEDIA®

Thế giới Phật giáo

Tel: 39 97 97 88

Giới thiệu nhiều bộ
**PHIM HOẠT HÌNH
 PHẬT GIÁO**

tại Siêu thị Pháp Hoa

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG MANI

VP: CHÙA PHỔ QUANG - 64/3 Phổ Quang, P.2, Q. Tân Bình, TP.HCM
 Tel: 39 97 97 88 - Email: manimedia38@yahoo.com
 Mobile: 0933 38 62 38 - Website: www.manimedia.vn

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

**TỔ IN ẤN
 & PHÁT HÀNH KINH SÁCH**

Tel: 3846 9721 - 0933 38 8668

KINH - LUẬT - LUẬN - SÁCH

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Quận 3
 Email: toinanthpg@yahoo.com

THIẾT KẾ PHẬT GIÁO LIÊN HOA

LOTUS DESIGN®

www.lotusdesign.vn

Tel: 38 48 38 00

Quảng cáo, Danh thiếp, Tờ rơi, Lịch, Banner, Bảng tròn,
 bảng hiệu, Brochure, Website, Catalogue,...

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Quận 3
 Email: lotusdesign38@yahoo.com



PHẬT NGỌC

Buddha Jade Co., Ltd

Email: phatngoc38@yahoo.com - www.phatngoc.vn

ĐỐI DIỆN

Tel: 3517 2828

QUAN ÂM TÚ VIỆN PHÚ NHUẬN

40 Củ Lao, P.2, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

Hiện còn 1 vài mặt dây chuyền
 Phật Ngọc Quan Âm từ khối ngọc
POLAR PRIDE

và có phát hành các sản phẩm ngọc
 không cùng khối ngọc POLAR PRIDE
 mà cùng mỏ ngọc bên Canada

TRUNG TÂM

PHẬT NGỌC

Thực phẩm chay, đồ thờ cúng,
 tranh tượng, pháp khí, pháp
 phục, tặng phẩm, nhu yếu phẩm,
 ấn phẩm Phật giáo, kinh sách,
 băng đĩa, chuỗi hạt...

Phát hành sỉ và lẻ:
 Các loại văn hóa phẩm Phật giáo
 đặc biệt hàng Mật Tông
 (Kim Cương Thừa)

711 LÊ HỒNG PHONG, Q.10
 (đối diện VIỆT NAM QUỐC TỰ)
TEL: 397 97 168 - 397 97 138
 www.phatngoc.vn

TRUNG TÂM

PHẬT NGỌC

CHUYÊN BÁN SỈ

94 PHAN ĐÌNH PHÙNG, Q. PHÚ NHUẬN
 Email: trungtamphatngoc@yahoo.com
Tel: 3990 3888

PHÁP PHỤC

LAM HIỀN®

Lam Hiền tỏa sáng bước trang nghiêm...

Shop MAY & VP tại **CHÙA PHỔ QUANG** - 64/3 Phổ Quang, P.2, Q. Tân Bình,
 Tel: (08) 399 77 200 - 0907 010 770 - Email: lamhien38@yahoo.com

Xưởng may tại Ấp An Hòa, Xã An Phú, Huyện Củ Chi, Tp.HCM - Tel: 2247 3388



**SIÊU THỊ
 PHÁP HOA**

www.sieuthiphatgiaovn

Tel: 3845 1828

CHÙA PHỔ QUANG

64/3 Phổ Quang, P.2, Q. Tân Bình



VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn

Cuộc sống đích thực

VNPT



www.hue.vnn.vn

Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông VIỆT NAM
Viễn thông Thừa Thiên Huế

ĐC: 8 Hoàng Hoa Thám, Thành phố Huế
Tel: 054.3824008 / 3834499 * Fax: 054.3823474



FTTH



● **Trung tâm Dịch vụ khách hàng**

Add.: 51A Hai bà Trưng, Huế

Tel: 054.3883999 * Fax: 054.3895559

● **Trung tâm dịch vụ Bưu chính Viễn thông đa phương tiện (MMC)**

Add.: 27 Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Huế

Tel: 054.3555555 * Fax: 054.3855555

● **Trung tâm Viễn thông Huế**

Add.: 15 Trần Cao Vân, thành phố Huế

Tel: 054.3888888 * Fax: 054.3823460

● **Trung tâm Viễn thông Nam Sông Hương**

Tel: 054.3898006 * Fax: 054.3898004

● **Trung tâm Viễn thông Bắc Sông Hương**

Tel: 054.3589997 * Fax: 054.3589996



Viễn thông Thừa Thiên Huế "Năng lực vượt trội, chất lượng bền vững"

Đón đọc

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Số 121

Phát hành ngày 15 - 1 - 2011

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tịnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chi Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
349 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0511 3873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy Nhơn
- Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chi Hương,
thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 34 đường 21 tháng 8,
Phan Rang, Ninh Thuận, ĐT: 068 3820 885

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khôi Đuôn, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0560 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tỉnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hậu
22 Ngõ Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0987 465 073

CẦN THƠ

Chi Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0520282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103837585

TIẾN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Máy Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VINH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG